

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn

TẬP HAI

6



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

<http://tieulun.hopto.org>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN KHẮC PHI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN ĐÌNH CHÚ (Chủ biên phần Văn)
NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên phần Tiếng Việt) – TRẦN ĐÌNH SỬ (Chủ biên
phần Tập làm văn) – NGUYỄN VĂN LONG – NGUYỄN QUANG NINH – ĐỖ NGỌC THỐNG

Ngữ văn 6

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01-2011/CXB/45-1235/GD

Mã số : 2H609T1

<http://tieulun.hopto.org>

BÀI 18

Kết quả cần đạt

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của **Bài học đường đời đầu tiên** đối với Đế Mèn trong bài văn, những đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả, kể chuyện và sử dụng từ ngữ.
- Nắm được ý nghĩa và công dụng của **phó từ**.
- Nắm được những hiểu biết chung về **văn miêu tả**; những yêu cầu của **văn tả cảnh và tả người**.

VĂN BẢN

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm⁽¹⁾ bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn⁽²⁾, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ⁽³⁾ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng⁽⁴⁾. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn⁽⁵⁾ lắm. Dám cá khía⁽⁶⁾ với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai

đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he⁽⁷⁾. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xóc nổi⁽⁸⁾ thường lắm cử chỉ ngông cuồng là tài ba. Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngu⁽⁹⁾ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, gheo anh Gọng Vó⁽¹⁰⁾ lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Chao ôi, có biết đâu rằng : hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại dột, dù về sau có hối⁽¹¹⁾ cũng không thể làm lại được.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời.

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng⁽¹²⁾ thế. Choắt nợ có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê⁽¹³⁾. Đôi càng bè bè⁽¹⁴⁾, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẫu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy, tính nết lại ăn xối ở thì⁽¹⁵⁾ (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngạch như hang tôi.

Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà luộm thuộm, bẽ bộn, tôi bảo :

– Sao chú mày sinh sống cầu thả⁽¹⁶⁾ quá như thế ! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng⁽¹⁷⁾. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi⁽¹⁸⁾ ! Này thử xem : khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lồm cồm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đương đi đứng chỗ nào trong tổ. Phỏng thử⁽¹⁹⁾ có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mỗi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời ! Ôi thôi, chú mày ơi ! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc⁽²⁰⁾, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.



Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu :

– Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thở rồi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nổi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm như thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

Rồi Dế Choắt loanh quanh, bấn khoăn. Tôi phải bảo :

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng⁽²¹⁾ ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng :

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngạch sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn⁽²²⁾ có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu, tôi đã héch rặng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng :

– Hức ! Thông ngách sang nhà ta ? Dễ nghe nhỉ ! Chú mày hôi như cú mèo⁽²³⁾ thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết !

Tôi về, không một chút bận tâm.

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le⁽²⁴⁾, sâm cầm⁽²⁵⁾, vịt trời, bồ nông, mòng, két⁽²⁶⁾ ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều toả xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

Bỗng thấy chị Cốc từ dưới mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chùng rớ⁽²⁷⁾ được món nào, vừa chén xong, chị ta tìm đến đứng chỗ mát rửa lông, rửa cánh và chùi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh⁽²⁸⁾. Chẳng bạn đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Đế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi :

- Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không ?
- Đùa trò gì ? Em đương lên cơn hen đây ! Hừ hừ ...
- Đùa chơi một tí.
- Hừ... hừ... Cái gì thế ?
- Con mụ Cốc kia kìa.

Đế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :

- Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả ?
- Ừ.

– Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt :

- Sợ gì ? Mày bảo tao sợ cái gì ? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa !

– Thưa anh, thế thì... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Đế Choắt và bảo :

– Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rĩa cánh quay đầu lại phía cửa tổ tôi, tôi cất giọng véo von :

*Cái Cò, cái Vạc, cái Nông
Ba cái cùng béo, vật lông cái nào ?
Vật lông cái Cốc cho tao
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.*

Chị Cốc thoát nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế nào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần⁽²⁹⁾ lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi, hỏi :

– Đứa nào cạnh khoé⁽³⁰⁾ gì tao thế ? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế ?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ⁽³¹⁾. Bụng nghĩ thú vị : "Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu !".

Một tai hoạ đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là : không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Đế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liền quát lớn :

– Mày nói gì ?

– Lạy chị, em nói gì đâu !

Rồi Đế Choắt lủi vào.

– Chối hả ? Chối này ! Chối này !

Mỗi câu "Chối này" chị Cốc lại giáng một mỗ xuống. Mỗ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỗ, Choắt queo xương sống lăn ra kêu văng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thìn thút. Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rĩa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cảnh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Đế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn :

– Sao ? Sao ?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng :

– Nào tôi đâu biết cơ sự⁽³²⁾ lại ra nông nổi này ! Tôi hối lắm ! Tôi hối hận lắm ! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này :

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh : ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum⁽³³⁾. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

(Tô Hoài (★), *Dế Mèn phiêu lưu kí*,

in trong *Tuyển tập Tô Hoài*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

Chú thích

(★) Nhà văn Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen, sinh năm 1920, quê nội ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), lớn lên ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tô Hoài viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám 1945. Ông có khối lượng tác phẩm rất phong phú và đa dạng, gồm nhiều thể loại, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.

Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*.

Dế Mèn phiêu lưu kí được in lần đầu năm 1941, là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Truyện gồm mười chương, kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé. Vốn quen sống độc lập từ thuở bé, khi trưởng thành, chán cảnh sống quẩn quanh bên bờ ruộng, Dế Mèn lên đường phiêu lưu để mở rộng hiểu biết và tìm ý nghĩa cho cuộc sống của mình. Dế Mèn đã đi qua nhiều nơi, gặp gỡ nhiều loài, thấy nhiều cảnh sống và cũng nhiều phen gặp gian nan, nguy hiểm, nhưng

Dế Mèn không nản chí, lùi bước. Dế Mèn là một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ, ham hiểu biết, trọng lẽ phải, khao khát lí tưởng và quyết tâm hành động cho những mục đích cao đẹp.

(1) *Mẫm* : đầy đặn, mập mạp (thường dùng cho cây cối, loài vật, ít dùng cho người).

(2) *Hùn hoẳn* : (từ ít dùng) ngắn lắm, ngắn đến nỗi khó coi ; cũng như ngắn cùn cùn.

(3) *Vũ* : vốn có nghĩa là múa ; ở đây có nghĩa là vỗ cánh.

(4) *Hùng dũng* : mạnh mẽ, can đảm và hiên ngang (*hùng* : mạnh, *dũng* : can đảm, gan dạ).

(5) *Tợn* : bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ.

(6) *Cà khịa* : cố ý gây chuyện để cãi nhau, đánh nhau dù không có lí do gì đáng kể.

(7) *Không ai dám ho he* : không ai dám tỏ thái độ phản ứng (bằng lời nói hoặc cử chỉ) một chút nào.

(8) *Xốc nổi* : hăng hái nhưng thiếu chín chắn.

(9) *Ngụ* : ở để làm ăn sinh sống.

(10) *Gọng Vó* : loài côn trùng nhỏ vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn, thân màu bùn đất, chân dài.

(11) *Hối* : cảm thấy tiếc và băn khoăn, day dứt vì đã trót làm điều lầm lỗi.

(12) *Trịch thượng* : ra vẻ bề trên, khinh thường người khác.

(13) *Gi-lê* : (phiên âm từ tiếng Pháp) áo chèn kiểu Âu, không tay, không cổ, ngắn đến thắt lưng, thường để mặc ngoài áo sơ-mi.

(14) *Bè bè* : có bề ngang rộng quá mức bình thường (thường nói về thân thể hoặc bộ phận của thân thể).

(15) *Ấn xối ở thị* (thành ngữ) : cách sống tạm bợ trước mắt cho qua ngày, không tính đến lâu dài (*xối* : tạm bợ trong thời gian ngắn. Ví dụ : cà muối xối).

(16) *Cẩu thả* : không cẩn thận, chỉ qua quýt cốt cho xong.

(17) *Tuềnh toàng* : đơn sơ, trống trải, vẻ tạm bợ.

(18) *Chết ngay đuôi* : chết ngay lập tức, không kịp phản ứng gì (*ngay đuôi* : đuôi ở tư thế thẳng đờ ra) ; cũng như *chết thẳng cẳng*.

(19) *Phỏng thử* : từ nêu giả thiết với ý khẳng định, tương tự như các từ : *giả dụ, giả thử, nếu như, ví phỏng, ...*

(20) *Tự đắc* : tự cho mình là hay, là giỏi.

(21) *Nói thẳng thừng* : nói thẳng ra, không cần úp mở, e ngại.

(22) *Tắt lửa tối đèn* (thành ngữ) : chỉ lúc khó khăn, hoạn nạn cần đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau.

(23) *Hôi như cú mèo* (thành ngữ, thường nói : *hôi như cú*) : hôi hám, có mùi hôi như ở chim cú.

(24) *Le* (thường gọi là *le le*) : chim sống ở nước, hình dạng giống vịt, nhưng nhỏ hơn, có mỏ nhọn.

(25) *Sâm cầm* : chim sống ở nước, mỏ trắng, lông đen, thịt ngon và thơm, sống ở phương bắc, trú đông ở phương nam.

(26) *Mòng, kết* (gọi đầy đủ là *mòng kết*) : chim có hình dạng như vịt nhưng nhỏ hơn, sống ở phương bắc, mùa lạnh di cư về miền ấm hơn ở phương nam.

(27) *Rở* : bắt được một cách dễ dàng, ngẫu nhiên.

(28) *Nghịch ranh* : trò nghịch ngợm tinh quái.

(29) *Định thần* : làm cho tinh thần trở lại trạng thái bình thường.

(30) *Cạnh khoé* : (lối nói) ám chỉ, không chỉ thẳng điều muốn nói mà nói gần nói xa nhằm châm chọc, xoi mói người khác.

(31) *Bắt chân chữ ngũ* : vắt chân nọ lên chân kia, giống hình chữ *ngũ* (*ngũ* : năm) trong chữ Hán.

(32) *Cơ sự* : sự tình, sự việc không hay đã xảy ra.

(33) *Bùm tum* : um tùm.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Kể tóm tắt đoạn trích và cho biết :

a) Truyện được kể bằng lời của nhân vật nào ?

b) Bài văn có thể chia làm mấy đoạn, nội dung chính của mỗi đoạn ?

2. Hãy đọc kĩ đoạn văn từ đầu bài đến *sắp đứng đầu thiên hạ rồi*, sau đó :

a) Ghì lại các chi tiết miêu tả ngoại hình và hành động của Đế Mèn. Nhận xét về trình tự và cách miêu tả trong đoạn văn.

b) Tìm những tính từ miêu tả hình dáng và tính cách Đế Mèn trong đoạn văn. Thay thế một số từ ấy bằng những từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa rồi rút ra nhận xét về cách dùng từ của tác giả.

c) Nhận xét về tính cách của Đế Mèn trong đoạn văn này.

3. Nhận xét về thái độ của Đế Mèn đối với Đế Choắt (biểu hiện qua lời lẽ, cách xưng hô, giọng điệu, ...).

4. Nêu diễn biến tâm lí và thái độ của Đế Mèn trong việc trêu Cốc dẫn đến cái chết của Đế Choắt.

Qua sự việc ấy, Đế Mèn đã rút ra được bài học đường đời đầu tiên cho mình. Bài học ấy là gì ?

5. Hình ảnh những con vật được miêu tả trong truyện có giống với chúng trong thực tế không ? Có đặc điểm nào của con người được gán cho chúng ? Em có biết tác phẩm nào viết về loài vật có cách viết tương tự như truyện này ?

Ghi nhớ

- *Bài văn miêu tả Đế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Đế Choắt, Đế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình.*
- *Nghệ thuật miêu tả loài vật của Tô Hoài rất sinh động, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.*

LUYỆN TẬP

1. Ở đoạn cuối truyện, sau khi chôn cất Đế Choắt, Đế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ của người bạn xấu số. Em thử hình dung tâm trạng của Đế Mèn và viết một đoạn văn diễn tả lại tâm trạng ấy theo lời của Đế Mèn.

2. Chia mỗi nhóm ba học sinh theo vai Đế Mèn, Đế Choắt, Cốc. Đọc phân vai đoạn Đế Mèn trêu Cốc gây ra cái chết thảm thương của Đế Choắt.

ĐỌC THÊM

Nhà văn Tô Hoài kể lại :

"Một lần kia tôi thăm trường phổ thông số 5 ngoại thành Mát-xcơ-va. Các lớp ngồi nghe kể chuyện Việt Nam đánh đế quốc Mĩ. Tôi hỏi :

- Bạn có quen Đế Mèn không ?

Tất cả cười ầm giơ tay một loạt. Các bạn Mát-xcơ-va gửi tôi một món quà nhờ mang cho Đế Mèn : cái hộp to, trong đặt chiếc khay nhôm vuông như cái sân gạch, trên có cây chuối, cây tre, quả dứa và tượng bằng nhựa màu đủ mặt Đế Mèn , Đế Trũi, bác Xiến Tóc, cái Kiến, cô Niềng Niềng, anh Gọng Vó...".

(Tô Hoài, Lời nói đầu truyện Đế Mèn phiêu lưu kí ,
NXB Hải Phòng , 1986)

PHÓ TỪ

I – PHÓ TỪ LÀ GÌ ?

1. Các từ in đậm sau đây bổ sung ý nghĩa cho những từ nào ? Những từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào ?

a) Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người, tuy mất nhiều công mà vẫn chưa thấy có người nào thật lỏi lạc.

(Theo Em bé thông minh)

b) Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng.

(Tô Hoài)

2. Các từ in đậm đứng ở những vị trí nào trong cụm từ ?

Ghi nhớ

Phó từ là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

II – CÁC LOẠI PHÓ TỪ

1. Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho những động từ, tính từ in đậm :

a) Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.

(Tô Hoài)

b) Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

(Tô Hoài)

c) [...] không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Đé Choắt đang loay hoay trong cửa hang.

(Tô Hoài)

2. Điền các phó từ đã tìm được ở phần I và phần II vào bảng phân loại theo mẫu dưới đây :

CÁC LOẠI PHÓ TỪ

	Phó từ đứng trước	Phó từ đứng sau
Chỉ quan hệ thời gian		
Chỉ mức độ		
Chỉ sự tiếp diễn tương tự		
Chỉ sự phủ định		
Chỉ sự cầu khiến		
Chỉ kết quả và hướng		
Chỉ khả năng		

3. Kể thêm những phó từ mà em biết thuộc mỗi loại nói trên.

Ghi nhớ

Phó từ gồm hai loại lớn :

- Phó từ đứng trước động từ, tính từ.

Những phó từ này thường bổ sung một số ý nghĩa liên quan đến hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất nêu ở động từ hoặc tính từ như :

- Quan hệ thời gian ;
- Mức độ ;
- Sự tiếp diễn tương tự ;
- Sự phủ định ;
- Sự cầu khiến.

- Phó từ đứng sau động từ, tính từ.

Những phó từ này thường bổ sung một số ý nghĩa như :

- Mức độ ;
- Khả năng ;
- Kết quả và hướng.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm phó từ trong những câu sau đây và cho biết mỗi phó từ bổ sung cho động từ, tính từ ý nghĩa gì.

a) *Thế là mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sức nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui. Các cành cây đều lấp lăm lấp màu xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trở lá lại sắp bung toả ra những tàn hoa sang sáng, tím tím. Ngoài kia, rừng rậm bụi cũng sắp có nụ.*

Mùa xuân xinh đẹp đã về ! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về !

(Tô Hoài)

b) *Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng.*

(Em bé thông minh)

2. Thuật lại sự việc Đế Mèn treu chị Cốc dẫn đến cái chết thảm thương của Đế Choắt bằng một đoạn văn ngắn từ ba đến năm câu. Chỉ ra một phó từ được dùng trong đoạn văn ấy và cho biết em dùng phó từ đó để làm gì.

3. Chính tả (nghe – viết) : *Bài học đường đời đầu tiên (từ Những gã xốc nổi đến những cử chỉ ngu dại của mình thôi).*

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

I – THẾ NÀO LÀ VĂN MIÊU TẢ ?

1. Hãy đọc và suy nghĩ về các tình huống sau :

– *Tình huống 1* : Trên đường đi học, em gặp một người khách hỏi thăm đường về nhà em. Đang phải đến trường, làm thế nào để người khách nhận ra được nhà em ?

– *Tình huống 2* : Em cùng mẹ đi đến cửa hàng mua áo ; trước rất nhiều chiếc áo khác nhau, nhiều màu nhiều vẻ, treo tận trên cao, làm thế nào để người bán hàng lấy xuống được chiếc áo mà em định mua ?

– *Tình huống 3* : Một học sinh lớp 3 hỏi em : Lực sĩ là người thế nào ? Em phải làm gì để học sinh ấy hình dung ra được hình ảnh của một lực sĩ ?

Trong những tình huống trên, em đã phải dùng văn miêu tả. Hãy nêu lên một số tình huống khác tương tự và rút ra nhận xét thế nào là văn miêu tả.

2. Trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, có hai đoạn văn miêu tả Đế Mèn và Đế Choắt rất sinh động. Em hãy chỉ ra hai đoạn văn đó và trả lời các câu hỏi sau :

a) Hai đoạn văn có giúp em hình dung được đặc điểm nổi bật của hai chú đế ?

b) Những chi tiết và hình ảnh nào đã giúp em hình dung được điều đó ?

Ghi nhớ

Văn miêu tả là loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh, ... làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất.

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy đọc các đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

Đoạn 1 :

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua...

(Tô Hoài)

Đoạn 2 :

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

(Tố Hữu)

Đoạn 3 :

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược,

thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bị bơm lợi bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào.

(Tô Hoài)

Câu hỏi :

Mỗi đoạn miêu tả ở trên tái hiện lại điều gì ? Em hãy chỉ ra những đặc điểm nổi bật của sự vật, con người và quang cảnh đã được miêu tả trong ba đoạn văn, thơ trên.

2. Để luyện tập

a) Nếu phải viết một đoạn văn miêu tả cảnh mùa đông đến thì em sẽ nêu lên những đặc điểm nổi bật nào ?

b) Khuôn mặt mẹ luôn hiện lên trong tâm trí em, nếu tả khuôn mặt của mẹ thì em chú ý tới đặc điểm nổi bật nào ?

ĐỌC THÊM

LÁ RỤNG

Trời cuối đông, vàng ủa nhuộm màu buồn vô hạn. Một luồng gió lạnh thổi qua : mấy chiếc lá rụng.

Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng, thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị ảo đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho chậm tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng, như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại : cả một thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gấn tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến gần trốn một ngọn cỏ xanh mềm mại.

(Khái Hưng)

BÀI 19

Kết quả cần đạt

- Cảm nhận được sự phong phú và độc đáo của cảnh thiên nhiên sông nước vùng Cà Mau. Nắm được nghệ thuật miêu tả cảnh sông nước trong bài văn của tác giả.
- củng cố, nâng cao kiến thức về **phép tu từ so sánh** đã học ở bậc Tiểu học.
- Thấy được vai trò, tác dụng của **quan sát, tưởng tượng, so sánh** và **nhận xét** trong **văn miêu tả**. Biết cách vận dụng các yếu tố này trong khi viết bài văn miêu tả.

VĂN BẢN

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối – thứ âm thanh đơn điệu triền miên⁽¹⁾ ấy ru ngủ thính giác, càng làm mòn mỏi và đuối dần đi tác dụng phân biệt của thị giác con người trước cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu.

Từ khi qua Chà Là, Cái Keo⁽²⁾, ... rồi bỏ con sông Bảy Háp xuôi thuyền trôi theo dòng, thì tôi bắt đầu có cái cảm giác trên đây ... Ở đây, người ta gọi tên đất, tên sông không phải bằng những danh từ mỹ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên. Chẳng hạn như gọi rạch Mái Giầm, vì hai bên bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm⁽³⁾ cọng tròn xốp nhẹ, trên chỉ xoà ra độc một cái lá xanh hình chiếc bơi chèo nhỏ ; gọi là kênh Bọ Mắt vì ở đó tụ tập không biết

cơ man nào là bọt mắt, đen như hạt vừng, chúng cứ bay theo thuyền từng bầy như những đám mây nhỏ, ta bị nó đốt vào da thịt chỗ nào là chỗ đó ngứa ngáy nổi mẩn đỏ tấy lên ; gọi kênh Ba Khía vì ở đó hai bên bờ tập trung toàn những con ba khía, chúng bám đặc sệt quanh các gốc cây (Ba khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon). Còn như xã Năm Căn thì nghe nói ngày xưa trên bờ sông chỉ độc có một cái lán năm gian của những người tới đốn củi hầm than⁽⁴⁾ dựng nên, cũng như Cà Mau là nói trại⁽⁵⁾ đi theo chữ *tức khor mâu*, tiếng Miên⁽⁶⁾ nghĩa là “nước đen”.

Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước⁽⁷⁾ dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành⁽⁸⁾ vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lúa trái rặng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ, ... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.



Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập. Vẫn là cái quang cảnh quen thuộc của một xóm chợ vùng rừng cận⁽⁹⁾ biển thuộc tỉnh Bạc Liêu, với những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch vữa minh hai tầng, những đồng gỗ cao như núi chắt dựa bờ, những cột đậy⁽¹⁰⁾, thuyền chài⁽¹¹⁾, thuyền lưới⁽¹²⁾, thuyền buôn dập dềnh trên sóng ... Nhưng Năm Căn còn có cái bề thế của một trấn⁽¹³⁾ “anh chị rừng xanh” đứng kiêu hãnh phò phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Những bến vận hà⁽¹⁴⁾ nhộn nhịp dọc dài theo sông ; những lò than hầm gỗ được sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam ; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng-sông⁽¹⁵⁾ chiếu rục trên mặt nước như những khu phố nổi, và nơi đây người ta có thể cập thuyền lại, bước sang gọi một món xào, món nấu Trung Quốc hoặc một đĩa thịt rừng nướng ướp kiểu địa phương kèm theo vài cút⁽¹⁶⁾ rượu, ngoài ra còn có thể mua từ cây kim cuộn chỉ, những vật dụng cần thiết, một bộ quần áo may sẵn hay một món nữ trang đắt giá chẳng hạn, mà không cần phải bước ra khỏi thuyền. Những người con gái Hoa kiều bán hàng xởi lởi⁽¹⁷⁾, những người Chà Châu Giang⁽¹⁸⁾ bán vải, những bà cụ già người Miên bán rượu, với đủ các giọng nói lúi lỏ, đủ kiểu ăn vận sắc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo, hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.

(Đoàn Giỏi^(★), *Đất rừng phương Nam*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1996)

Chú thích

(★) Đoàn Giỏi (1925 – 1989) quê ở tỉnh Tiền Giang, viết văn từ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954). Tác phẩm của Đoàn Giỏi thường viết về cuộc sống, thiên nhiên và con người ở Nam Bộ.

Bài văn *Sông nước Cà Mau* trích từ chương XVIII truyện *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi. Tên bài do người biên soạn đặt.

Đất rừng phương Nam (1957) là truyện dài nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi. Truyện kể về quãng đời lưu lạc của bé An – nhân vật chính – tại vùng đất rừng U Minh, miền Tây Nam Bộ trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Qua câu chuyện về cuộc lưu lạc của An, tác giả đưa người đọc đến với cảnh thiên nhiên hoang dã mà rất phong phú, độc đáo và cuộc sống của con người

ở vùng đất cực nam của Tổ quốc. *Đất rừng phương Nam* đem đến cho bạn đọc những hiểu biết phong phú và lòng yêu mến đối với thiên nhiên, con người ở vùng đất ấy.

(1) *Triền miên* : liên tục và kéo dài dường như không dứt.

(2) *Chà Là, Cái Keo* : những địa danh ở vùng Cà Mau.

(3) *Mái giầm* (cũng viết *mái dầm*) : chèo ngắn, không cột cố định vào thuyền mà cầm tay để bơi thuyền (phân biệt với *mái chèo*) ; ở đây dùng gọi tên một loài cây có cành lá hình chiếc mái giầm.

(4) *Hầm than* : đốt lửa âm ỉ trong lò để gỗ cháy dần thành than.

(5) *Nói trại* : nói chệch âm đi, tạo thành một âm khác gần với âm gốc của nó.

(6) *Miên* : Khơ-me.

(7) *Đước* : cây cao, thân gỗ cứng, rễ chùm, mọc thành rừng ở vùng đất ngập mặn, có nhiều ở ven biển Nam Bộ nước ta.

(8) *Trường thành* : bức thành dài (*trường* : dài).

(9) *Cận* : gần, kề.

(10) *Cột đáy* : cọc để giữ lưới đáy (loại lưới hình ống to và dài thường giăng ngang sông).

(11) *Thuyền chài* : thuyền nhỏ dùng đánh cá chủ yếu bằng chài (*chài* : loại lưới hình nón, miệng đáy có gắn các hòn chì, dùng quăng xuống nước để đánh bắt cá).

(12) *Thuyền lưới* : thuyền đánh cá bằng cách thả lưới, thường lớn hơn thuyền chài.

(13) *Trấn* : đơn vị hành chính thời xưa, lớn hơn một tỉnh hiện nay ; ở đây dùng với nghĩa một vùng đất.

(14) *Bến vận hà* : bến sông để tập kết và chuyển tải hàng hoá theo đường thủy.

(15) *Đèn măng-sông* : (măng-sông phiên âm từ tiếng Pháp) đèn đốt bằng hơi dầu hoả, có mạng bằng sợi không cháy bao quanh ngọn lửa để tăng độ sáng.

(16) *Cút* : chai nhỏ, có dung tích bằng một phần tư hoặc một phần tám lít, dùng làm đơn vị đo dung tích các chất lỏng như rượu, dầu.

(17) *Xởi lởi* : cởi mở, dễ dàng trong quan hệ, đối xử với người khác.

(18) *Chà Châu Giang* : *Chà* chỉ người Gia Va (Gia Va là một đảo lớn thuộc In-đô-nê-xi-a), người Mã Lai, sau chỉ cả người Ấn Độ và những người có nước da ngăm đen nói chung, trong đó có người Chăm. *Chà Châu Giang* : người Chăm (cũng gọi là người Chàm) ở vùng Châu Đốc, tỉnh An Giang.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài văn miêu tả cảnh gì ? Theo trình tự như thế nào ? Dựa vào trình tự miêu tả, em hãy tìm bố cục của bài văn.

Em hãy hình dung vị trí quan sát của người miêu tả. Vị trí ấy có thuận lợi gì trong việc quan sát và miêu tả ?

2. Trong đoạn văn (từ đầu đến *lặng lẽ một màu xanh đơn điệu*) tác giả đã diễn tả ấn tượng ban đầu bao trùm về sông nước vùng Cà Mau. Ấn tượng ấy như thế nào và được cảm nhận qua những giác quan nào ?

3. Qua đoạn nói về cách đặt tên cho các dòng sông, con kênh ở vùng Cà Mau, em có nhận xét gì về các địa danh ấy ? Những địa danh này gợi ra đặc điểm gì về thiên nhiên vùng Cà Mau ?

4. Em hãy đọc kĩ lại đoạn văn từ *Thuyền chúng tôi chèo thoát qua đèn sương mù và khói sóng ban mai* và trả lời các câu hỏi sau :

a) Tìm những chi tiết thể hiện sự rộng lớn, hùng vĩ của dòng sông và rừng đước.

b) Trong câu “Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn” có những động từ nào chỉ cùng một hoạt động của con thuyền ? Nếu thay đổi trình tự những động từ ấy trong câu thì có ảnh hưởng gì đến nội dung được diễn đạt hay không ? Nhận xét về sự chính xác và tinh tế trong cách dùng từ của tác giả ở câu này.

c) Tìm trong đoạn văn những từ miêu tả màu sắc của rừng đước và nhận xét về cách miêu tả màu sắc của tác giả.

5. Những chi tiết, hình ảnh nào về chợ Năm Căn thể hiện được sự tấp nập, đông vui, trù phú và độc đáo của chợ vùng Cà Mau ?

6. Qua bài văn này, em cảm nhận được gì về vùng Cà Mau cực nam của Tổ quốc ?

Ghi nhớ

- Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Chợ Năm Căn là hình ảnh cuộc sống tấp nập, trù phú, độc đáo ở vùng đất tận cùng phía nam Tổ quốc.
- Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống ở vùng Cà Mau hiện lên vừa cụ thể, vừa bao quát thông qua sự cảm nhận trực tiếp và vốn hiểu biết phong phú của tác giả.

LUYỆN TẬP

1. Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về vùng Cà Mau qua bài *Sông nước Cà Mau* đã học.
2. Hãy kể tên một vài con sông ở quê hương em hoặc địa phương mà em đang ở, giới thiệu vắn tắt về một trong những con sông ấy.

ĐỌC THÊM

*Mũi Cà Mau : mầm đất tươi non
Mấy trăm đời lần lữa ra biển
Phù sa vạn dặm tới đây tuôn
Lắng lại ; và chân người bước đến.*

*Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền ta đó – mũi Cà Mau*

*Những dòng sông rộng hơn ngàn thước
Trùng điệp một màu xanh lá được
Được thân cao vút, rẽ ngang mình
Trở xuống nghìn tay, ôm đất nước !*

...

*Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền xé sóng – mũi Cà Mau.*

(Xuân Diệu, *Mũi Cà Mau*)

SO SÁNH

I – SO SÁNH LÀ GÌ ?

1. Tìm những tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu sau :

- a) *Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.*

(Hồ Chí Minh)

b) [...] *trông hai bên bờ, rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.*

(Đoàn Giỏi)

2. Trong mỗi phép so sánh trên, những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau ? Vì sao có thể so sánh như vậy ? So sánh các sự vật, sự việc với nhau như vậy để làm gì ?

3. Sự so sánh trong những câu trên có gì khác với sự so sánh trong câu sau ?
Con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến.

(Tạ Duy Anh)

Ghi nhớ

So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

II – CẤU TẠO CỦA PHÉP SO SÁNH

1. Điền những tập hợp từ chứa hình ảnh so sánh trong các câu đã dẫn ở phần I vào mô hình phép so sánh theo mẫu dưới đây :

Vế A (sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (sự vật dùng để so sánh)

2. Nếu thêm các từ so sánh mà em biết.

3. Cấu tạo của phép so sánh trong những câu dưới đây có gì đặc biệt ?

- a) *Trường Sơn : chí lớn ông cha*
Cửu Long : lòng mẹ bao la sóng trào.

(Lê Anh Xuân)

- b) *Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.*

(Thép Mới)

Ghi nhớ

- Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm :
 - Vế A (nêu tên sự vật, sự việc được so sánh) ;
 - Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế A) ;
 - Từ ngữ chỉ phương diện so sánh ;
 - Từ ngữ chỉ ý so sánh (gọi tắt là từ so sánh).
- Trong thực tế, mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều :
 - Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.
 - Vế B có thể được đảo lên trước vế A cùng với từ so sánh.

III – LUYỆN TẬP

1. Với mỗi mẫu so sánh gợi ý dưới đây, em hãy tìm thêm một ví dụ :

- a) So sánh đồng loại

– So sánh người với người :

Lúc ở nhà, mẹ cũng là cô giáo
Khi tới trường, cô giáo như mẹ hiền.

(Lời bài hát)

– So sánh vật với vật :

Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ [...].

(Vũ Tú Nam)

b) So sánh khác loại

– So sánh vật với người :

Ngôi nhà như trẻ nhỏ

Lớn lên với trời xanh.

(Đồng Xuân Lan)

Bà như quả đã chín rồi

Càng thêm tuổi tác, càng tươi lòng vàng.

(Võ Thanh An)

– So sánh cái cụ thể với cái trừu tượng :

Trường Sơn : chí lớn ông cha

Cửu Long : lòng mẹ bao la sóng trào.

(Lê Anh Xuân)

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(Ca dao)

2. Dựa vào những thành ngữ đã biết, hãy viết tiếp về B vào những chỗ trống dưới đây để tạo thành phép so sánh :

– *khỏe như...*

– *đen như...*

– *trắng như...*

– *cao như...*

3. Hãy tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh trong các bài *Bài học đường đời đầu tiên* và *Sông nước Cà Mau*.

4. Chính tả (nghe – viết) : *Sông nước Cà Mau* (từ Dòng sông Năm Căn mênh mông đến khói sóng ban mai).

QUAN SÁT, TƯƠNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

I – QUAN SÁT, TƯƠNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

1. Hãy đọc các đoạn văn dưới đây

Đoạn 1 :

Cái chàng Đé Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.

(Tô Hoài)

Đoạn 2 :

Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối [...]. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước âm ỉ đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.

(Đoàn Giỏi)

Đoạn 3 :

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ : hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn

lửa hồng tươi, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen, ... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được. Ngày hội mùa xuân đấy !

(Vũ Tú Nam)

2. Trả lời các câu hỏi

a) Mỗi đoạn văn trên giúp cho em hình dung được những đặc điểm nổi bật gì của sự vật và phong cảnh được miêu tả ?

b) Những đặc điểm nổi bật đó thể hiện ở những từ ngữ và hình ảnh nào ? Để viết được các đoạn văn trên, người viết cần có năng lực gì ?

c) Hãy tìm những câu văn có sự liên tưởng và so sánh trong mỗi đoạn. Sự liên tưởng và so sánh ấy có gì độc đáo ?

3*. Đoạn văn sau đây của Đoàn Giỏi đã bị lược đi một số chữ :

Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước (...) đổ ra biển ngày đêm (...), cá nước bơi hàng đàn đen trũi (...) giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất (...).

Em hãy so sánh với đoạn nguyên văn ở trên (mục 1 đoạn 2) để chỉ ra đoạn này đã bị lược đi những chữ gì ? Những chữ đó đã ảnh hưởng đến đoạn văn miêu tả này như thế nào ?

Ghi nhớ

Muốn miêu tả được, trước hết người ta phải biết quan sát, rồi từ đó nhận xét, liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh, ... để làm nổi bật lên những đặc điểm tiêu biểu của sự vật.

II – LUYỆN TẬP

1.

a) Cho các từ, ngữ : *gương bầu dục, mảnh kính, cong cong, uốn, lấp ló, xám xịt, cổ kính, xanh um, xanh biếc*. Hãy lựa chọn năm từ ngữ thích hợp để điền vào những chỗ trống trong ngoặc đơn ở đoạn văn sau :

Nhà tôi cách Hồ Gươm không xa. Từ trên gác cao nhìn xuống, hồ như một chiếc (1...) lớn, sáng long lanh.

Cầu Thê Húc màu son, (2...) như con tôm, dẫn vào đền Ngọc Sơn. Mái đền (3...) bên gốc đa già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là Tháp Rùa, tường rêu (4...), xây trên gò đất giữa hồ, có mọc (5...)

(Theo Ngô Quân Miện)

b) Trong đoạn văn miêu tả quang cảnh Hồ Gươm trên đây tác giả đã quan sát và lựa chọn những hình ảnh đặc sắc và tiêu biểu nào ?

2. Ở đoạn văn sau đây, nhà văn Tô Hoài tập trung miêu tả một chú Dế Mèn có thân hình đẹp, cường tráng nhưng tính tình rất ương bướng, kiêu căng. Những hình ảnh tiêu biểu và đặc sắc nào đã làm nổi bật điều đó ?

Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

(Tô Hoài)

3. Em hãy quan sát và ghi chép lại những đặc điểm ngôi nhà hoặc căn phòng em ở. Trong những đặc điểm đó, đặc điểm nào là nổi bật nhất ?

4. Nếu tả lại quang cảnh một buổi sáng trên quê hương em thì em sẽ liên tưởng và so sánh các hình ảnh, sự vật sau đây với những gì ?

- Mặt trời
- Bầu trời
- Những hàng cây
- Núi (đồi)
- Những ngôi nhà.

5. Đề luyện tập :

Từ bài *Sóng nước Cà Mau* của Đoàn Giỏi, hãy viết một đoạn văn tả lại quang cảnh một dòng sông, hay khu rừng mà em đã có dịp quan sát. (Chú ý nêu lên những đặc điểm nổi bật của dòng sông hoặc khu rừng mà em miêu tả.)

ĐỌC THÊM

Một nhà văn Pháp viết :

"Một trăm thân cây bạch dương giống nhau cả trăm, một trăm ánh lửa giống nhau cả trăm. Mới nhìn tưởng thế, nhưng nhìn kĩ thì thân cây bạch dương nào cũng khác nhau, ngọn lửa nào cũng khác nhau. Trong đời ta gặp bao nhiêu người, phải thấy ra mỗi người mỗi khác nhau không một ai giống ai."

(Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr. 13)

BÀI 20

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện. Nắm được nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lí nhân vật trong tác phẩm.*
- *Biết trình bày miệng tương đối trôi chảy những nội dung về quan sát, nhận xét, tưởng tượng, liên tưởng, so sánh khi miêu tả.*

VĂN BẢN

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

– Này, em không để chúng nó yên được à ?

Nó vênh mặt :

– Mèo mà lại ! Em không phá là được...

Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lúi trong túi ra bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục... đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhọ nổi vào một cái lọ còn bỏ không. Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.



Nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ. Hôm đó chú Tiến Lê – hoạ sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Vở được bạn gái, nó mừng quỳnh⁽¹⁾ lên. Hai đứa lúi nhau ra vườn. Tại đây, Mèo đưa toàn bộ những bức tranh nó vẽ giấu ra cho bé Quỳnh xem. Chỉ thấy bé Quỳnh thỉnh thoảng lại reo lên khe khẽ. lát sau, bé Quỳnh chạy vào thì thầm gì đó với chú Tiến Lê khiến

chú phải xin phép bố tôi theo bé Quỳnh ra vườn. Lúc đó, tôi đang mải mê với chiếc điều nên không biết có chuyện gì xảy ra. Chỉ thấy từ ngoài vườn trở vào, mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm :

– Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội hoạ không ?

Chú trải sáu bức tranh do Mèo vẽ ra trước mặt bố tôi. Đến lượt bố tôi ngây người ra như không tin vào mắt mình.

– Con gái tôi vẽ đây ư ? Chả lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy !

Và ông không kìm được, ôm thốc Mèo lên :

– Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.

Mẹ tôi vừa về, kịp nghe và kịp chứng kiến tất cả, cũng không kìm được xúc động. Theo chú Tiến Lê thì những bức tranh của Mèo rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào. Bố mẹ tôi rất tin vào thẩm định⁽²⁾ của chú Tiến Lê. Chú còn hứa sẽ giúp em gái tôi để nó phát huy tài năng.

Kể từ hôm đó, mặc dù mọi chuyện vẫn như cũ trong căn nhà của chúng tôi, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. Những lúc ngồi bên bàn học, tôi chỉ muốn gục xuống khóc.

Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.

Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh : xem trộm những bức tranh của Mèo. Dường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát mức cám lợn, sứ một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Có cảm tưởng nó biết mọi việc chúng tôi làm và lơ đi vì không chấp trẻ em.

Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lên trút ra một tiếng thở dài...

Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng "đồng nghiệp" hẳn một hộp màu ngoại xứ. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miếng dầu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đấy là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...

Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét⁽³⁾ tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm lời dạy của chú Tiến Lê : “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”.

Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay đang sẵn của cả bố và mẹ tôi : Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi : “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.

Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hỏi hộp thì thầm vào tai tôi :

– Con có nhận ra con không ?

Tôi giật mình người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hân hoan, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư ? Tôi nhìn như thói miên⁽⁴⁾ vào dòng chữ đề trên bức tranh : “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì ...

– Con đã nhận ra con chưa ? – Mẹ vẫn hỏi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng : “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.

(Tạ Duy Anh^(★), in trong *Con đến mà*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1999)

Chú thích

(★) Tạ Duy Anh sinh năm 1959, quê ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). *Bức tranh của em gái tôi* là truyện ngắn đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vắng gôi” của báo *Thiếu niên tiền phong*.

(1) *Mừng quỳnh* : mừng quá đến mức cuống quýt.

(2) *Thẩm định* : xem xét để xác định, quyết định (*thẩm* : xét kĩ).

(3) *Xét nét* : để ý từng li từng tí ở người khác.

(4) *Thời miên* : tác động vào tâm lí để thu hút hoàn toàn trạng thái tinh thần của người nào đó, khiến họ làm theo những yêu cầu của người điều khiển ; ở đây có nghĩa là nhìn như bị thu hút tất cả tâm trí.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Kể tóm tắt truyện *Bức tranh của em gái tôi*.

2. Suy nghĩ rồi thảo luận với các bạn trong nhóm về những điểm sau :

a) Nhân vật chính trong truyện là ai ? (Kiều Phương, người anh trai hay cả hai ?) Vì sao em lại cho đó là nhân vật chính ?

b) Truyện được kể theo lời của nhân vật nào ? Việc lựa chọn vai kể như vậy có tác dụng gì ?

3. Đọc kĩ lại truyện, chú ý đến tâm trạng của người anh (nhân vật kể chuyện) và cho biết :

a) Diễn biến tâm trạng của nhân vật người anh qua các thời điểm : từ trước cho đến lúc thấy em gái tự chế màu vẽ, khi tài năng hội hoạ ở em gái được phát hiện, khi lên xem những bức tranh em gái đã vẽ và khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái trong phòng trưng bày.

b) Vì sao sau khi tài năng hội hoạ ở em gái mình được phát hiện, người anh lại có tâm trạng không thể thân với em gái như trước kia được nữa ?

c) Giải thích tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh “Anh trai tôi” của em gái : *Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ*.

4. Em hiểu như thế nào về đoạn kết của truyện (*Tôi không trả lời mẹ ... lòng nhân hậu của em con đấy*) ? Qua đó, em có cảm nghĩ gì về nhân vật người anh ?

5. Em có cảm nhận gì về nhân vật cô em gái trong truyện ? Điều gì khiến em cảm mến nhất ở nhân vật này (tài năng, sự hồn nhiên, lòng độ lượng, nhân hậu, ...) ?

Ghi nhớ

*Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài hội họa, truyện **Bức tranh của em gái tôi** cho thấy : Tình cảm trong sáng hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình. Truyện đã miêu tả tình tế tâm lí nhân vật qua cách kể theo ngôi thứ nhất.*

LUYỆN TẬP

1. Viết một đoạn văn thuật lại tâm trạng của người anh trong truyện khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái.
2. Giả định một thành viên trong lớp hoặc gia đình em đạt được thành tích xuất sắc nào đó. Em thử hình dung và tả lại thái độ của những người xung quanh trước thành tích ấy.

ĐỌC THÊM

"Đừng để cho con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là một con rắn độc, nó gặm mòn khối óc và làm đổi bại trái tim."

(Ét-môn-dô đơ A-mi-xi)

"Giữa lòng ghen tị và sự thi đua có một khoảng xa cách như giữa tật xấu xa và đức hạnh."

(La Bruy-e)

LUYỆN NÓI VỀ QUAN SÁT, TƯƠNG TƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ

1. Từ truyện *Bức tranh của em gái tôi*, hãy lập dàn ý để trình bày ý kiến của mình trước lớp theo hai câu hỏi sau :

a) Theo em, Kiều Phương là người như thế nào ? Từ các chi tiết về nhân vật này trong truyện, hãy miêu tả lại hình ảnh của Kiều Phương theo tưởng tượng của em.

b) Anh của Kiều Phương là người như thế nào ? Hình ảnh người anh trong bức tranh với người anh thực của Kiều Phương có khác nhau không ?

2. Hãy kể cho các bạn nghe về anh, chị hoặc em của mình. (Trong khi nói, chú ý làm nổi bật đặc điểm của người mình đang miêu tả bằng các hình ảnh, bằng cách so sánh và nhận xét của bản thân.)

- Lập dàn ý ra vở nháp (không viết thành văn) ;
- Nói theo dàn ý đã chuẩn bị.

3.

a) Lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đêm trăng nơi em ở theo gợi ý sau đây :

- Đó là một đêm trăng như thế nào ? (nhận xét)
- Đêm trăng đó có gì đặc sắc, tiêu biểu : bầu trời, đêm, vàng trắng, cây cối, nhà cửa, đường làng, ngõ phố, ánh trăng, ... ? (quan sát)
- Để miêu tả cho các bạn thấy một đêm trăng đẹp, em sẽ so sánh những hình ảnh trên như thế nào ? (so sánh, tưởng tượng)

b) Dựa vào dàn ý trên, hãy nói trước các bạn về đêm trăng ấy.

4. Hãy lập dàn ý và nói trước các bạn trong lớp về quang cảnh một buổi sáng (bình minh) trên biển. Trong khi miêu tả, em sẽ liên tưởng và so sánh các hình ảnh với những gì ?

- Nêu ra những ý lớn định nói như một dàn ý (không viết thành văn) ;
- Nói cho các bạn trong lớp cùng nghe.

Mẫu : Biển lặng, đỏ đục, *đầy như mâm bánh đúc*. (Vũ Tú Nam)

- Mặt trời ...
- Bầu trời ...
- Mặt biển ...
- Sóng biển ...
- Bãi cát ...
- Những con thuyền ...

5. Từ một số truyện cổ đã học, đã đọc, em hãy miêu tả hình ảnh người dũng sĩ theo trí tưởng tượng của mình.

- Nêu ra những ý lớn định nói như một dàn ý (không viết thành văn).
- Nói cho các bạn trong lớp cùng nghe.

BÀI 21

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được vẻ đẹp phong phú, hùng vĩ của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động được miêu tả trong bài.*
- *Nắm được nghệ thuật phối hợp miêu tả khung cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người.*
- *Nắm được các kiểu so sánh cơ bản và tác dụng của so sánh.*
- *Viết đúng những tiếng, những từ chứa các âm, vần dễ mắc lỗi.*
- *Biết cách viết một bài văn, đoạn văn tả cảnh theo một thứ tự nhất định.*

VĂN BẢN

VƯỢT THÁC

Gió nồm⁽¹⁾ vừa thổi, dương Hương nhỏ sào. Cánh bướm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn⁽²⁾ đến tận những làng xa tít.

Thỉnh thoảng chúng tôi gặp những thuyền chát đầy cau tươi, dây mây, dầu rái⁽³⁾, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ⁽⁴⁾ đáng mãnh liệt⁽⁵⁾ đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước.

Đến Phường Rạnh, dựngng Hương sai nấu cơm ăn để được chắc bụng. Mùa nước còn to, có khi suốt buổi phải chống liên tay không phút hở. Ba chiếc sào bằng tre đầu bịt sắt đã sẵn sàng. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn⁽⁶⁾. Dựngng Hương Thư⁽⁷⁾ đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc" ! Thép đã cắm vào sỏi ! Dựngng Hương ghi chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao⁽⁸⁾ phóng sào xuống nước. Chiếc sào của dựngng Hương dưới sức chống bị cong lại. Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hoà Phước⁽⁹⁾.

Những động tác thả sào, rút sào rập ràng⁽¹⁰⁾ nhanh như cắt⁽¹¹⁾. Thuyền cố lặn lên. Dựngng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuộn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ⁽¹²⁾ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dựngng Hương Thư đang



vượt thác khác hẳn đương Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vàng vọt dạ dạ.

Cho đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò.

Chú Hai vút sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp⁽¹³⁾ nom xa như những cụ già vùng tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.

(Võ Quảng^(★), *Quê nội*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1974)

Chú thích

(★) Võ Quảng (1920 – 2007), quê ở tỉnh Quảng Nam, là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi.

Bài *Vượt thác* trích từ chương XI của truyện *Quê nội*. Tên bài văn do người biên soạn đặt. *Quê nội* (1974) cùng với *Tặng sáng* (1976) là những tác phẩm thành công nhất của Võ Quảng. Truyện viết về cuộc sống ở một làng quê ven sông Thu Bồn (làng Hoà Phước) tỉnh Quảng Nam, miền Trung Trung Bộ vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám 1945 và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân vật chính của truyện là hai em thiếu niên : Cự và Cù Lao.

(1) *Gió nồm* : gió thổi từ phía đông nam ngoài biển vào đất liền nước ta, dịu mát và ẩm ướt, thường có vào mùa hạ.

(2) *Bạt ngàn* : nhiều vô kể và trải ra trên một diện tích rất rộng.

(3) *Dầu rái* : cây gỗ lớn có thể cao tới 30 – 40m, dùng lấy gỗ hoặc lấy dầu. Dầu rái dùng làm nguyên liệu trát ghe thuyền. Ở Việt Nam, cây dầu rái có nhiều ở vùng rừng núi miền Trung Trung Bộ.

(4) *Cổ thụ* : cây to sống đã lâu năm (*cổ* : cũ, xưa ; *thụ* : cây).

(5) *Mãnh liệt* : mạnh mẽ và dữ dội (*mãnh* : mạnh, dữ ; *liệt* : mạnh).

(6) *Chảy đứt đuôi rắn* : (nước) chảy mạnh và nhanh từ trên cao xuống, dòng nước như bị ngắt ra.

(7) *Đương Hương Thư* : cách gọi đầy đủ đối với nhân vật đương Hương.

(8) *Cù Lao* : tên một nhân vật thiếu niên trong truyện, con của chú Hai, vì sinh ở ngoài đảo nên được đặt tên là Cù Lao (*cù lao* : đảo nhỏ).

(9) *Hoà Phước* : tên làng, quê của những nhân vật chính trong truyện *Quê nội*.

(10) *Rập ràng* : (động tác) nhịp nhàng, nhanh và đều.

(11) *Nhanh như cắt* : (động tác) rất nhanh và dứt khoát, ví với sự nhanh nhẹn của chim cắt (một loài chim ăn thịt, bay rất nhanh).

(12) *Hiệp sĩ* : người có sức mạnh và lòng hào hiệp, hay bênh vực kẻ yếu và cứu giúp người gặp nạn.

(13) *Lúp xúp* : nhiều cái ở gần nhau, thấp và sần sần như nhau.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài văn miêu tả một cuộc vượt thác của con thuyền theo trình tự thời gian và không gian như sau :

- Con thuyền qua đoạn sông phẳng lặng trước khi đến chân thác ;
- Con thuyền vượt qua đoạn sông có nhiều thác dữ ;
- Con thuyền ở đoạn sông đã qua thác dữ.

Dựa vào trình tự trên, em hãy tìm bố cục của bài văn.

2. Cảnh dòng sông và hai bên bờ qua sự miêu tả ở trong bài đã đổi thay như thế nào theo từng chặng đường của con thuyền ? Theo em, vị trí quan sát để miêu tả của người kể chuyện trong bài này là ở chỗ nào ? Vị trí quan sát ấy có thích hợp không ? Vì sao ?

3. Cảnh con thuyền vượt thác đã được miêu tả như thế nào ? Hãy tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động của nhân vật dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác. Những cách so sánh nào đã được sử dụng ?

Nêu ý nghĩa của hình ảnh so sánh dượng Hương Thư giống như “một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh”.

4*. Ở đoạn đầu và đoạn cuối của bài có hai hình ảnh miêu tả những cây cổ thụ trên bờ sông. Em hãy chỉ ra hai hình ảnh ấy và cho biết tác giả đã sử dụng cách chuyển nghĩa nào ở mỗi hình ảnh. Nêu ý nghĩa của từng trường hợp.

5. Qua bài văn, em cảm nhận như thế nào về hình ảnh con người và thiên nhiên được miêu tả trong bài ?

Ghi nhớ

- Bài văn miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ.
- Nghệ thuật tả cảnh, tả người từ điểm nhìn trên con thuyền theo hành trình vượt thác rất tự nhiên, sinh động.

LUYỆN TẬP

Hai bài *Sông nước Cà Mau* và *Vượt thác* đều miêu tả cảnh sông nước. Em hãy nêu những nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả ở mỗi bài và nghệ thuật miêu tả của mỗi tác giả.

ĐỌC THÊM

*Con thuyền rời bến sang Hiền
Xuôi dòng sông Cái, ngược triển sông Bung
Chập chùng, thác Lửa, thác Chông
Thác Dài, thác Khó, thác Ông, thác Bà
Thác, bao nhiêu thác, cũng qua
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.*

(Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

SO SÁNH (tiếp theo)

I – CÁC KIỂU SO SÁNH

1. Tìm phép so sánh trong khổ thơ sau :

*Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(Trần Quốc Minh)

2. Từ ngữ chỉ ý so sánh trong các phép so sánh trên có gì khác nhau ?
3. Tìm thêm những từ ngữ chỉ ý so sánh ngang bằng hoặc không ngang bằng.

Ghi nhớ

Có **hai kiểu so sánh** :

- So sánh ngang bằng ;
- So sánh không ngang bằng.

II – TÁC DỤNG CỦA SO SÁNH

1. Tìm phép so sánh trong đoạn văn dưới đây :

Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng, thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lão đảo máy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho chậm tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng, như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại : cả một thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gập tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại.

(Khái Hưng)

2. Trong đoạn văn đã dẫn, phép so sánh có tác dụng gì :
 - Đối với việc miêu tả sự vật, sự việc ?
 - Đối với việc thể hiện tư tưởng, tình cảm của người viết ?

Ghi nhớ

So sánh vừa có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động ; vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

III – LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra các phép so sánh trong những khổ thơ dưới đây. Cho biết chúng thuộc những kiểu so sánh nào. Phân tích tác dụng gợi hình, gợi cảm của một phép so sánh mà em thích.

- a) *Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*
(Tế Hanh)
- b) *Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.*
(Tố Hữu)
- c) *Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.*
(Minh Huệ)

2. Hãy nêu những câu văn có sử dụng phép so sánh trong bài *Vượt thác*. Em thích hình ảnh so sánh nào ? Vì sao ?

3. Dựa theo bài *Vượt thác*, hãy viết một đoạn văn từ ba đến năm câu tả dòng Hương Thuyền vượt qua thác dữ ; trong đoạn văn có sử dụng cả hai kiểu so sánh đã được giới thiệu.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt) RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

I – NỘI DUNG LUYỆN TẬP

1. Đối với các tỉnh miền Bắc

Viết đúng các cặp phụ âm đầu dễ mắc lỗi :

- tr / ch
- s / x
- r / d / gi
- l / n

2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam

a) Viết đúng một số cặp phụ âm cuối dễ mắc lỗi :

- c / t
- n / ng

b) Viết đúng tiếng có các thanh dễ mắc lỗi, ví dụ : thanh hỏi / thanh ngã.

c) Viết đúng một số nguyên âm dễ mắc lỗi :

- i / iê
- o / ô

d) Viết đúng một số phụ âm đầu dễ mắc lỗi, ví dụ : v / d.

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

1. Viết những đoạn, bài chứa các âm, thanh dễ mắc lỗi

- Nghe – viết
- Nhớ – viết

2. Làm các bài tập chính tả

- Điền vào chỗ trống :
 - + Điền một chữ cái hoặc một dấu thanh vào chỗ trống ;
 - + Điền cả một tiếng hoặc một từ chứa âm, vần dễ mắc lỗi vào chỗ trống.
- Tìm từ theo yêu cầu.

3. Lập sổ tay chính tả

PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH

I – PHƯƠNG PHÁP VIẾT VĂN TẢ CẢNH

1. Đọc ba văn bản sau

a) *Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền có lặn lên. Dạng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.*

(Võ Quảng)

b) *Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lúa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ, ... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.*

(Đoàn Giỏi)

c)

LUỸ LÀNG

Luỹ làng là một vành đai phòng thủ kiên cố ! Luỹ làng có ba vòng bao quanh làng. Màu xanh là màu của lũy :

Luỹ ngoài cùng, trồng tre gai, thứ tre gốc to, thân to nhưng ngoằn ngoèo không thẳng, cành rậm, đan chéo nhau. Mỗi nhánh tre lại có những gai tre nhọn hoắt, rất cứng, mà những ai bèn mảng vào ven lũy, vô ý giẫm phải, kêu nhỏ cũng khá phiền.

Luỹ tre ngoài cùng này không đốn, tre đời nọ truyền đời kia. Tre cụ, tre ông, tre bà, tre cha, tre mẹ, tre con, tre cháu, chút chít, chằng chéo bằng ngọn bằng tán,

bằng cách ấy khiến con sẻ bay cũng không lọt ... Những gốc tre cứ to bự lên, chuyển thành màu mốc, khếp kín vào nhau, thành bức tường thành bằng tre, mà với chiến tranh giáo mác, voi ngựa thuở xưa, muốn đột nhập vào làng chẳng dễ gì !

Luỹ giữa cũng toàn tre nhưng là loại tre thẳng (tre hoá). Luỹ trong cùng tre càng thẳng hơn. Tre óng chuốt vươn thẳng tắp, ngọn không dày và rậm như tre gai. Suốt năm tre xanh rờn đầy sức sống. Và đến mùa đổi lá thì toàn bộ tán xanh chuyển thành một màu vàng nhạt. Khi một trận gió mùa lay gốc, tầng tầng lá nổi nhau bay xuống tạo thành một dải vàng ... Tre luỹ làng thay lá ... Mùa lá mới oà nở, thứ màu xanh lục, nắng sớm chiếu vào trong như màu ngọc, đẹp như loại cây cảnh quần thể, báo hiệu một mùa hè sôi động. Thân tre cứng cỏi, tán tre mềm mại. Mưa rào ập xuống, rồi trời tạnh, mỗi cánh, chuồn chuồn đàn cải trong bầu trời đầy mây xấp trắng. Nhìn lên, những ngọn tre thay lá, những búp tre non kín đáo, ngây thơ, hứa hẹn sự trưởng thành, lòng yêu quê của con người được bồi đắp lúc nào không rõ ! ...

Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trời lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất luỹ mà trời dẩy, bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử ? ...

(Ngô Văn Phú)

2. Trả lời các câu hỏi

a*) Văn bản đầu miêu tả hình ảnh dựng Hương Thư, trong một chặng đường của cuộc vượt thác. Tại sao có thể nói, qua hình ảnh nhân vật, ta có thể hình dung được những nét tiêu biểu của cảnh sắc ở khúc sông có nhiều thác dữ ?

b) Văn bản thứ hai tả quang cảnh gì ? Người viết đã miêu tả cảnh vật ấy theo một thứ tự nào ?

c) Văn bản thứ ba là một bài văn miêu tả có ba phần tương đối trọn vẹn. Em hãy chỉ ra và tóm tắt các ý của mỗi phần. Từ dàn ý đó hãy nhận xét về thứ tự miêu tả của tác giả trong đoạn văn (miêu tả từ trên xuống dưới, từ xa đến gần, từ ngoài vào trong, từ khái quát đến cụ thể hay theo thứ tự thời gian ...).

Ghi nhớ

- Muốn tả cảnh cần :
 - Xác định được đối tượng miêu tả ;
 - Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu ;
 - Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.
- Bố cục bài tả cảnh thường có ba phần :
 - Mở bài : giới thiệu cảnh được tả ;
 - Thân bài : tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự ;
 - Kết bài : thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

II – LUYỆN TẬP PHƯƠNG PHÁP VIẾT VĂN TẢ CẢNH VÀ BỐ CỤC BÀI TẢ CẢNH

1. Nếu phải tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn thì em sẽ miêu tả như thế nào ? Hãy suy nghĩ và trả lời theo sự gợi ý sau :

a) Em sẽ quan sát và lựa chọn những hình ảnh cụ thể, tiêu biểu nào cho quang cảnh ấy ?

b) Em định miêu tả quang cảnh ấy theo thứ tự như thế nào ?

c) Hãy viết mở bài và kết bài cho bài văn này.

2. Nếu phải tả quang cảnh sân trường trong giờ ra chơi thì trong phần thân bài em sẽ miêu tả theo thứ tự nào (theo thứ tự không gian : từ xa tới gần hay theo thứ tự thời gian : trước, trong và sau khi ra chơi) ? Hãy lựa chọn một cảnh của sân trường trong giờ ra chơi ấy để viết thành một đoạn văn miêu tả.

3. Hãy đọc kĩ đoạn văn sau và rút lại thành một dàn ý.

BIỂN ĐẸP

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh bướm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm mùa lượn giữa trời xanh.

Lại đến một buổi chiều, gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng, đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên.

Rồi một ngày mưa rào. Mưa dăng dăng bốn phía. Cò quăng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu : xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc, ... Có quăng thăm sì, nặng trĩu. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm, thăm lại, khoẻ nhẹ bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong thửa ruộng về bị ướt.

Có buổi nắng sớm mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy đảo xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.

Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những đảo xa lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió mà sóng vẫn vỗ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lấm tấm như bột phấn trên da quả nhót.

Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh trai. Đảo xa tím pha hồng. Những con sóng nhẹ nhẹ liếm trên bãi cát, bọt sóng màu buổi đào.

Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đố. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng, như ánh sáng chiếu đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên trên biển múa vui.

Thế đấy, biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thắm, biển cũng thắm xanh, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời âm âm, biển đục ngầu, giận dữ... Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đắm chiều, gất gỏng.

Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là : vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu, muôn sắc ấy phần lớn là do mây, trời và ánh sáng tạo nên ...

(Vũ Tú Nam)

ĐỌC THÊM

"Đừng tả dài dòng mà tìm hiểu và quan sát thật kĩ, nắm cho được cái thần, cái hồn, cái dáng vẻ đặc biệt của con người, con vật, hoa trái... mà ta tả, rồi bằng ngôn ngữ vẽ nó hiện lên trước mắt người đọc, gợi cho người đọc cùng cảm nhận, cùng suy nghĩ với mình."

(Phạm Hồ)

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5 – VĂN TẢ CẢNH (*làm ở nhà*)

Có thể tham khảo các đề văn sau đây :

Đề 1 : Hãy tả lại hình ảnh cây đào hoặc cây mai vàng vào dịp Tết đến, xuân về.

Đề 2 : Hãy viết bài văn miêu tả hàng phượng vĩ và tiếng ve vào một ngày hè.

Đề 3 : Em đã từng chứng kiến cảnh bão lụt ở quê mình hoặc xem cảnh đó trên truyền hình, hãy viết bài văn miêu tả trận bão lụt khủng khiếp đó.

Đề 4 : Em hãy viết thư cho bạn ở miền xa, tả lại khu phố hay thôn xóm, bản làng nơi mình ở vào một ngày mùa đông giá lạnh.

BÀI 22

Kết quả cần đạt

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện : phải biết giữ gìn và yêu quý tiếng mẹ đẻ, đó là một phương diện quan trọng của lòng yêu nước.
- Nắm được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân vật qua miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ.
- Củng cố và nâng cao kiến thức về **phép nhân hoá** đã học ở bậc Tiểu học.
- Biết cách viết một bài văn, đoạn văn tả người theo một thứ tự nhất định.

VĂN BẢN

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Chuyện của một em bé người An-dát)

Buổi sáng hôm ấy, đã quá trễ giờ đến lớp, tôi rất sợ bị quở mắng, càng sợ vì thầy Ha-men đã dặn trước rằng thầy sẽ hỏi bài chúng tôi về các phân từ⁽¹⁾ mà tôi chẳng thuộc lấy một chữ. Tôi thoáng nghĩ hay là trốn học và rong chơi ngoài đồng nội.

Trời sao mà ám đến thế, trong treo đến thế !

Nghe thấy sáo hót ven rừng và trên cánh đồng cỏ Ríp-pe, sau xương cưa, lính Phổ đang tập. Tất cả những cái đó cảm dỗ tôi hơn là quy tắc về phân tử ; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.

Khi qua trước trụ sở xã, tôi thấy có nhiều người đứng trước bảng dán cáo thị⁽²⁾ có lưới che. Từ hai năm nay, chính từ chỗ ấy, lan đến chúng tôi mọi tin chẳng lành, những cuộc thất trận⁽³⁾, những vụ trưng thu⁽⁴⁾, những mệnh lệnh của ban chủ huy Đức ; và tôi nghĩ mà không dùng chân : "Lại có chuyện gì nữa đây ?".

Bác phó rèn Oát-stơ đang đọc cáo thị cùng cậu học việc thấy tôi chạy qua liền lớn tiếng bảo :

- Đừng vội vã thế cháu ơi, đến trường lúc nào cũng vẫn còn là sớm !

Tôi tưởng bác nhạo tôi và tôi hớn hển thở dốc, bước vào khoảnh sân nhỏ nhà thầy Ha-men.

Thông thường, bắt đầu buổi học, tiếng ồn ào như vỡ chợ vang ra tận ngoài phố, nào tiếng ngán bàn đóng mở, tiếng mọi người vừa đồng thanh nhắc lại rất to các bài học, vừa bịt tai lại cho dễ thuộc và tiếng chiếc thước kẻ to tướng của thầy gõ xuống bàn :

- Yên một chút nào !

Tôi định nhân lúc ồn ào, hôn độn ấy lén vào chỗ ngồi để không ai trông thấy ; nhưng đúng ngày hôm đó, mọi sự đều bình lặng y như một buổi sáng chủ nhật. Qua cửa sổ mở, tôi thấy các bạn đã ngồi vào chỗ, và thầy Ha-men đi đi lại lại với cây thước sắt khùng khiếp kẹp dưới nách. Phải mở cửa đi vào giữa sự lặng ngắt đó, các bạn tưởng tượng xem tôi đỏ mặt tía tai và sợ đến chừng nào !

Thế mà không. Thầy Ha-men nhìn tôi chẳng giận dữ và bảo tôi thật dịu dàng :

- Phăng, vào chỗ nhanh lên con ; lớp sắp bắt đầu học mà vắng mặt con.

Tôi bước qua ghế dài và ngồi ngay xuống trước bàn mình. Chỉ đến lúc ấy, đã hơi hoàn hồn, tôi mới nhận ra thầy giáo chúng tôi mặc chiếc áo rơ-đanh-gốt⁽⁵⁾ màu xanh lục, diềm lá sen⁽⁶⁾ gấp nếp mịn và đội cái mũ tròn bằng lụa đen thêu mà thầy chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng. Ngoài ra, lớp học có cái gì đó khác thường và trang trọng. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả, là trông thấy ở phía cuối lớp, trên những hàng ghế thường bỏ trống, dân làng ngồi lặng lẽ giống như chúng tôi, cụ già Hô-de, trước đây là xã trưởng với

cái mũ ba sừng, bác phát thư trước đây, và nhiều người khác nữa. Ai nấy đều có vẻ buồn rầu ; và cụ Hô-de mang theo quyển tập đánh vần cũ đã sờn mép để mở rộng trên lòng, cặp kính lớn đặt ngang trang sách.

Tôi còn đang ngạc nhiên về tất cả những điều đó thì thầy Ha-men đã bước lên bục, rồi vẫn với giọng dịu dàng và trang trọng như lúc tôi mới vào, thầy nói với chúng tôi :

– Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin⁽⁷⁾ là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Thầy mong các con hết sức chú ý.

Mấy lời đó làm tôi choáng váng. A ! Quân khốn nạn, thì ra đó là điều chúng vừa niếm yết⁽⁸⁾ ở trụ sở xã.

Bài học Pháp văn cuối cùng của tôi !...

Mà tôi thì mới biết viết tập toang ! Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư !... Giờ đây tôi tự giận mình biết mấy về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt trên hồ⁽⁹⁾. Những cuốn sách vừa nãy tôi còn thấy chán ngán đến thế, mang nặng đến thế, quyển ngữ pháp, quyển thánh sử của tôi giờ đây dường như những người bạn cố tri⁽¹⁰⁾ mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ. Cũng giống như thầy Ha-men. Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi không còn được gặp thầy nữa, là tôi quên cả những lúc thầy phạt, thầy vụt thước kẻ.

Tội nghiệp thầy !

Chính để tôn vinh buổi học cuối cùng này mà thầy đã vận y phục đẹp ngày chủ nhật và bây giờ tôi hiểu vì sao các cụ già trong làng lại đến ngồi ở cuối lớp học. Điều đó như nói rằng các cụ tiếc đã không lui tới ngôi trường này thường xuyên hơn. Dường như đó cũng là một cách để tạ ơn thầy giáo chúng tôi về bốn mươi năm phụng sự hết lòng, và để trồn đạo với Tổ quốc đang ra đi...

Tôi đang suy nghĩ mung lung thì bỗng nghe gọi tên mình. Đến lượt tôi đọc bài. Giá mà tôi đọc được trót lọt cái quy tắc về phân từ hay ho ấy, đọc thật to, thật dõng dạc, không phạm một lỗi nào thì dù có phải đánh đổi gì cũng cam ; nhưng tôi lúng túng ngay từ đầu và tôi cứ đứng đung đưa người trước chiếc ghế dài, lòng rầu rĩ, không dám ngẩng đầu lên. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi :

– Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu, con bị trừng phạt thế là đủ rồi... con thấy đó. Ngày nào người ta cũng tự nhủ : "Chà ! Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học". Và rồi con thấy điều gì xảy đến... Ôi ! Tai hoạ lớn của xứ An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai. Giờ đây những kẻ kia có quyền bảo chúng ta rằng : "Thế nào ! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người !...". Dù thế nào, thì Phrăng tội nghiệp của thầy ạ, con vẫn chưa phải là người đáng tội nhất ! Mà tất cả chúng ta ai cũng có phần đáng tự chê trách.

Cha mẹ các con không thiết tha lắm với việc thấy các con có học thức. Cha mẹ thích cho các con làm việc đồng áng hoặc vào làm nhà máy sợi để kiếm thêm dăm xu. Cả thầy cũng không có gì để trách mình ư ? Thầy đã chẳng sai các con tưới vườn thay vì học hành đó sao ? Và khi thầy muốn đi câu cá hương, thầy co ngại ngừng cho các con nghỉ học đâu ?...

Thế rồi, từ điều này sang điều khác, thầy Ha-men nói với chúng tôi về tiếng Pháp, bảo rằng đó là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vũng vàng nhất : phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...

Rồi thầy cầm một quyển ngữ pháp và đọc bài học cho chúng tôi. Tôi kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế. Tất cả những điều thầy nói, tôi thấy thật dễ dàng, dễ dàng. Tôi cũng cho là chưa bao giờ mình chăm chú nghe đến thế, và cả thầy giáo nữa, chưa bao giờ thầy kiên nhẫn giảng giải đến thế. Cứ như thể trước khi ra đi, con người tội nghiệp muốn truyền thụ toàn bộ tri thức của mình, muốn đưa ngay một lúc tri thức ấy vào đầu óc chúng tôi.

Xong bài giảng, chuyển sang viết tập. Thầy Ha-men đã chuẩn bị cho ngày hôm đó những tờ mẫu mới tinh, trên có viết bằng "chữ rông"⁽¹¹⁾ thật đẹp : Pháp, An-dát, Pháp, An-dát. Những tờ mẫu treo trước bàn học trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp. Ai nấy đều chăm chú hết sức và cứ im phăng phắc ! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Có lúc những con bọ dừa bay vào nhưng chẳng ai để ý, ngay cả những trò nhỏ nhất cũng vậy, chúng đang cặm cụi vạch những nét số với một tấm lòng, một ý thức, như thế cái đó cũng là tiếng Pháp... Trên mái nhà trường, chim bồ câu gù thật khè, và tôi vừa nghe vừa tự nhủ :

– Liệu người ta có bắt cả chúng nó cũng phải hát bằng tiếng Đức không nhỉ ?

Chốc chốc, ngược mắt khỏi trang giấy, tôi thấy thầy Ha-men đứng lặng im trên bục và đắm đắm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy... Bạn nghĩ mà xem ! Từ bốn mươi năm nay, thầy vẫn ngồi ở chỗ ấy, với khoảng sân trước mặt và lớp học y nguyên không thay đổi. Có chăng những chiếc ghế dài, những bàn học dùng nhiều đã nhẵn bóng, những cây hồ đào ngoài sân đã lớn, và cây hu-blông⁽¹²⁾ tự tay thầy trồng giờ đây quán quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà. Con người tội nghiệp hẳn phải nát lòng biết mấy khi già từ tất cả những vật ấy, khi nghe thấy tiếng người em gái đi đi lại lại, đóng hòm xiềng, ở gian phòng bên trên, vì ngày mai họ phải ra đi, rời khỏi xứ sở này mãi mãi.

Tuy nhiên, thầy vẫn đủ can đảm dạy chúng tôi cho đến hết buổi. Sau tiết viết tập đến bài Lịch sử, rồi những trò nhỏ cất tiếng đọc đồng thanh như hát *Ba Be Bi Bo Bu*⁽¹³⁾. Đằng kia, cuối phòng học, cụ Hô-de đã đeo kính lên, và nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai tay, cụ đánh vần từng chữ theo bọn trẻ. Cả cụ cũng chăm chú, giọng cụ run run vì xúc động ; nghe cụ đọc thật kì cục, đến nỗi tất cả chúng tôi muốn cười và cũng muốn khóc... Ôi ! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này !

Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi đến chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ... Thầy Ha-men đứng dậy trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế.

– Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi... tôi...

Nhưng cái gì đó khiến thầy nghẹn ngào, không nói được hết câu.

Thầy bèn quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dẫn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to :

"NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM !".

Rồi thầy đứng đó, đầu dựa vào tường, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi :

"Kết thúc rồi... đi đi thôi !".

(An-phông-xơ Đơ-đé(★), theo bản dịch của Trần Việt - Anh Vũ
trong *Những vì sao*, NXB Văn học, Hà Nội, 1981,
có đối chiếu nguyên tác và sửa một số chỗ)

Chú thích

(★) An-phông-xơ Đô-đê (1840 – 1897) nhà văn Pháp, tác giả của nhiều tập truyện ngắn nổi tiếng. Truyện *Buổi học cuối cùng* lấy bối cảnh từ một biến cố lịch sử : Sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870 – 1871, nước Pháp thua trận, hai vùng An-dát và Lo-ren giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ. Phổ là tên của một nước chuyên chế trong lãnh thổ Đức trước đây. Cho nên các trường học ở hai vùng này bị buộc học bằng tiếng Đức. Truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát.

- (1) *Phân tử* : một hình thức biến đổi của động từ trong tiếng Pháp.
- (2) *Cáo thị* : thông cáo của chính quyền dán nơi công cộng.
- (3) *Thất trận* : thua trận (*thất* : mất, tổn thất).
- (4) *Trung thu* : (chính quyền) buộc tư nhân hoặc tập thể phải giao tài sản của mình cho nhà nước.
- (5) *Rơ-đanh-gốt* : một kiểu áo lễ phục, cài chéo.
- (6) *Điểm lá sen* : điểm bằng đăng ten hoặc sa mỏng dính vào cổ áo trong khi mặc lễ phục.
- (7) *Béc-lin* : thủ đô nước Phổ bấy giờ.
- (8) *Niêm yết* : dán lên để báo cho mọi người biết.
- (9) *Trượt trên hồ* : có bản in là *trượt tuyết trên đồi Sa*.
- (10) *Cố tri* : người bạn quen biết từ lâu (*cố* : cũ ; *tri* : biết, quen biết).
- (11) "*Chữ rông*" : kiểu chữ viết có nét tròn và đậm nét, thường dùng để viết văn bằng, giấy khen.
- (12) *Hu-blông* : cây thân leo, hoa dùng làm hương liệu trong công nghệ làm bia.
- (13) *Ba Be Bi Bo Bu* : âm tiết tiếng Pháp với phụ âm "B" ở đầu, dùng để học vần tiếng Pháp.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Câu chuyện được kể diễn ra trong hoàn cảnh, thời gian, địa điểm nào ? Em hiểu như thế nào về tên truyện *Buổi học cuối cùng* ?

2. Truyện được kể theo lời của nhân vật nào, thuộc ngôi thứ mấy ? Truyện còn có những nhân vật nào nữa và trong số đó, ai gây cho em ấn tượng nổi bật nhất ?

3. Vào sáng hôm diễn ra buổi học cuối cùng, chú bé Phrăng đã thấy có gì khác lạ trên đường đến trường, quang cảnh ở trường và không khí trong lớp học ? Những điều đó báo hiệu việc gì đã xảy ra ?

4. Ý nghĩ, tâm trạng (đặc biệt là thái độ đối với việc học tiếng Pháp) của chú bé Phrăng diễn biến như thế nào trong buổi học cuối cùng ?

5. Nhân vật thầy giáo Ha-men trong buổi học cuối cùng đã được miêu tả như thế nào ? Để làm rõ điều đó, em hãy tìm các chi tiết miêu tả nhân vật này về các phương diện :

- Trang phục ;
- Thái độ đối với học sinh ;
- Những lời nói về việc học tiếng Pháp ;
- Hành động, cử chỉ lúc buổi học kết thúc.

Nhân vật thầy Ha-men gợi ra ở em cảm nghĩ gì ?

6. Hãy tìm một số câu văn trong truyện có sử dụng phép so sánh và chỉ ra tác dụng của những so sánh ấy.

7*. Trong truyện, thầy Ha-men có nói : "... khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù ...". Em hiểu như thế nào và có suy nghĩ gì về lời nói ấy ?

Ghi nhớ

• Qua câu chuyện buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở vùng An-dát bị quân Phổ chiếm đóng và hình ảnh cảm động của thầy Ha-men, truyện đã thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc và nêu chân lí : "Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù ...".

• Truyện đã xây dựng thành công nhân vật thầy giáo Ha-men và chú bé Phrăng qua miêu tả ngoại hình, cử chỉ, lời nói và tâm trạng của họ.

LUYỆN TẬP

1. Kể tóm tắt lại truyện *Buổi học cuối cùng*.
2. Viết một đoạn văn miêu tả nhân vật thầy Ha-men hoặc chú bé Phrăng trong buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp.

ĐỌC THÊM

TIẾNG MẸ ĐÈ

*Mơ hồ thắm từng âm thanh tiếng mẹ
Tôi bỗng tỉnh ra. Tôi giây phút lạ lùng
Tôi chợt hiểu, người chữa tôi khỏi bệnh
Chẳng thể là ai, ngoài tiếng mẹ thân thương
Những tiếng khác dành cho dân tộc khác
Cũng sẽ khiến cho lành bệnh bao người
Tôi chỉ biết nếu tiếng tôi biến mất
Thì tôi sẵn sàng nhắm mắt buông xuôi.*

(R.Gam-da-tốp, *Đa-ghe-xtan của tôi*, tập I,
NXB Cầu vồng, Mát-xcơ-va, 1984)

NHÂN HOÁ

I – NHÂN HOÁ LÀ GÌ ?

1. Tìm phép nhân hoá trong khổ thơ sau :

*Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường.*

(Trần Đăng Khoa)

2. So với cách diễn đạt sau, cách miêu tả sự vật, hiện tượng ở khổ thơ trên hay hơn ở chỗ nào ?

- Bầu trời đầy mây đen.
- Muôn nghìn cây mía ngả nghiêng, lá bay phấp phới.
- Kiến bò đầy đường.

Ghi nhớ

Nhân hoá là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, ... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người ; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

II – CÁC KIỂU NHÂN HOÁ

1. Trong các câu dưới đây, những sự vật nào được nhân hoá ?

a) Từ đó, **lão Miêng, bác Tai, cô Mất, cậu Chân, cậu Tay** lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.

(Chân, Tay, Tai, Mất, Miêng)

b) **Gậy tre, chông tre** chống lại sắt thép của quân thù. **Tre xung phong** vào xe tăng, đại bác. **Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.**

(Thép Mới)

c)

Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

(Ca dao)

2. Dựa vào các từ in đậm, cho biết mỗi sự vật trên được nhân hoá bằng cách nào.

Ghi nhớ

Có ba kiểu nhân hoá thường gặp là :

- 1. Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.**
- 2. Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.**
- 3. Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người.**

III – LUYỆN TẬP

- 1. Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của phép nhân hoá trong đoạn văn sau :**

Bến cảng lúc nào cũng đông vui. Tàu mẹ, tàu con đậu đầy mặt nước. Xe anh, xe em tấp nập nhận hàng về và chở hàng ra. Tất cả đều bận rộn.

(Phong Thu)

- 2. Hãy so sánh cách diễn đạt trong đoạn văn trên với đoạn văn dưới đây :**

Bến cảng lúc nào cũng rất nhiều tàu xe. Tàu lớn, tàu bé đậu đầy mặt nước. Xe to, xe nhỏ nhận hàng về và chở hàng ra. Tất cả đều hoạt động liên tục.

- 3. Hai cách viết dưới đây có gì khác nhau ? Nên chọn cách viết nào cho văn bản biểu cảm và chọn cách viết nào cho văn bản thuyết minh ?**

– Cách 1 :

Trong họ hàng nhà chổi thì cô bé Chổi Rơm vào loại xinh xắn nhất. Cô có chiếc váy vàng óng, không ai đẹp bằng. Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp vàng tươi, được tết sẵn lại, cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như áo len vậy.

(Vũ Duy Thông)

– Cách 2 :

Trong các loại chổi, chổi rơm vào loại đẹp nhất. Chổi được tết bằng rơm nếp vàng. Tay chổi được tết sẵn lại thành sợi và quấn quanh thành cuộn.

4. Hãy cho biết phép nhân hoá trong mỗi đoạn trích dưới đây được tạo ra bằng cách nào và tác dụng của nó như thế nào.

- a) *Núi cao chỉ lấm núi ơi
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương !*

(Ca dao)

b) *Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, kết ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bị bơm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào.*

(Tô Hoài)

c) *Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. [...] Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hoà Phước.*

(Võ Quảng)

d) *Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh dưới nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện lại thành từng cục máu lớn.*

(Nguyễn Trung Thành)

5. Hãy viết một đoạn văn miêu tả ngắn với nội dung tự chọn, trong đó có dùng phép nhân hoá.

PHƯƠNG PHÁP TẢ NGƯỜI

I – PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN, BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

1. Đọc các đoạn văn sau

Đoạn 1 :

Dương Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống

như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dương Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dương Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nét nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

(Võ Quảng)

Đoạn 2 :

Cai Tứ là một người đàn ông thấp và gầy, tuổi độ bốn lần, năm mươi. Mặt lão vương nhưng hai má hóp lại. Dưới cặp lông mày lõm lõm trên gò xương, lấp lánh đôi mắt gian hùng. Mũi lão gồ sống mũi xuống bộ râu mép lúc nào cũng hình như cố giấu giếm, đây điểm cái mồm toé toét tối om như cửa hang, trong đó đom đeng mấy chiếc răng vàng hạm của.

(Lan Khai)

Đoạn 3 :

Ông đồ già người sở tại, khăn chùng, áo dài ngồi cầm trịch, giữ cao chiếc dùi trống sơn son gõ mạnh xuống mặt trống ba tiếng thật đánh, thật giòn tỏ ý nhận lời. Quắm Đen quay ra đứng giữa sỏi. Ngay lúc ấy, ông Cản Ngũ cũng từ trên thêm cao bước xuống. Tiếng reo hò bốn phía tức thì nổi lên ầm ầm.

Ngay nhịp trống đầu, Quắm Đen đã lặn xả vào ông Cản Ngũ đánh ráo riết. Rõ ràng là anh muốn dùng cái sức lực đương trai của mình lấn lướt ông ta và muốn hạ ông ta rất nhanh bằng những thế đánh thật lắt léo, hóc hiểm. Anh vờn tả, đánh hữu, dứ trên, đánh dưới, thoát biến, thoát hoá khôn lường. Trái lại, ông Cản Ngũ thì xem ra có vẻ lại lơ lơ, chậm chạp ; dường như ông lúng túng trước những đòn đánh liên tiếp của Quắm Đen. Hai tay ông lúc nào cũng thấy dang rộng ra, để sát xuống mặt đất, xoay xoay chống đỡ. Keo vạt xem chán ngắt [...]. Ông Cản Ngũ bỗng bước hụt, mất đà chúi xuống. Quắm Đen đã như một con cứt luôn qua hai cánh tay ông Cản Ngũ ôm lấy một bên chân ông, bóc lên. Người xem bốn phía xung quanh reo hò ồ ồ cả lên. Thôi thế là ông Cản Ngũ ngã rồi, nhất định ngã rồi. Có khoẻ bằng voi thì cũng phải ngã.

Tiếng trống vạt dồn lên, gấp rút, giục giã. Ông Cản Ngũ vẫn chưa ngã. Ông đứng như cây trồng giữa sỏi trước những cặp mắt kinh dị của người xem. Còn Quắm Đen thì đang loay hoay gò lưng lại, không sao bẻ nổi cái chân ông Cản Ngũ. Cái chân tựa bằng cây cột sắt, chứ không phải là chân người nữa.

Ông Cản Ngũ vẫn đứng nghiêng mình nhìn Quắm Đen mồ hôi, mồ kê nhễ nhại dưới chân. Lúc lâu, ông mới thò tay xuống nắm lấy khố Quắm Đen nhấc bổng anh ta lên, coi nhẹ nhàng như ta gơ con ếch có buộc sợi dây ngang bụng vậy.

Các đồ ngồi quanh sới đều lặng đi trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ. Thôi thế là Quắm Đen bại rồi. Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng quá chừng.

(Kim Lân)

2. Trả lời các câu hỏi

a) Mỗi đoạn văn trên tả ai ? Người được tả có đặc điểm gì nổi bật ? Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ và hình ảnh nào ?

b) Trong các đoạn văn trên, đoạn nào tập trung khắc hoạ chân dung nhân vật, đoạn nào tả người gắn với công việc ? Yêu cầu lựa chọn chi tiết và hình ảnh ở mỗi đoạn có khác nhau không ?

c) Đoạn văn thứ ba gần như một bài văn miêu tả hoàn chỉnh có ba phần. Em hãy chỉ ra và nêu nội dung chính của mỗi phần. Nếu phải đặt tên cho bài văn này thì em sẽ đặt là gì ?

Ghi nhớ

- Muốn tả người cần :

- Xác định được đối tượng cần tả (tả chân dung hay tả người trong tư thế làm việc) ;

- Quan sát, lựa chọn các chi tiết tiêu biểu ;

- Trình bày kết quả quan sát theo một thứ tự .

- Bố cục bài văn tả người thường có ba phần :

- Mở bài : giới thiệu người được tả ;

- Thân bài : miêu tả chi tiết (ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói, ...) ;

- Kết bài : thường nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được tả.

II – LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu các chi tiết tiêu biểu mà em sẽ lựa chọn khi miêu tả các đối tượng sau đây :

- Một em bé chừng 4 – 5 tuổi ;
- Một cụ già cao tuổi ;
- Cô giáo của em đang say sưa giảng bài trên lớp.

2. Hãy lập dàn ý (cơ bản) cho bài văn miêu tả một trong ba đối tượng trên.

3. Đoạn văn sau đã bị xoá đi hai chỗ trong ngoặc (...). Nếu viết, em sẽ viết vào chỗ trống đó như thế nào ? Em thử đoán xem ông Cử Ngũ được miêu tả trong tư thế chuẩn bị làm việc gì ?

Trên thềm cao, ông Cử Ngũ ngồi xếp bằng trên chiếu đậu trắng, cạo đầu. Ông ngồi một mình một chiếu ; người ông đỏ như (...), to lớn, lẫm liệt, nhác trông không khác gì (...) ở trong đền. Đầu ông buộc một vuông khăn màu xanh lục giữ tóc, mình trần, đóng khố bao khăn vắt.

(Theo Kim Lân)

BÀI 23

Kết quả cần đạt

- Cảm nhận được tình yêu thương lớn lao của Bác Hồ dành cho bộ đội, dân công và tình cảm của người chiến sĩ đối với Người trong bài **Đêm nay Bác không ngủ**.
- Nắm được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của bài thơ.
- Nắm được khái niệm **ẩn dụ**, các **kiểu ẩn dụ** và **tác dụng** của chúng.
- Tả lại được bằng miệng một cảnh hay một hình ảnh trong một văn bản vừa học.

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

Anh đội viên⁽¹⁾ thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ

Lặng yên bên bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm⁽²⁾
Ngoài trời mưa lâm thâm⁽³⁾
Mái lều tranh xơ xác

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm

Rồi Bác đi đếm chăn⁽⁴⁾
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột⁽⁵⁾
Bác nhón chân nhẹ nhàng

Anh đội viên mơ màng⁽⁶⁾
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng⁽⁷⁾
Ấm hơn ngọn lửa hồng

Thôn thức⁽⁸⁾ cả nỗi lòng
Thăm thì anh hỏi nhỏ :
– Bác ơi ! Bác chưa ngủ ?
Bác có lạnh lắm không ?

– Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Vâng lời anh nhắm mắt
Nhưng bụng vẫn bồn chồn⁽⁹⁾

Không biết nói gì hơn
Anh nằm lo Bác ốm
Lòng anh cứ bề bộn⁽¹⁰⁾
Vì Bác vẫn thức hoài

Chiến dịch⁽¹¹⁾ hãy còn dài
Rừng lăm dốc, lăm ụ
Đêm nay Bác không ngủ
Lấy sức đâu mà đi

... Lần thứ ba thức dậy
Anh hốt hoảng giật mình :
Bác vẫn ngồi đinh ninh⁽¹²⁾
Chòm râu im phăng phắc



Đêm nay Bác không ngủ (Phù điêu nhôm của Hà Trí Dũng)

Anh vội vàng nằng nặc⁽¹³⁾:

– Mời Bác ngủ Bác ơi !

Trời sắp sáng mất rồi

Bác ơi ! Mời Bác ngủ !

– Chú cứ việc ngủ ngon

Ngày mai đi đánh giặc

Bác thức thì mặc Bác

Bác ngủ không an lòng

Bác thương đoàn dân công⁽¹⁴⁾

Đêm nay ngủ ngoài rừng

Rải lá cây làm chiếu

Manh áo phủ làm chăn

Trời thì mưa lâm thâm

Làm sao cho khỏi ướt !

Càng thương càng nóng ruột

Mong trời sáng mau mau

Anh đội viên nhìn Bác

Bác nhìn ngọn lửa hồng

Lòng vui sướng mênh mông

Anh thức luôn cùng Bác

Đêm nay Bác ngồi đó

Đêm nay Bác không ngủ

Vì một lẽ thường tình

Bác là Hồ Chí Minh.

1951

(Minh Huệ(★), in trong *Thơ Việt Nam 1945 – 1975*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1976)

Chú thích

(★) Minh Huệ (1927 – 2003) tên khai sinh là Nguyễn Đức Thái, sinh năm 1927, quê ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, làm thơ từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp. *Đêm nay Bác không ngủ* là bài thơ nổi tiếng nhất của ông. Bài thơ dựa trên sự kiện : trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, Bác Hồ trực tiếp ra mặt trận theo dõi và chỉ huy cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân ta.

(1) *Đội viên* : ở đây là chiến sĩ quân đội (phân biệt với cán bộ chỉ huy), cách gọi thường dùng trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

(2) *Trầm ngâm* : có dáng vẻ lặng lẽ, suy nghĩ về một điều gì đó.

(3) *Mưa lâm thâm* : mưa nhỏ nhưng mau hạt và kéo dài ; cũng gọi là *mưa lâm râm*.

(4) *Đém chăn* : giắt mép chăn xuống phía dưới thân người nằm để giữ hơi ấm.

(5) *Giật thột* (tiếng địa phương) : giật mình.

(6) *Mơ màng* : trạng thái chập chờn, nửa thức, nửa ngủ.

(7) *Cao lồng lộng* : cao tới mức cảm thấy như vô cùng tận (*lồng lộng* còn có nghĩa khác : (gió thổi) rất mạnh ở nơi trống trải).

(8) *Thốn thức* : có hai nghĩa : a) khóc thành những tiếng ngắt quãng như cố nén mà không được ; b) trạng thái có những tình cảm làm xao xuyến, không kìm nén được ; ở đây dùng theo nghĩa thứ hai.

(9) *Bồn chồn* : trạng thái tình cảm nôn nao, thấp thỏm.

(10) *Bế bộn* : nhiều và lộn xộn ; ở đây chỉ tâm trạng có nhiều điều lo lắng không yên.

(11) *Chiến dịch* : toàn bộ các cuộc chiến đấu trên chiến trường trong một thời gian, được tổ chức theo một kế hoạch và mục đích nhất định ; ở đây là chiến dịch Biên giới Cao – Lạng năm 1950.

(12) *Đinh ninh* : có hai nghĩa : a) tin chắc vào điều gì đó ; b) trước sau vẫn thế, không thay đổi ; ở đây dùng với nghĩa thứ hai.

(13) *Nằng nặc* : (đòi xin) một mực cho kì được.

(14) *Dân công* : người dân được huy động đi làm nghĩa vụ lao động công ích ; ở đây là đi phục vụ mặt trận.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* kể lại câu chuyện gì ? Em hãy kể tóm tắt diễn biến câu chuyện đó.

2. Hình tượng Bác Hồ trong bài thơ được miêu tả qua con mắt và cảm nghĩ của ai ? Cách miêu tả đó có tác dụng gì đối với việc thể hiện tâm hồn cao đẹp của Bác Hồ và tấm lòng của anh bộ đội đối với lãnh tụ ?

3. Bài thơ kể lại hai lần anh đội viên thức dậy nhìn thấy Bác không ngủ. Em hãy so sánh tâm trạng và cảm nghĩ của anh đội viên đối với Bác Hồ trong hai lần đó.

* Vì sao trong bài thơ tác giả không kể lần thứ hai ? Qua cảm nghĩ của anh đội viên, hình ảnh Bác Hồ và tấm lòng của Bác đã được khắc họa sâu đậm như thế nào ?

4. Hãy cho biết vì sao trong đoạn kết nhà thơ lại viết :

...
*Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh.*

5. Bài thơ được làm theo thể thơ gì ? (số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong một khổ thơ, cách gieo vần trong một khổ thơ và giữa hai khổ thơ). Thể thơ ấy có thích hợp với cách kể chuyện của bài thơ không ?

6. Tìm những từ láy trong bài và cho biết giá trị biểu cảm của một số từ láy mà em cho là đặc sắc.

Ghi nhớ

- Qua câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch, bài thơ đã thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác với bộ đội và nhân dân, tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ.
- Bài thơ sử dụng thể thơ năm chữ, có nhiều vần liền thích hợp với lối kể chuyện, kết hợp miêu tả, kể với biểu cảm, có nhiều chi tiết giản dị, chân thực và cảm động.

LUYỆN TẬP

1. Tập đọc diễn cảm bài thơ và học thuộc lòng năm khổ thơ đầu.
2. Dựa theo bài thơ, em hãy viết bài văn ngắn bằng lời của người chiến sĩ kể về kỉ niệm một đêm được ở bên Bác Hồ khi đi chiến dịch.

ẨN DỤ

I – ẨN DỤ LÀ GÌ ?

1. Trong khổ thơ dưới đây, cụm từ *Người Cha* được dùng để chỉ ai ? Vì sao có thể ví như vậy ?

*Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.*

(Minh Huệ)

2. Cách nói này có gì giống và khác với phép so sánh ?

Ghi nhớ

Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

II – CÁC KIỂU ẨN DỤ

1. Các từ in đậm dưới đây được dùng để chỉ những hiện tượng hoặc sự vật nào ? Vì sao có thể ví như vậy ?

*Về thăm nhà Bác làng Sen,
Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.*

(Nguyễn Đức Mậu)

2. Cách dùng từ trong cụm từ in đậm dưới đây có gì đặc biệt so với cách nói thông thường ?

Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng.

(Nguyễn Tuân)

3. Từ những ví dụ đã phân tích ở các phần I và II, hãy nêu lên một số kiểu tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng thường được sử dụng để tạo phép ẩn dụ.

Ghi nhớ

Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp là :

- Ẩn dụ hình thức ;*
- Ẩn dụ cách thức ;*
- Ẩn dụ phẩm chất ;*
- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.*

III – LUYỆN TẬP

1. So sánh đặc điểm và tác dụng của ba cách diễn đạt sau đây :

– Cách 1 :

*Bác Hồ mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm*

– Cách 2 :

*Bác Hồ như Người Cha
Đốt lửa cho anh nằm*

– Cách 3 :

*Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm*

(Minh Huệ)

2. Tìm các ẩn dụ trong những ví dụ dưới đây. Nêu lên nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm với nhau.

a) *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

(Tục ngữ)

b) *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.*

(Tục ngữ)

c) *Thuyền về có nhớ bến chăng ?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

(Ca dao)

d) *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

(Viễn Phương)

3. Tìm những ẩn dụ chuyển đổi cảm giác trong các câu văn, câu thơ dưới đây và nêu lên tác dụng của những ẩn dụ ấy trong việc miêu tả sự vật, hiện tượng.

a) *Buổi sáng, mọi người đổ ra đường. Ai cũng muốn ngẩng lên cho thấy mùi hổi chín chảy qua mặt.*

(Tô Hoài)

b) *Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai.*

(Hoàng Trung Thông)

c) *Ngoài thềm rơi chiếc lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.*

(Trần Đăng Khoa)

d) *Em thấy cả trời sao
Xuyên qua từng kẽ lá
Em thấy cơn mưa rào
Ướt tiếng cười của bố.*

(Phan Thế Cải)

4. Chính tả (nghe – viết) : *Buổi học cuối cùng (từ Tuy nhiên, thầy vẫn đủ can đảm đến lớn lao đến thế).*

LUYỆN NÓI VỀ VĂN MIÊU TẢ

1. Đọc đoạn văn sau đây :

Xong bài giảng, chuyển sang viết tập. Thầy Ha-men đã chuẩn bị cho ngày hôm đó những tờ mẫu mới tinh, trên có viết bằng "chữ rỗng" thật đẹp : Pháp, An-dát, Pháp, An-dát. Những tờ mẫu treo trước bàn học trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp. Ai nấy đều chăm chú hết sức, và cứ im phăng phắc ! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Có lúc những con bọ dừa bay vào nhưng chẳng ai để ý, ngay cả những trò nhỏ nhất cũng vậy, chúng đang cặm cùi vạch những nét sổ với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp... Trên mái nhà trường, chim bồ câu gù thật khế [...]

(A. Đơ-đê)

Từ đoạn văn trên, em hãy tả lại bằng miệng quang cảnh lớp học trong Buổi học cuối cùng.

2 Từ truyện Buổi học cuối cùng, em hãy tả lại bằng miệng cho các bạn nghe về hình ảnh thầy giáo Ha-men (chú ý làm nổi bật sự khác biệt của thầy so với buổi học thường ngày).

Hãy nói cho các bạn nghe về điều đó theo gợi ý sau :

- Thầy Ha-men trong buổi học cuối cùng là một người thầy như thế nào ?
- Hôm đó thầy mặc có gì khác với mọi ngày lên lớp bình thường ?
- Giọng nói của thầy ra sao ? Cử chỉ và thái độ của thầy như thế nào khi Phrăng đến muộn và không thuộc bài ?
- Nét mặt, lời nói và hành động của thầy vào cuối buổi học như thế nào ?

Chú ý : Cần xem lại văn bản Buổi học cuối cùng, liệt kê nội dung trả lời của các câu hỏi trên, sau đó phát biểu theo các nội dung đã chuẩn bị. Chỉ ghi vắn tắt các ý và các chi tiết (gạch đầu dòng), tránh viết thành văn để đọc theo.

3*. Cho đề văn sau đây : Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11, em theo mẹ đến chúc mừng thầy giáo cũ của mẹ, nay đã nghỉ hưu. Em hãy tả lại hình ảnh thầy giáo trong phút giây xúc động gặp lại người học trò của mình sau nhiều năm xa cách.

- Lập dàn ý cho đề văn trên.
- Thảo luận trong tổ và cử một đại diện trình bày trước lớp.

BÀI 24

Kết quả cần đạt

- Cảm nhận được vẻ đẹp hồn nhiên, vui tươi, trong sáng và sự hi sinh cao cả của nhân vật Lượm. Nắm được nghệ thuật miêu tả nhân vật kết hợp với kể và biểu hiện cảm xúc.
- Cảm nhận được sức sống, sự phong phú, sinh động của bức tranh thiên nhiên và tư thế của con người được miêu tả trong bài **Mưa**; nắm được nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả thiên nhiên ở bài thơ.
- Nắm được khái niệm **hoán dụ**, các **kiểu hoán dụ** và **tác dụng** của chúng.
- Nắm được đặc điểm **thể thơ bốn chữ** và tập làm loại thơ này. Biết vận dụng yếu tố kể và tả khi tập làm thơ bốn chữ.
- Thấy được những ưu điểm, nhược điểm và cách sửa chữa các lỗi ở bài tập làm văn số 5.

VĂN BẢN

LƯỢM

Ngày Huế đổ máu⁽¹⁾

Chú Hà Nội về

Tình cờ chú, cháu

Gặp nhau Hàng Bè⁽²⁾

Chú bé loắt choắt⁽³⁾

Cái xắc⁽⁴⁾ xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh



Ca lô⁽⁵⁾ đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

– Cháu đi liên lạc⁽⁶⁾
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá⁽⁷⁾
Thích hơn ở nhà !

Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân⁽⁸⁾
– Thôi chào đồng chí !
Cháu đi xa dần...

Cháu đi đường cháu
Chú lên đường ra
Đến nay tháng sáu
Chợt nghe tin nhà

Ra thế
Lượm ơi !...

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "Thượng khẩn"⁽⁹⁾
Sợ chi hiểm nghèo ?

Đường quê vắng vẻ
Lúa trĩu đòng đòng⁽¹⁰⁾
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...

Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi !
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi !

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng...

Lượm ơi, còn không ?

Chú bé loắt choắt
Cái xác xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng ...

1949

(Tố Hữu(★), *Thơ*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994)

Chú thích

(★) Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê ở tỉnh Thừa Thiên – Huế, là nhà cách mạng và nhà thơ lớn của thơ hiện đại Việt Nam, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. Bài *Lượm* được ông sáng tác năm 1949, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

(1) *Ngày Huế đổ máu* : ngày ở Huế bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược (năm 1947).

(2) *Hàng Bè* : tên một đường phố ở thành phố Huế.

(3) *Loắt choắt* : dáng nhỏ bé mà nhanh nhẹn.

(4) *Xác* : ở đây là xác cốt (phiên âm từ tiếng Pháp) – cái túi bằng vải dày hoặc da, có một quai đeo ở bên người, dùng để đựng sổ sách, giấy tờ.

(5) *Ca lô* : (phiên âm từ tiếng Pháp) loại mũ mềm bằng vải, không có vành, nhọn hai đầu, phía trên bóp lại, còn gọi là mũ chào mào. Thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, dân quân, tự vệ và bộ đội ta thường đội mũ này.

(6) *Di liên lạc* : làm công việc chuyển công văn, giấy tờ, thư từ, mệnh lệnh của cơ quan, đoàn thể hay đơn vị bộ đội, ... Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, có một số em thiếu nhi xung phong vào bộ đội làm liên lạc.

(7) *Đồn Mang Cá* : đồn binh lớn trong thành phố Huế, có từ thời triều Nguyễn. Khi thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, nơi này thành đồn của quân Pháp. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, bộ đội ta đóng quân ở đây.

(8) *Bồ quân* : cây có quả chín màu đỏ tím, ở đây ví màu má của chú bé đỏ như trái bồ quân.

(9) *Thượng khẩn* : rất gấp. Những công văn, mệnh lệnh có đề “Thượng khẩn” thì người chuyển phải tìm mọi cách chuyển nhanh nhất đến nơi nhận (*thượng* : ở vị trí cao, vị trí trên, đối lập với *hạ* ; *khẩn* : cần kíp, gấp gáp).

(10) *Đòng đòng* : bông lúa non, còn ở trong bẹ lá.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ kể và tả về Lượm qua những sự việc nào, bằng lời của ai ? Dựa theo trình tự lời kể ấy, em hãy tìm bố cục của bài thơ.

2. Hình ảnh Lượm trong đoạn thơ từ khổ thứ hai đến khổ thứ năm đã được miêu tả như thế nào qua cái nhìn của người kể (trang phục, hình dáng, cử chỉ, lời nói) ? Sự miêu tả đã làm nổi bật ở hình ảnh Lượm những nét gì đáng yêu, đáng mến ?

Các yếu tố nghệ thuật như từ láy, vần, nhịp, so sánh trong đoạn thơ đã có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện hình ảnh Lượm ?

3. Nhà thơ đã hình dung, miêu tả chuyến đi liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm như thế nào ? Hình ảnh Lượm gợi cho em cảm xúc gì ?

Trong đoạn thơ này có những câu thơ và khổ thơ được cấu tạo đặc biệt. Em hãy tìm những câu thơ và khổ thơ ấy, nêu tác dụng của nó trong việc biểu hiện cảm xúc của tác giả.

4. Trong bài thơ, người kể chuyện đã gọi Lượm bằng nhiều từ xưng hô khác nhau. Em hãy tìm những từ ấy và phân tích tác dụng của sự thay đổi cách gọi này đối với việc biểu hiện thái độ, quan hệ tình cảm của tác giả với Lượm.

5*. “Lượm ơi, còn không ?”, câu thơ đặt ở gần cuối bài thơ như một câu hỏi đầy đau xót sau sự hi sinh của Lượm. Vì sao sau câu thơ ấy tác giả lặp lại hai khổ thơ ở đoạn đầu với hình ảnh Lượm hồn nhiên, vui tươi ?

Ghi nhớ

- Bằng cách kết hợp miêu tả với kể chuyện và biểu hiện cảm xúc, bài thơ đã khắc hoạ hình ảnh chú bé liên lạc Lượm hồn nhiên, vui tươi, hăng hái, dũng cảm. Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh của em còn mãi với quê hương, đất nước và trong lòng mọi người.
- Thể thơ bốn chữ, nhiều từ láy có giá trị gợi hình và giàu âm điệu đã góp phần tạo nên thành công trong nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật.

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc lòng đoạn thơ từ *Một hôm nào đó* đến hết bài thơ.
2. Viết một đoạn văn khoảng mười dòng miêu tả chuyến đi liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm.

ĐỌC THÊM

Thể thơ bốn tiếng có nguồn gốc Việt Nam, xuất hiện từ xa xưa và được sử dụng nhiều trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là vè, do thích hợp với lối kể chuyện và dễ làm. Thường có cả vần lưng và vần chân xen kẽ, gieo vần liền hay cách. Nhịp phổ biến là nhịp hai. Ví dụ :

- Gân mực thì đen/ gân đèn thì sáng.
- Chớp đông nhay nháy/ gà gáy thì mưa.

(Tục ngữ)

- Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất ?
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai ?
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt ?

(Ca dao)

(Theo Bùi Văn Nguyên – Hà Minh Đức,
Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971)

MƯA

(Tự học có hướng dẫn)

Sắp mưa

Sắp mưa

Những con mối

Bay ra

Mối trẻ

Bay cao

Mối già

Bay thấp

Gà con

Rối rít tìm nơi

Ẩn nấp

Ông trời

Mặc áo giáp đen

Ra trận

Muôn nghìn cây mía

Múa gươm

Kiến

Hành quân

Đầy đường

Lá khô

Gió cuốn

Bụi bay

Cuốn cuộn

Cỏ gà rung tai

Nghe

Bụi tre
Tần ngần
Gỡ tóc
Hàng búi
Đu đưa
Bế lũ con
Đầu tròn
Trọc lốc
Chớp
Rạch ngang trời
Khô khốc
Sấm
Ghé xuống sân
Khánh khách
Cười
Cây dừa
Sải tay
Bơi
Ngọn mừng tươi
Nhảy múa
Mưa
Mưa
Ừ ừ như xay lúa
Lộp bộp
Lộp bộp...
Rơi
Rơi...
Đất trời
Mù trắng nước
Mưa chéo mặt sân
Sủi bọt

Cóc nhảy chồm chồm
Chó sủa
Cây lá hả hê
Bố em đi cà về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa...

1967

(Trần Đăng Khoa(★), *Góc sân và khoảng trời*,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1999)

Chú thích

(★) Trần Đăng Khoa sinh năm 1958, quê ở huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, năng khiếu thơ nẩy nở rất sớm. Từ lúc là học sinh Tiểu học đã có nhiều bài thơ đăng báo và tập thơ đầu được in năm 1968, lúc tác giả mới mười tuổi. Bài *Mưa* được rút từ tập thơ đầu tay *Góc sân và khoảng trời* của tác giả.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài thơ tả cơn mưa ở vùng nào và vào mùa nào ?

Cơn mưa được tả qua hai giai đoạn : lúc sắp mưa và lúc đang mưa. Dựa vào thứ tự miêu tả, em hãy tìm bố cục của bài thơ.

2. Nhận xét về thể thơ, cách ngắt nhịp, gieo vần trong bài thơ và nêu tác dụng đối với việc thể hiện nội dung (tả trận mưa rào ở làng quê).

3. Bài thơ đã miêu tả rất sinh động trạng thái và hoạt động của nhiều cây cối, loài vật trước và trong cơn mưa. Em hãy tìm hiểu :

a) Hình dáng, trạng thái, hoạt động của mỗi loài lúc sắp mưa và trong cơn mưa. Tìm những động từ và tính từ miêu tả và nhận xét về việc sử dụng các từ ấy.

b) Nêu các trường hợp sử dụng phép nhân hoá để miêu tả thiên nhiên trong bài thơ. Hãy phân tích tác dụng của biện pháp ấy trong một số trường hợp đặc sắc.

4. Gần hết bài thơ chỉ miêu tả thiên nhiên, đến cuối bài mới xuất hiện hình ảnh con người :

*Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa ...*

Em hãy nhận xét về ý nghĩa biểu tượng cho tư thế, sức mạnh và vẻ đẹp của con người trước thiên nhiên trong hình ảnh trên.

Ghi nhớ

Bằng việc sử dụng rộng rãi phép nhân hoá, với thể thơ tự do, nhịp thơ ngắn và nhanh, bài thơ đã miêu tả chính xác và sinh động cảnh vật thiên nhiên trước và trong cơn mưa rào ở làng quê. Bài thơ thể hiện tài năng quan sát và miêu tả thiên nhiên một cách hồn nhiên, tinh tế và độc đáo của Trần Đăng Khoa.

LUYỆN TẬP

1. Học thuộc lòng đoạn thơ từ đầu đến *Mù trắng nước*.
2. Quan sát và miêu tả cảnh mưa rào ở thành phố hay vùng núi, vùng biển hoặc mưa xuân ở làng quê.

ĐỌC THÊM

1. “Mưa sầm sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước toả trắng ngần. Trong nhà âm trầm hẳn đi. Mùi nước mưa mới ẩm, ngòn ngọt, ngai ngái. Mùi man mác, xa lạ của những trận mưa đầu mùa đem về. Mưa rêu rêu trên sân, gõ độp độp trên phen nứa, mái rạ, đập lũng tung, liên miên vào tàu lá chuối. Tiếng giọt giành đồ ồ ồ, xối lên những rãnh nước sâu. Bỗng một cơn gió phả đến, cây cối bị vật vã, nổi lên một hồi xa thẳm rạt rào. Mảnh sân đất đã ngập mấp mé. Nước chảy đỏ ngầu bốn bề, cuộn cuộn trong các ngách rãnh quanh lối xuống chuôm. Nhưng mưa chỉ rào rào một lúc, bỗng trong vòm trời tối thẫm, vang một hồi rền rền âm ỉ. Tiếng sấm mưa mới ...”

(Tô Hoài, *Tự truyện*, NXB Văn học, Hà Nội, 1985)

2. Ngày 27 tháng 6 viết tại lầu Vọng Hồ^(a) trong lúc say

Mây đen trút mực chưa nhoà núi
Mưa trắng gieo châu^(b) nháy rợn thuyền
Trận gió bỗng đầu lồi cuốn sạch
Dưới lầu bát ngát nước trời in.

(Tô Thức (1037-1101), nhà thơ Trung Quốc,
Nam Trân dịch)

HOÁN DỤ

I – HOÁN DỤ LÀ GÌ ?

1. Các từ ngữ in đậm trong câu thơ sau chỉ ai ?

Áo nâu liền với áo xanh
Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.

(Tố Hữu)

2. Giữa áo nâu, áo xanh, nông thôn, thị thành với sự vật được chỉ có mối quan hệ như thế nào ?

3. Hãy nêu tác dụng của cách diễn đạt này.

Ghi nhớ

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

(a) Vọng Hồ : tên một cái lầu bên cạnh Tây Hồ ở Hàng Châu thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

(b) Châu : ngọc. Tác giả ví những hạt mưa trong cơn dông như những hạt ngọc.

II – CÁC KIỂU HOÁN DỤ

1. Em hiểu các từ ngữ in đậm dưới đây như thế nào ?

a)

Bàn tay ta làm nên tất cả
Cố sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Hoàng Trung Thông)

b)

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

(Ca dao)

c)

Ngày Huế đổ máu
Chú Hà Nội về
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè.

(Tố Hữu)

2. Giữa *bàn tay* với sự vật mà nó biểu thị trong ví dụ a, *một* và *ba* với số lượng mà nó biểu thị trong ví dụ b, *đổ máu* với hiện tượng mà nó biểu thị trong ví dụ c có quan hệ như thế nào ?

3. Từ những ví dụ đã phân tích ở phần I và phần II, hãy liệt kê một số kiểu quan hệ thường được sử dụng để tạo ra phép hoán dụ.

Ghi nhớ

Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp là :

- Lấy một bộ phận để gọi toàn thể ;
- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng ;
- Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật ;
- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

III – LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra phép hoán dụ trong những câu thơ, câu văn sau và cho biết mối quan hệ giữa các sự vật trong mỗi phép hoán dụ là gì.

a) *Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cánh làm ăn tấp nập.*

(Hồ Chí Minh)

b) *Vì lợi ích mười năm phải trồng cây,
Vì lợi ích trăm năm phải trồng người.*

(Hồ Chí Minh)

c) *Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*

(Tố Hữu)

d) *Vì sao ? Trái đất nặng ân tình
Nhắc mãi tên Người : Hồ Chí Minh*

(Tố Hữu)

2. Hoán dụ có gì giống và có gì khác ẩn dụ ? Cho ví dụ minh họa.

3. Chính tả (nhớ – viết) : *Đêm nay Bác không ngủ* (từ *Lần thứ ba thức dậy đến Anh thức luôn cùng Bác*).

TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Trước khi làm bài tập, chú ý xem kĩ phần *Đọc thêm* về thơ bốn chữ, sau bài *Lượm* (Bài 24, tr. 77).

1. Ngoài bài thơ *Lượm*, em còn biết thêm bài thơ, đoạn thơ bốn chữ nào khác ? Hãy nêu lên và chỉ ra những chữ cùng vần với nhau trong bài thơ đó.

2. *Vần chân* là vần được gieo vào cuối dòng thơ, *vần lưng* là vần được gieo ở giữa dòng thơ. Hãy chỉ ra đâu là *vần chân* và đâu là *vần lưng* trong đoạn thơ sau :

Mây lưng chừng hàng
Về ngang lưng núi
Ngàn cây nghiêm trang
Mơ màng theo bụi.

(Xuân Diệu)

3. *Vần liền* là vần được gieo liền tiếp ở các dòng thơ ; *vần cách* là vần không gieo liền tiếp mà thường cách ra một dòng thơ. Trong hai đoạn thơ sau, đoạn nào gieo vần liền và đoạn nào gieo vần cách :

Cháu đi đường cháu
Chú lên đường ra
Đến nay tháng sáu
Chợt nghe tin nhà.

(Tố Hữu)

Nghé hành ghé hẹ
Nghé chẳng theo mẹ
Thì ghé theo đàn
Nghé chớ đi càn
Kẻ gian nó bắt.

(Đồng dao)

4. Đoạn thơ sau đây trích trong bài *Chị em* của Lưu Trọng Lư, một bạn chép sai hai chữ có vần, em hãy chỉ ra hai chữ đó và thay vào bằng hai chữ *sống, cạnh* sao cho phù hợp.

Em bước vào đây
Gió hôm nay lạnh
Chị đốt than lên
Để em ngồi sưởi

Nay chị lấy chồng
Ở mãi Giang Đông
Dưới làn mây trắng
Cách mấy con đò.

5. Tập làm một bài thơ (hoặc đoạn thơ) bốn chữ có nội dung kể chuyện hoặc miêu tả về một sự việc hay một con người theo văn tự chọn.

II – TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ TRÊN LỚP

1. Trình bày bài (đoạn) thơ bốn chữ đã chuẩn bị ở nhà ; chỉ ra nội dung, đặc điểm (vần, nhịp) của bài (đoạn) thơ ấy.
2. Cả lớp nhận xét những điểm được và chưa được của bài làm.
3. Cả lớp góp ý, từng học sinh tự sửa chữa bài làm của mình.
4. Cả lớp cùng thầy, cô giáo đánh giá và xếp loại.

ĐỌC THÊM

Một số đoạn thơ bốn chữ :

*Đường đi thì nhỏ
Bờ cỏ thì xanh
Trời cao thì thanh
Em ơi ! Có rõ.*

(Tế Hanh)

*Hai con ngựa trắng
Ăn cỏ đồng xanh
Hương gió thanh thanh
Vang lưng ca ngời.*

(Hồ Dzếnh)

*Lưng mẹ còng rồi
Cau thì vẫn thẳng
Cau – ngọn xanh rờn
Mẹ – đầu bạc trắng.*

(Đỗ Trung Lai)

*Thời gian như gạo
Chảy qua tay người
Hạt thơm hạt thảo
Nong đầy, nong vơi.*

(Đỗ Bạch Mai)

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

Bài tập làm văn số 5 có nội dung tả cảnh, sau khi được trả bài, học sinh hãy chú ý xem lại mấy điểm sau đây :

1. Bài viết của mình định tả cảnh gì ? Những hình ảnh được lựa chọn trong bài đã đặc sắc và tiêu biểu cho cảnh được tả chưa ?
2. Những hình ảnh ấy đã được trình bày theo một thứ tự nào, có hợp lí không ?
3. Bài viết đã có đủ ba phần : *Mở bài*, *Thân bài* và *Kết bài* chưa ?
4. Thống kê những lỗi mà bài viết của mình đã mắc phải và nghĩ cách sửa chữa.

BÀI 25

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được vẻ đẹp sinh động, trong sáng của những bức tranh thiên nhiên và đời sống con người ở vùng đảo Cô Tô được miêu tả trong bài văn.*
- *Thấy được nghệ thuật miêu tả và tài năng sử dụng ngôn ngữ điêu luyện của tác giả.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về các thành phần chính của câu đã học ở bậc Tiểu học.*

CÔ TÔ

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô⁽¹⁾ là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá già đôi⁽²⁾. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô hỏi thăm sức khoẻ anh em bộ binh và hải quân cùng đóng sát nhau trong cái đồn khố xanh⁽³⁾ cũ ấy. Trèo lên nóc đồn, nhìn ra bao la Thái Bình Dương bốn phương tám hướng, quay gót 180 độ mà ngắm cả toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.



... Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân⁽⁴⁾ một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư⁽⁵⁾, ra thầu đầu mũi đảo. Và ngồi đó nhìn mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể⁽⁶⁾ sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ⁽⁷⁾ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hừng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ⁽⁸⁾ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bệ sáng dần lên cái chất bạc nén⁽⁹⁾. Một con hải âu bay ngang, là là nhíp cánh...

Khi mặt trời đã lên một vài con sào, tức là lúc nó trở về sự bình dị hằng ngày, thì tôi đang múc gầu nước giếng dội lên đầu lên cổ lên vai lên lưng, nghĩa là tôi cũng đang đi tắm như mọi người lao động bình thường đang tắm quanh giếng. Cái giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo giữa bể, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.

Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong những ang⁽¹⁰⁾ góm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rớt lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi quăng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm⁽¹¹⁾ ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho mười tám thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng⁽¹²⁾. Anh hùng Châu Hoà Mãn⁽¹³⁾ cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quẩy nước bên bờ giếng, tôi né ra một bên. Anh quẩy mười lăm gánh cho thuyền anh : "Đi ra khơi, xa lắm mà, có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước bể thôi".

Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hoà Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.

(Nguyễn Tuân^(★), Kí, NXB Văn học, Hà Nội, 1976)

Chú thích

(★) Nguyễn Tuân (1910 – 1987) quê ở Hà Nội, là nhà văn nổi tiếng, sở trường về thể tùy bút và kí, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996. Tác phẩm của Nguyễn Tuân luôn thể hiện phong cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú nhiều mặt và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện.

Bài văn *Cô Tô* là phần cuối của bài kí *Cô Tô* – tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn Nguyễn Tuân thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo.

(1) *Cô Tô* : quần đảo gồm nhiều đảo nhỏ trong vịnh Bái Tử Long (thuộc vịnh Bắc Bộ), cách bờ biển tỉnh Quảng Ninh khoảng 100 km. Ngoài cá, biển Cô Tô còn nổi tiếng về mực, ngọc trai, hải sâm, bào ngư.

(2) *Giã đôi* : giã do hai tàu hoặc thuyền kéo (*giã* : lưới hình túi, dùng tàu thuyền kéo để bắt cá và hải sản khác ở tầng đáy hoặc gần đáy biển).

(3) *Khố xanh* : một sắc lính trong quân đội thuộc địa dưới chế độ thực dân Pháp. Lính khố xanh canh giữ các công sở, địa phương, chân có quần xà cạp màu xanh để phân biệt với các sắc lính khác.

(4) *Thanh Luân* : một đảo trong quần đảo Cô Tô.

(5) *Đá đầu sư* : đá có đầu tròn, nhẵn như đầu ông sư, thường quần tụ thành bãi.

(6) *Ngấn bể* : đường tiếp giáp giữa mặt biển và chân trời theo tầm nhìn của mắt.

(7) *Đường bệ* : dáng vẻ to lớn, vững vàng, uy nghi.

(8) *Trường thọ* : sống rất lâu (*trường* : dài ; *thọ* : sống lâu).

(9) *Bạc nén* : bạc đúc thành từng thỏi (*nén* : đơn vị đo khối lượng, bằng mười lạng ta, tức khoảng 375 gram).

(10) *Cong, ang* : *cong* : đồ đựng bằng sành, hồng phình, miệng rộng ; *ang* : đồ đựng nước bằng đất nung, thành hơi phình, miệng rộng.

(11) *Hải sâm* : động vật ở biển, thân tròn, dài và mềm, da có gai nhỏ, hình giống quả dưa chuột (dưa leo), sống ở vùng đáy biển, là một thực phẩm quý.

(12) *Cá hồng* : cá biển sống ở tầng đáy, thân hình bầu dục, có vệt màu đỏ.

(13) *Châu Hoà Mãn* : Anh hùng lao động ngành ngư nghiệp, chủ nhiệm một hợp tác xã đánh cá ở đảo Cô Tô, vào những năm 60 của thế kỉ XX.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài văn có thể chia làm mấy đoạn ? Nội dung chính của mỗi đoạn là gì ?
2. Vẻ đẹp trong sáng của đảo Cô Tô sau khi trận bão đi qua đã được miêu tả như thế nào ? Em hãy tìm và nhận xét những từ ngữ (đặc biệt là tính từ), hình ảnh diễn tả vẻ đẹp ấy trong đoạn đầu của bài.
3. Đoạn tả cảnh mặt trời mọc trên biển (từ *Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu* đến *Một con hải âu bay ngang, là là nhíp cánh*) là một bức tranh rất đẹp. Em hãy tìm những từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc, những hình ảnh mà tác giả đã dùng để vẽ nên cảnh đẹp rực rỡ ấy. Nhận xét về những hình ảnh so sánh mà tác giả dùng ở đây ?
4. Cảnh sinh hoạt và lao động của người dân trên đảo đã được miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh nào trong đoạn cuối bài văn ? Em có cảm nghĩ gì về cảnh ấy ?

Ghi nhớ

Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp qua ngôn ngữ điêu luyện và sự miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc của Nguyễn Tuân. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc (trên biển, trên sông, trên núi hay ở đồng bằng) mà em đã quan sát được.
2. Chép lại và học thuộc đoạn văn (từ *Mặt trời nhú lên dần dần* đến *Một con hải âu bay ngang, là là nhíp cánh*).

CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

I – PHÂN BIỆT THÀNH PHẦN CHÍNH VỚI THÀNH PHẦN PHỤ CỦA CÂU

1. Nhắc lại tên các thành phần câu em đã học ở bậc Tiểu học.

2. Tìm các thành phần câu nói trên trong câu sau :

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.

(Tô Hoài)

3. Thử lần lượt lược bỏ từng thành phần câu nói trên rồi rút ra nhận xét :

– Những thành phần nào bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn (nghĩa là có thể hiểu đầy đủ mà không cần gắn với hoàn cảnh nói năng) ?

– Những thành phần nào không bắt buộc phải có mặt trong câu ?

Ghi nhớ

Thành phần chính của câu là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn. Thành phần không bắt buộc có mặt được gọi là thành phần phụ.

II – VỊ NGŨ

1. Đọc lại câu vừa phân tích ở phần I . Nêu đặc điểm của vị ngữ :

– Vị ngữ có thể kết hợp với những từ nào về phía trước ?

– Vị ngữ trả lời cho những câu hỏi như thế nào ?

2. Phân tích cấu tạo của vị ngữ trong các câu dẫn dưới đây. Gợi ý :

– Vị ngữ là từ hay cụm từ ?

– Nếu vị ngữ là từ thì từ đó thuộc từ loại nào ?

– Nếu vị ngữ là cụm từ thì đó là cụm từ loại nào ?

– Mỗi câu có thể có mấy vị ngữ ?

a) *Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.*

(Tô Hoài)

b) *Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập.*

(Đoàn Giỏi)

c) *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam [...]. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.*

(Thép Mới)

Ghi nhớ

- **Vị ngữ** là thành phần chính của câu có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian và trả lời cho các câu hỏi **Làm gì ?**, **Làm sao ?**, **Như thế nào ?** hoặc **Là gì ?**
- Vị ngữ thường là động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ, danh từ hoặc cụm danh từ.
- Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

III – CHỦ NGỮ

1. Đọc lại các câu vừa phân tích ở phần II. Cho biết mối quan hệ giữa sự vật nêu ở chủ ngữ với hành động, đặc điểm, trạng thái, ... nêu ở vị ngữ là quan hệ gì.

2. Chủ ngữ có thể trả lời những câu hỏi như thế nào ?

3. Phân tích cấu tạo của chủ ngữ trong các câu đã dẫn ở phần I, phần II.

Ghi nhớ

- **Chủ ngữ** là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, đặc điểm, trạng thái, ... được miêu tả ở vị ngữ. Chủ ngữ thường trả lời cho các câu hỏi **Ai ?**, **Con gì ?** hoặc **Cái gì ?**
- Chủ ngữ thường là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ. Trong những trường hợp nhất định, động từ, tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ.
- Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

IV – LUYỆN TẬP

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau. Cho biết mỗi chủ ngữ hoặc vị ngữ có cấu tạo như thế nào.

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.

(Tô Hoài)

2. Đặt ba câu theo yêu cầu sau :

a) Một câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Làm gì ?* để kể lại một việc tốt em hoặc bạn em mới làm được.

b) Một câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Như thế nào ?* để tả hình dáng hoặc tính tình đáng yêu của một bạn trong lớp em.

c) Một câu có vị ngữ trả lời câu hỏi *Là gì ?* để giới thiệu một nhân vật trong truyện em vừa đọc với các bạn trong lớp.

3. Chỉ ra chủ ngữ trong mỗi câu em vừa đặt được. Cho biết các chủ ngữ ấy trả lời cho những câu hỏi như thế nào.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 – VĂN TẢ NGƯỜI (*làm tại lớp*)

Nội dung bài viết này là tả người, có thể tham khảo các đề bài sau đây :

Đề 1 : Em hãy viết bài văn tả người thân yêu và gần gũi nhất với mình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

Đề 2 : Hãy miêu tả hình ảnh mẹ hoặc cha trong những trường hợp sau :

- Lúc em ốm.
- Khi em mắc lỗi.
- Khi em làm được một việc tốt.

Đề 3 : Hãy tả lại hình ảnh một cụ già đang ngồi câu cá bên hồ.

Đề 4* : Em đã có dịp xem vô tuyến, phim ảnh, báo chí, sách vở về hình ảnh một người lực sĩ đang cử tạ. Hãy miêu tả lại hình ảnh ấy.

Đề 5 : Em hãy tả lại một người nào đó tùy theo ý thích của bản thân mình.

BÀI 26

Kết quả cần đạt

- *Cảm nhận được giá trị và vẻ đẹp của cây tre – một biểu tượng về đất nước và dân tộc Việt Nam.*
- *Nắm được những đặc sắc nghệ thuật của bài kí : hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng, nhịp điệu phong phú.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về câu trần thuật đơn đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Thấy được ưu điểm và nhược điểm trong bài (đoạn) thơ năm chữ của mình hoặc của bạn.*

VĂN BẢN

CÂY TRE VIỆT NAM

Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam.

Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi ... đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.

Tre, nứa, trúc, mai, vầu⁽¹⁾ mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn⁽²⁾. Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.

Nhà thơ đã có lần ca ngợi :

Bóng tre trùm mát rượi.



Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản⁽³⁾, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cây Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân :

*Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm.*

Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ "văn minh", "khai hoá"⁽⁴⁾ của thực dân cũng không làm ra được một tác sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người. Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

Trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam, tre là người nhà, tre khẳng khít với đời sống hằng ngày.

Giang⁽⁵⁾ chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê cái thuở ban đầu⁽⁶⁾ thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa :

*Lạt này gói bánh chưng xanh
Cho mai lấy trúc⁽⁷⁾, cho anh lấy nàng ...*

Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt⁽⁸⁾ bằng tre.

Tuổi già hút thuốc làm vui. Vớ chiếc điều cày tre là khoan khoái. Nhớ lại vụ mùa trước, nghĩ đến những mùa sau, hay nghĩ đến một ngày mai sẽ khác ...

Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay⁽⁹⁾, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.

Người xưa có câu : "Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn, bất khuất ! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.

Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông⁽¹⁰⁾ đã dựng nên thành đồng Tổ quốc⁽¹¹⁾ ! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !

(...) Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.

Điều bay, điều lá tre bay lưng trời ...

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời ...

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh điều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre ...

"Tre già măng mọc". Măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam, lứa măng non của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt sắt.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia vui buồn ngọt ngào của những ngày mai tươi hát, còn mãi với chúng ta, vui hạnh phúc, hoà bình.

Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa. Nhưng, trên đường trường ta dần bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.

Cây tre Việt Nam ! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

1955

(Thép Mới(★), theo *Trích giảng Văn học* lớp 7,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1980,
có đối chiếu với cuốn *Cây tre Việt Nam*,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001)

Chú thích

(★) Thép Mới (1925 – 1991) tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê ở quận Tây Hồ, Hà Nội, sinh ở thành phố Nam Định. Ngoài báo chí, Thép Mới còn viết nhiều bút kí, thuyết minh phim.

Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

(1) *Nứa, trúc, mai, vầu* : các giống cây cùng họ với tre (*nứa* : thân nhỏ và mỏng hơn tre, độ bền và dẻo kém hơn tre ; *trúc* : thân nhỏ, lá nhỏ, đốt thẳng ; *mai* : thân to hơn tre, giống dài, lá to ; *vầu* : thân nhỏ hơn mai).

(2) *Nhũn nhặn* : thái độ khiêm tốn, nhún nhường ; ở đây nói về màu xanh bình dị, tươi mà không rực rỡ của tre.

(3) *Bản* : làng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền Bắc.

(4) *Một thế kỉ "văn minh", "khai hoá"* : chỉ thời kì thực dân Pháp đô hộ nước ta, cách nói mang ý mỉa mai, vì bọn thực dân thường rêu rao là đã "khai hoá văn minh" cho các xứ thuộc địa.

(5) *Giang* : cây thuộc loại tre, nứa, thân dẻo, giống dài, dùng để chẻ lạt hoặc đan lát. Ở đây tác giả gợi đến câu tục ngữ : "Lạt mềm buộc chặt".

(6) *Cái thuở ban đầu* : lúc mới quen biết, có cảm tình với nhau (thường nói về tình yêu đôi lứa).

(7) *Cho mai lấy trúc* : mai là cây hoa mai (không phải cây mai thuộc họ tre, nứa, như ở chú thích (1)), mai và trúc là hai cây đẹp thường đi đôi với nhau trong văn chương, hội hoạ thời cổ để nói sự hoà hợp, tương xứng ; ở đây là cách ví von để nói về ước nguyện kết duyên đôi lứa.

(8) *Đánh chất* (còn gọi là *chuyển thế*) : trò chơi dân gian của trẻ em, thường là của con gái, dùng một số que tre trải ra đất rồi tung một hòn sỏi hoặc một quả nhỏ lên lượm lấy que tre và hứng lấy vật vừa tung lên. Trò chơi này rèn luyện sự nhanh nhẹn và khéo léo.

(9) *Nhắm mắt xuôi tay* (thành ngữ) : chết.

(10) *Tầm vong* : loại tre thân nhỏ, cứng, đặc, không có gai, thường dùng làm gậy. Buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, vì thiếu thốn vũ khí, nhân dân đã dùng gậy tầm vong đánh giặc.

(11) *Thành đồng Tổ quốc* : danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho Nam Bộ trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nêu đại ý của bài văn.

Tìm bố cục của bài và nêu ý chính của mỗi đoạn.

2. Để làm rõ ý "Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam", bài văn đã đưa ra hàng loạt những biểu hiện cụ thể. Em hãy :

a) Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện sự gắn bó của tre với con người trong lao động và cuộc sống hằng ngày.

b) Nêu giá trị của các phép nhân hoá đã được sử dụng để nói về cây tre và sự gắn bó của tre với con người.

3. Ở đoạn kết, tác giả đã hình dung như thế nào về vị trí của cây tre trong tương lai khi đất nước ta đi vào công nghiệp hoá ?

4. Bài văn đã miêu tả cây tre với vẻ đẹp và những phẩm chất gì ? Vì sao có thể nói cây tre là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam ?

Ghi nhớ

- *Cây tre là người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.*
- *Bài Cây tre Việt Nam có nhiều chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng, sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hoá, lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu.*

LUYỆN TẬP

Em hãy tìm một số câu tục ngữ, ca dao, thơ, truyện cổ tích Việt Nam có nói đến cây tre.

ĐỌC THÊM

Tre xanh
Xanh tự bao giờ ?
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh

Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên luỹ nên thành tre ơi ?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu !

Có gì đâu, có gì đâu
Mở màu ít chất dòn lâu hoá nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm...

(Nguyễn Duy, trích *Tre Việt Nam* trong tập *Cát trắng*,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973)

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

I – CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN LÀ GÌ ?

1. Các câu dưới đây được dùng làm gì ?

Chưa nghe hết câu, tôi đã héch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng :

– Hức ! Thông ngách sang nhà ta ? Dễ nghe nhỉ ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết !

Tôi về, không một chút bận tâm.

(Tô Hoài)

2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của các câu trần thuật vừa tìm được.

3. Xếp các câu trần thuật nói trên thành hai loại :

– Câu do một cặp chủ ngữ – vị ngữ (một cụm C – V) tạo thành ;

– Câu do hai hoặc nhiều cụm C – V sóng đôi tạo thành.

Ghi nhớ

Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm C – V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.

II – LUYỆN TẬP

1. Tìm câu trần thuật đơn trong đoạn trích dưới đây. Cho biết những câu trần thuật đơn ấy được dùng làm gì.

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quân đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá già đôi.

(Nguyễn Tuân)

2. Dưới đây là một số câu mở đầu các truyện em đã học. Chúng thuộc loại câu nào và có tác dụng gì ?

a) Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân.

(Con Rồng cháu Tiên)

b) Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ.

(Ếch ngồi đáy giếng)

c) Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều.

(Vũ Trinh)

3. Cách giới thiệu nhân vật chính trong những truyện sau có gì khác với cách giới thiệu nêu trong bài tập 2 ?

a) Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô.

(Thánh Gióng)

b) Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

c) Ngày xưa có ông vua nọ sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người. Đã mất nhiều công tìm kiếm nhưng viên quan vẫn chưa thấy có người nào thật lỗi lạc.

Một hôm, viên quan đi qua cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng [...].

(Em bé thông minh)

4. Ngoài tác dụng giới thiệu nhân vật, những câu mở đầu sau đây còn có tác dụng gì ?

a) Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.

(Đẽo cày giữa đường)

b) Người kiếm củi tên mõ ở huyện Lạng Giang, đang bỏ củi ở sườn núi, thấy dưới thung lũng phía xa, cây cỏ lay động không ngớt mới vác búa đến xem, thấy một con hổ trán trắng, cúi đầu cào bới đất, nháy lên, vụt xuống, thỉnh thoảng lấy tay móc họng, mở miệng nhe cái răng, máu me, nhớt dãi trào ra.

(Vũ Trinh)

5. Chính tả (nhớ – viết) : *Lượm* (từ Ngày Huế đổ máu đến Nhảy trên đường vàng...).

HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN : THI LÀM THƠ NĂM CHỮ

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Đọc ba đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

Đoạn 1 :

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm

Rồi Bác đi đêm chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng...

(Minh Huệ)

Đoạn 2 :

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài :
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay".

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu ?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu...

(Vũ Đình Liên)

Đoạn 3 :

Em đi như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết
Em về tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc
Em ở trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che.

(Chế Lan Viên)

Câu hỏi :

a) Các em đã được học về thể thơ bốn chữ ở Bài 24. Từ các đoạn thơ trên, hãy rút ra các đặc điểm của thơ năm chữ (khổ thơ, vần, cách ngắt nhịp, ...).

b) Ngoài các đoạn thơ trên, em còn biết bài thơ, đoạn thơ năm chữ nào khác không ? Hãy chép các bài thơ, đoạn thơ đó ra và nhận xét về đặc điểm của chúng.

Ghi nhớ

Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng năm chữ, còn gọi là thơ ngũ ngôn, có nhịp 3/2 hoặc 2/3. Văn thơ thay đổi không nhất thiết là văn liên tiếp, số câu cũng không hạn định. Bài thơ thường chia khổ, mỗi khổ thường bốn câu, nhưng cũng có khi hai câu hoặc không chia khổ.

2. Dựa vào những hiểu biết về thơ năm chữ

a) Hãy mô phỏng (bắt chước) tập làm một đoạn thơ năm chữ theo vần và nhịp đoạn thơ sau :

*Mặt trời càng lên tỏ
Bông lúa chín thêm vàng
Sương treo đầu ngọn cỏ
Sương lại càng long lanh
Bay vút tận trời xanh
Chiến chiến cao tiếng hót.*

(Trần Hữu Thung)

b) Hãy làm một bài thơ hoặc một đoạn thơ năm chữ theo nội dung và vần, nhịp tự chọn để dự thi trên lớp.

II – THI LÀM THƠ NĂM CHỮ (làm tại lớp)

1. Nhắc lại đặc điểm của thể thơ năm chữ (khổ, vần, nhịp) đã chuẩn bị ở nhà.
2. Trao đổi theo nhóm (tổ) về các bài thơ năm chữ làm ở nhà để xác định bài sẽ giới thiệu trước lớp của nhóm (tổ).
3. Mỗi nhóm (tổ) cử đại diện đọc và bình bài thơ của nhóm (tổ) mình trước lớp.
4. Cả lớp tham gia cùng thầy, cô giáo nhận xét, đánh giá và xếp loại.

BÀI 27

Kết quả cần đạt

- *Hiểu được tư tưởng cơ bản của bài văn Lòng yêu nước : Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những gì gần gũi, thân thuộc của quê hương.*
- *Cảm nhận được vẻ đẹp và sự phong phú của hình ảnh các loài chim ở làng quê trong bài Lao xao ; thấy được nghệ thuật quan sát, miêu tả sinh động của tác giả.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về các kiểu câu trần thuật đơn đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Thấy được ưu điểm và nhược điểm của bài tập làm văn số 6.*

VĂN BẢN

LÒNG YÊU NƯỚC

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất : yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phở nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh. Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô viết⁽¹⁾ nhận ra vẻ thanh tú⁽²⁾ của chốn quê hương. Người vùng Bắc nghĩ đến cánh rừng bên dòng sông Vi-na hay miền Xu-cô-nô, thân cây mọc là là mặt nước, nghĩ đến những đêm tháng sáu sáng hồng⁽³⁾ và tiếng "cô nàng" gọi đùa người yêu. Người xứ U-crai-na⁽⁴⁾ nhớ bóng thùy dương tư lự bên đường, cái bằng lăng của trưa hè vàng ánh, vào lúc ấy, đời sống thấy đầy đủ và phong phú thay, vào lúc ấy, thời gian dường như không trôi đi nữa. Chỉ có tiếng ong bay khẽ xua động cái yên lặng trọng thể. Người xứ Gru-di-a⁽⁵⁾ ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực và nỗi vui bất chợt của một dòng suối óng ánh bạc, vị mát của nước đóng thành băng, rượu vang cay sẽ tu trong bọc đựng rượu bằng da dê, những lời thân ái giản dị và những tiếng cuối cùng của câu chào tạm biệt vọng lại. Người ở thành Lê-nin-grát⁽⁶⁾ bị sương mù quê hương ám ảnh, nhớ dòng sông Nê-va rộng và đường bệ như nước Nga đường bệ, nhớ những tượng bằng đồng

tạc những con chiến mã⁽⁷⁾ lồng lên, và lá hoa rục rờ của công viên mùa hè, nhớ phố phường mà mỗi căn nhà là một trang lịch sử. Người Mát-xcơ-va nhớ như thấy lại những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm⁽⁸⁾, để rồi đổ ra những đại lộ của thành phố mới. Xa nữa là điện Krem-li⁽⁹⁾, những tháp cổ ngày xưa⁽¹⁰⁾, dấu hiệu vinh quang của đất nước Nga và những ánh sao đỏ⁽¹¹⁾ của ngày mai.

Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga⁽¹²⁾, con sông Vôn-ga đi ra bể. *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.* Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách. Người ta giờ đây đã hiểu lòng yêu của mình lớn đến dường nào, yêu người thân, yêu Tổ quốc, yêu nước Nga, yêu Liên bang Xô viết. Điều đó ta đã hiểu, khi kẻ thù giờ tay khà ó⁽¹³⁾ động đến Tổ quốc chúng ta. Ai là kẻ chẳng cảm thấy, mùa thu qua⁽¹⁴⁾, điều giản dị này : "Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa".

26 – 6 – 1942

(I. Ê-ren-bua(★), *Thời gian ủng hộ chúng ta*,
tập tùy bút, Thép Mới dịch, NXB Văn nghệ, 1954)

Chú thích

(★)I-li-a Ê-ren-bua (1891–1962) là nhà văn nổi tiếng của Liên Xô (trước đây). Ông còn là một nhà báo lỗi lạc.

Bài *Lòng yêu nước* được trích từ bài báo *Thử lửa* của I.Ê-ren-bua viết vào cuối tháng 6 năm 1942, thời kì khó khăn nhất trong cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược (1941–1945).

(1) *Cộng dân Xô viết* : cộng dân Liên Xô (Liên Xô là cách gọi tắt của Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết – Nhà nước liên bang gồm nhiều nước theo chính thể Cộng hoà Xô viết, được thành lập năm 1922 sau Cách mạng tháng Mười Nga 1917).

(2) *Thanh tú* : vẻ đẹp tao nhã, thanh thoát.

(3) *Đêm tháng sáu sáng hồng* : vùng phía bắc nước Nga do ở vĩ độ gần Bắc cực nên vào tháng sáu đêm rất ngắn, khoảng thời gian từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời mọc chỉ vài giờ, ánh mặt trời không tắt hẳn, để lại ánh sáng yếu ớt, người ta gọi đó là những đêm trắng.

(4) *U-crai-na* : một nước cộng hoà thuộc Liên Xô. Nay là nước Cộng hoà U-crai-na.

(5) *Gru-di-a* : một nước cộng hoà ở phía tây nam Liên Xô. Nay là nước cộng hoà Gru-di-a.

(6) *Lê-nin-grát* : tên gọi dưới thời Xô viết thành phố Xanh Pê-téc-bua – thủ đô của nước Nga trước Cách mạng tháng Mười. Nay lấy lại tên cũ.

(7) *Chiến mã* : ngựa dùng trong chiến trận.

(8) *Hoài niệm* : tưởng nhớ về những gì đã qua từ lâu (*hoài* : nhớ ; *niệm* : nghĩ, nhớ).

(9) *Điện Krem-li* : quần thể kiến trúc cung điện có tường thành bao quanh ở trung tâm Mát-xcơ-va, được xây dựng từ nhiều thế kỉ trước dưới thời Nga hoàng. Sau Cách mạng tháng Mười Nga, trụ sở các cơ quan trung ương của Liên Xô được đặt ở đây.

(10) *Những tháp cổ ngày xưa* : ở Krem-li có những tháp cổ được xây dựng từ thế kỉ XIV.

(11) *Những ánh sao đỏ* : sau Cách mạng tháng Mười Nga, trên đỉnh những tháp và vòm nhà cao ở Krem-li đều có gắn ngôi sao đỏ, biểu trưng cho cách mạng.

(12) *Vôn-ga* : con sông lớn và dài, có vị trí quan trọng ở vùng lãnh thổ thuộc châu Âu của nước Nga, chảy theo hướng bắc-nam, được hợp thành từ nhiều nhánh sông và đổ ra biển Ca-xpi.

(13) *Khả ố* : xấu xa, đáng ghét (*khả* : đáng, *ố* : ghét).

(14) *Mùa thu qua* : tức mùa thu năm 1941, khi phát xít Đức mới tấn công Liên Xô, quân đội Xô viết gặp rất nhiều khó khăn phải rút lui về phía đông.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Nêu đại ý của bài văn.

2. Đọc đoạn văn từ đầu đến *lòng yêu Tổ quốc* và hãy cho biết :

a) Câu mở đầu và câu kết đoạn.

b) Tìm hiểu trình tự lập luận trong đoạn văn.

3. Nhớ đến quê hương, người dân Xô viết ở mỗi vùng đều nhớ đến vẻ đẹp tiêu biểu của quê hương mình. Đó là những vẻ đẹp nào ? Nhận xét về cách chọn lọc và miêu tả những vẻ đẹp đó.

4. Bài văn nêu lên một chân lí phổ biến và sâu sắc về lòng yêu nước. Em hãy tìm trong bài câu văn thâu tóm chân lí ấy, ghi lại và học thuộc.

Ghi nhớ

Bài văn thể hiện tinh thần yêu nước tha thiết, sâu sắc của tác giả và những người dân Xô viết trong hoàn cảnh thử thách gay gắt của cuộc chiến tranh vệ quốc. Đồng thời bài văn đã nêu lên một chân lí : "Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất (...). Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc".

LUYỆN TẬP

Nếu cần nói đến vẻ đẹp tiêu biểu về quê hương mình (hoặc địa phương em đang ở) thì em sẽ nói những gì ?

ĐỌC THÊM

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều*

*Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn*

*Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm bỏ xuống lại hiền như xưa.*

(Nguyễn Đình Thi, Bài thơ Hắc Hải,
in trong Tuyển tập Nguyễn Đình Thi, tập III,
NXB Văn học, Hà Nội, 1997)

LAO XAO

Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xoá. Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng⁽¹⁾ bụi bầm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.

Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.

Các...các...các...

Một con bồ các⁽²⁾ kêu vẳng lên. Cái con này bao giờ cũng vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh.

Chị Diệp nhanh nhẩu :

– Bồ các là bác chim ri. Chim ri là di sáo sậu. Sáo sậu⁽³⁾ là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các, ...



Thế thì ra đây mơ, rê má thế nào mà chúng đều có họ với nhau. Họ của chúng đều hiền cả. Chúng đều mang vui đến cho giới đất. Sáo sậu, sáo đen hót, đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa. Nhà bác Vui có con sáo đen tọ toẹ⁽⁴⁾ học nói. Nó bay đi ăn, chiều chiều lại về với chủ. Con tu hú to nhất họ, nó kêu "tu hú" là mùa tu hú⁽⁵⁾ chín ; không sai một tẹo nào. Cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn. Tu hú đỗ ngọn cây tu hú mà kêu. Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc. Tiếng tu hú hiếm hoi ; quả hết, nó bay đi đâu biệt.

Một đàn chim ngói sạt qua rồi vội vã kéo nhau về hướng mặt trời lặn.

Nhạn tha hồ vùng vẫy tít mây xanh "chéc chéc".

Khi con bìm bịp kêu "bịp bịp" tức là đã thông buổi⁽⁶⁾. Nghe đâu trước đây có một ông sư dữ như hổ mang. Lúc ông ta chết, giới bắt ông ta hoá thân làm con bìm bịp. Ông ta phải tự nhận là bịp, mở miệng ra là "bịp bịp". Giới khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây. Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt. Ít khi chúng ra mặt vào buổi sớm.

Kia kia, con điều hâu bay cao tít, nó có cái mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm : Đâu có xác chết. Đâu có gà con... Khi tiếng nó rú lên, tất cả gà con chui vào cánh mẹ. Tôi đã nhìn tận mắt cuộc ẩu đả dưới gốc với già nhà tôi : Con điều hâu lao như mũi tên xuống, gà mẹ xù cánh vừa kêu vừa mổ, vừa đập điều hâu. Tôi mãi ngẩn nên không cứu được gà. Điều hâu tha được con gà con, lại lao vụt lên mây xanh. Thường thì nó vừa lượn vừa ăn ngay. Lần này nó chưa kịp ăn, những mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu tới tập bay đến. Ấy là những con chèo bẻo. Chúng lao vào đánh con điều hâu túi bụi. Lòng điều hâu bay vung tứ linh, miệng kêu la "chéc, chéc", con mới rời mỏ điều hâu rơi xuống như một quả rụng. Điều hâu biến mất. Con điều hâu được mẹ hú vía, lần sau cụ bảo cũng không dám đến. Nếu có đến lại là con khác !

Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già⁽⁷⁾. Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người : "Chè cheo chét" ... Chúng nó trị kẻ ác. Thù ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm.

Cùng họ với điều hâu là quạ : quạ đen, quạ khoang. Lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng ; nó vào chuồng lợn... Quạ vừa bay lên, chèo bẻo vây tứ phía, đánh. Có con quạ chết đến rũ xương...

Chèo bẻo ơi, chèo bẻo !

Chèo bẻo chỉ sợ mỗi chim cắt. Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. Bao nhiêu con bồ câu của nhà chú Chàng đã bị chim cắt xía chết. Khi đánh nhau, cắt chỉ xía bằng cánh. Chúng là loài quý đen, vụt đến, vụt biến... cho đến nay chưa có loài chim nào trị được nó. Họ nhà chèo bẻo chắc là nhiều phen muốn trị tội cắt. Một cuộc trị tội diễn ra thật ! Hai con chèo bẻo đang bay, một con cắt vụt lao ra. Nó xía cánh huyệt. Lập tức một đàn chèo bẻo hàng chục con xông lên cứu bạn. Cuộc đánh nhau rất dữ. Trẻ con ở dưới reo ầm lên. Cắt hốt hoảng cho nên xía cánh đều trượt. Hàng chục chèo bẻo thi nhau vào mổ. Cắt kiệt sức rồi, quay tròn xuống đồng Xóc như cái diều đứt dây. Chúng tôi ủa chạy ra, con cắt còn ngấp ngoái⁽⁸⁾. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt...

(Duy Khán^(★), *Tuổi thơ im lặng*,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1996)

Chú thích

(★) Duy Khán (1934 – 1993) quê ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. *Tuổi thơ im lặng* (1985) là tập hồi kí tự truyện của tác giả. Thông qua hồi tưởng và kỉ niệm tuổi thơ, tác giả dựng lại những nét chấm phá về cuộc sống ở làng quê thuở trước trong những bức tranh thiên nhiên, sinh hoạt, đồ vật và hình ảnh con người. Cuộc sống ấy tuy nghèo khó, vất vả nhưng giàu sức sống bền bỉ và chứa đựng bản sắc văn hoá độc đáo của làng quê.

Bài *Lao xao* trích từ tác phẩm *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán, tác phẩm được giải thưởng Hội Nhà văn năm 1987.

(1) *Móng rồng* : cây leo, lá dài, hoa màu vàng và thơm, cánh hoa uốn lại như móng con rồng, thường trồng làm cảnh.

(2) *Bồ các* (cũng gọi là *ác là*) : chim cỡ vừa, đuôi dài, lông đen, trên bụng và vai có lông trắng, hay đi kiếm ăn trên đồng ruộng.

(3) *Sáo sậu* : loài sáo đầu trắng, cổ đen, lưng màu nâu xám, bụng trắng, kiếm ăn từng đôi ở các nương bãi.

(4) *Tọ toạ* : mới tập nói còn chưa sôi.

(5) *Tu hú* : ở đây là cây vải (theo cách gọi của một số địa phương) ; sở dĩ gọi như thế vì vải chín vào đầu mùa hè, khi chim tu hú kêu.

(6) *Thống buổi* (tiếng địa phương) : xế, quá nửa buổi.

(7) *Kẻ cắp gặp bà già* (thành ngữ) : kẻ tinh ranh, quỷ quyết lại gặp đối thủ xứng đáng, khôn ngoan, dày dạn kinh nghiệm.

(8) *Ngáp ngóai* (thường viết *ngắc ngoái*) : trạng thái sắp hấp hối, chỉ còn chờ chết.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài văn tả và kể về các loài chim ở làng quê có theo một trình tự nào không, hay hoàn toàn tự do ? Để trả lời câu này, em hãy :

a) Thống kê theo trình tự tên của các loài chim được nói đến.

b) Tìm xem các loài chim có được sắp xếp theo từng nhóm loài gần nhau hay không ?

c) Tìm hiểu cách dẫn dắt lời kể, cách tả, cách xâu chuỗi hình ảnh, chi tiết.

2. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả các loài chim. Cụ thể là :

a) Chúng được miêu tả về những phương diện nào và mỗi loài được miêu tả kĩ điểm gì ? (hình dạng, màu sắc, tiếng kêu hoặc hót, hoạt động và đặc tính).

b) Kết hợp tả và kể như thế nào ? Tìm những dẫn chứng cho thấy các loài chim được tả trong môi trường sinh sống, hoạt động của chúng và trong mối quan hệ giữa các loài.

c) Nhận xét về tài quan sát và tình cảm của tác giả với thiên nhiên, làng quê qua việc miêu tả các loài chim.

3. Trong bài có sử dụng nhiều chất liệu văn hoá dân gian như thành ngữ, đồng dao, truyện cổ tích. Hãy tìm các dẫn chứng.

Cách cảm nhận đậm chất dân gian về các loài chim trong bài tạo nên nét đặc sắc gì và có điều gì chưa xác đáng ?

4. Bài văn đã cho em những hiểu biết gì mới và những tình cảm như thế nào về thiên nhiên, làng quê qua hình ảnh các loài chim ?

Ghi nhớ

Bằng sự quan sát tinh tường, vốn hiểu biết phong phú và tình cảm yêu mến cảnh sắc quê hương, tác giả bài văn đã vẽ nên những bức tranh cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc về thế giới các loài chim ở đồng quê.

LUYỆN TẬP

Em hãy quan sát và miêu tả một loài chim quen thuộc ở quê em.

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau :

a) Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều.

(Vũ Trinh)

b) Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.

(Theo Ngữ văn 6, tập một)

c) Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.

(Nguyễn Tuân)

d) Đế Mèn trên chị Cốc là đại.

2. Vị ngữ của các câu trên do những từ hoặc cụm từ loại nào tạo thành ?

3. Chọn những từ hoặc cụm từ phủ định thích hợp cho sau đây điền vào trước vị ngữ của các câu trên : *không, không phải, chưa, chưa phải*.

Ghi nhớ

Trong câu trần thuật đơn có từ là :

– Vị ngữ thường do từ là kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo thành. Ngoài ra, tổ hợp giữa từ là với động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ), ... cũng có thể làm vị ngữ.

– Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ **không phải, chưa phải**.

II – CÁC KIỂU CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ

Đọc lại các câu vừa phân tích ở phần I và trả lời câu hỏi :

1. Vị ngữ của câu nào trình bày cách hiểu về sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ ?
2. Vị ngữ của câu nào có tác dụng giới thiệu sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ ?
3. Vị ngữ của câu nào miêu tả đặc điểm, trạng thái của sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ ?
4. Vị ngữ của câu nào thể hiện sự đánh giá đối với sự vật, hiện tượng, khái niệm nói ở chủ ngữ ?

Ghi nhớ

Có một số kiểu câu trần thuật đơn có từ là đáng chú ý như sau :

- Câu định nghĩa ;
- Câu giới thiệu ;
- Câu miêu tả ;
- Câu đánh giá.

III – LUYỆN TẬP

1. Tìm câu trần thuật đơn có từ là trong những câu dưới đây :

a) Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

(Ngữ văn 6, tập hai)

b) Người ta gọi chàng là Sơn Tinh.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

c) Tre là cánh tay của người nông dân [...].

Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ.

[...] Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê.

(Thép Mới)

- d) *Bồ các là bác chim ri
Chim ri là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ các.*

(Đồng dao)

d) *Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.*

(Thánh Gióng)

- e) *Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối
Và đại khờ là những lũ người câm
Trên đường đi như những bóng âm thầm
Nhận đau khổ mà gói vào im lặng.*

(Tố Hữu)

2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu trần thuật đơn có từ *là* vừa tìm được. Cho biết các câu ấy thuộc những kiểu nào.

3. Viết một đoạn văn từ năm đến bảy câu tả một người bạn của em, trong đoạn văn có ít nhất một câu trần thuật đơn có từ *là*. Nêu tác dụng của câu trần thuật đơn có từ *là* trong đoạn văn.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

1. Hãy đọc lại bài viết của em và xem kĩ lời phê của thầy, cô giáo để thấy được ưu và nhược điểm của bài viết.

2. Từ bài viết của em, hãy suy nghĩ xem :

a) Bài viết của em tả về ai ? Tả chân dung hay tả người ấy đang làm việc ? Các hình ảnh và chi tiết em lựa chọn đưa vào bài viết có tiêu biểu và làm nổi bật được đặc điểm của người được tả không ?

b) Cách miêu tả của em đã theo một trình tự hợp lí chưa ?

3. Bài viết của em có những liên tưởng, so sánh nào hay ?

4. Các phần của bài viết (*Mở bài, Thân bài, Kết bài*) có đủ không và đã đúng yêu cầu chưa ?

BÀI 28

Kết quả cần đạt

- *Hình thành được những hiểu biết sơ lược về các thể truyện, kí trong loại hình tự sự.*
- *Nắm được nội dung cơ bản và những nét đặc sắc về nghệ thuật của các tác phẩm truyện, kí hiện đại đã học.*
- *Củng cố những hiểu biết về văn miêu tả và văn kể chuyện.*
- *Củng cố và nâng cao kiến thức về các kiểu câu trần thuật đơn đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Nắm vững yêu cầu cơ bản của một bài văn miêu tả (tả cảnh và tả người).*
- *Nhận biết và phân biệt được đoạn văn miêu tả với đoạn văn tự sự (kể chuyện).*

ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÍ

1. Trong các bài từ 18 đến 22 và 25, 26, 27 chúng ta đã học các tác phẩm truyện (hoặc trích đoạn truyện) và kí hiện đại. Em hãy đọc lại các tác phẩm đó rồi làm bảng kê theo mẫu dưới đây :

STT	Tên tác phẩm (hoặc đoạn trích)	Tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung (đại ý)

2. Chép lại tên tác phẩm (hoặc đoạn trích) và thể loại vào bảng theo mẫu dưới đây, đánh dấu x vào vị trí tương ứng ở các cột tiếp theo nếu thấy có yếu tố đó :

Tên tác phẩm (hoặc đoạn trích)	Thể loại	Cốt truyện	Nhân vật	Nhân vật kể chuyện

Nhìn vào bảng thống kê đã làm, em hãy nhận xét : Những yếu tố nào thường có chung ở cả truyện và kí.

3. Những tác phẩm truyện, kí đã học để lại cho em những cảm nhận gì về đất nước, về cuộc sống và con người ?

4. Nhân vật nào em yêu thích nhất và nhớ nhất trong các truyện đã học ? Em hãy phát biểu cảm nghĩ về nhân vật ấy.

Ghi nhớ

- *Truyện có nhiều thể như : truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, tiểu thuyết, ... ; kí bao gồm nhiều thể như : kí sự, bút kí, nhật kí, phóng sự, ... Truyện và kí hiện đại thường viết bằng văn xuôi.*
- *Các thể truyện và phần lớn các thể kí (như bút kí, kí sự, phóng sự) thuộc loại hình tự sự. Tự sự là phương thức tái hiện đời sống chủ yếu bằng kể và tả. Tác phẩm tự sự là câu chuyện về người hoặc sự việc nào đó được kể lại, miêu tả lại qua lời của người kể chuyện. Các yếu tố cốt truyện, nhân vật, lời kể thường không thể thiếu được trong tác phẩm truyện.*

CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ LÀ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ LÀ

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu sau :

a) *Phú ông mừng lắm.*

(Sọ Dừa)

b) Chúng tôi tụ hội ở góc sân.

(Duy Khán)

2. Vị ngữ của các câu trên do những từ hoặc cụm từ loại nào tạo thành ?

3. Chọn những từ hoặc cụm từ phủ định thích hợp cho sau đây điền vào trước vị ngữ của các câu trên : *không, không phải, chưa, chưa phải.*

Ghi nhớ

Trong câu trần thuật đơn không có từ là :

- Vị ngữ thường do động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành.
- Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các từ **không, chưa.**

II – CÂU MIÊU TẢ VÀ CÂU TỒN TẠI

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau :

- a) *Đằng cuối bãi, hai cậu bé con tiến lại.*
- b) *Đằng cuối bãi, tiến lại hai cậu bé con.*

2. Chọn trong hai câu đã dẫn một câu thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn dưới đây. Giải thích vì sao em chọn câu này mà không chọn câu khác.

Ấy là vào đầu mùa hè một năm kia. Buổi sáng, tôi đang đứng ngoài cửa găm mấy nhánh cỏ non ăn điểm tâm. Bỗng (...) tay cầm que, tay xách cái ống bơ nước. Thấy bóng người, tôi vội lẩn xuống cỏ, chui nhanh về hang.

(Theo Tô Hoài)

Ghi nhớ

- Những câu dùng để miêu tả hành động, trạng thái, đặc điểm, ... của sự vật nêu ở chủ ngữ được gọi là **câu miêu tả**. Trong câu miêu tả, chủ ngữ đứng trước vị ngữ.
- Những câu dùng để thông báo về sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật được gọi là **câu tồn tại**. Một trong những cách tạo câu tồn tại là đảo chủ ngữ xuống sau vị ngữ.

III – LUYỆN TẬP

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau. Cho biết những câu nào là câu miêu tả và những câu nào là câu tồn tại.

a) *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời.*

(Thép Mới)

b) *Bên hàng xóm tôi có cái hang của Đé Choắt. Đé Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế.*

(Tô Hoài)

c) *Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất luỹ mà trồi dậy.*

(Ngô Văn Phú)

2. Viết một đoạn văn từ năm đến bảy câu tả cảnh trường em, trong đó có sử dụng ít nhất là một câu tồn tại.

3. Chính tả (nghe – viết): *Cây tre Việt Nam* (từ *Nước Việt Nam xanh đến chỉ khí như người*).

ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ

1. Đây là một đoạn văn tả cảnh mặt trời lên trên biển rất hay và độc đáo. Theo em, điều gì đã tạo nên cái hay và độc đáo cho đoạn văn ?

Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông.

(Nguyễn Tuân)

2. Nếu tả quang cảnh một đầm sen đang mùa hoa nở, em sẽ lập dàn ý cho bài văn ấy như thế nào ?

Gợi ý :

Mở bài : Nêu như thế nào ? *Thân bài* : Tả cụ thể những hình ảnh và chi tiết tiêu biểu, nổi bật gì ? Em định tả theo thứ tự như thế nào ? *Kết bài* : Đảm sen gợi cho em những suy nghĩ và cảm xúc gì ?

3. Nếu miêu tả một em bé ngây thơ, bụ bẫm đang tập đi, tập nói thì em sẽ lựa chọn những hình ảnh và chi tiết tiêu biểu, đặc sắc nào ? Em sẽ miêu tả theo thứ tự nào ?

4. Đọc lại *Bài học đường đời đầu tiên* của Tô Hoài và *Buổi học cuối cùng* của A. Đơ-đê, sau đó hãy tìm ở mỗi bài một đoạn văn miêu tả và một đoạn văn tự sự. Căn cứ vào đâu mà em nhận ra điều đó ? Chỉ ra một vài liên tưởng, ví von, so sánh mà em cho là độc đáo và thú vị của hai tác giả trong hai bài văn trên.

Ghi nhớ

Dù tả cảnh hay tả người thì cũng phải lựa chọn được các chi tiết và hình ảnh đặc sắc, tiêu biểu, sau đó trình bày theo một thứ tự nhất định. Muốn tả sinh động cần phải biết liên tưởng, tưởng tượng và ví von, so sánh.

ĐỌC THÊM

a) *Trời trong biếc không qua mây gợn trắng
Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa
Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.*

(Anh Thơ)

b) "Mở sách tìm một ngày đại an trong tháng, ông tôi gọi mẹ tôi và thím tôi đến, phát lệnh chuẩn bị tắm. Hai bà chạy riu cả chân vì mừng rỡ, người nào việc nấy, riêng tôi, trong khi chờ đợi thì chơi đùa quanh quán ngoài sân với mấy đứa em. Gần trưa ông tôi tự đứng dậy đi men ra ngoài ngồi vào một cái chõng tre đặt bên mấy thau nước. Mẹ tôi cầm gáo từ từ dội, cũng có thể nói là tắm nước lên khắp bờ vai và lưng ông, tấm lưng đóng vảy bóng như phủ bằng sáp, cũng không biết nên hiểu đây là do tuổi già hay do ông lười tắm. Vốn là một người ngại cả trời nóng, ngại cả trời rét, ông ít đi ra khỏi nhà, càng ít động đến nước và lửa.

Nước trôi tuột tuột từng gáo, từng gáo, cái vỏ mướp được kì thật mạnh vậy mà vẫn trượt đi, mấy lần tôi ngã dúi dụi, tấm lưng nhẵn như da rắn không thấm nước làm tôi hoang mang vì thấy mình bất lực, còn ông tôi thì cười khò khè."

(Đỗ Chu)

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7 – VĂN MIÊU TẢ SÁNG TẠO (làm tại lớp)

Có thể tham khảo các đề sau đây :

Đề 1 : Em hãy tả quang cảnh một phiên chợ theo tưởng tượng của em.

Đề 2 : Từ bài văn *Lao xao* của Duy Khán, em hãy tả lại khu vườn trong một buổi sáng đẹp trời.

Đề 3 : Em đã từng gặp ông Tiên trong những truyện cổ dân gian, hãy miêu tả lại hình ảnh ông Tiên theo trí tưởng tượng của mình.

Đề 4 : Hãy tả một nhân vật có hành động và ngoại hình khác thường mà em đã có dịp quan sát, đã đọc trong sách hoặc nghe kể lại.

BÀI 29

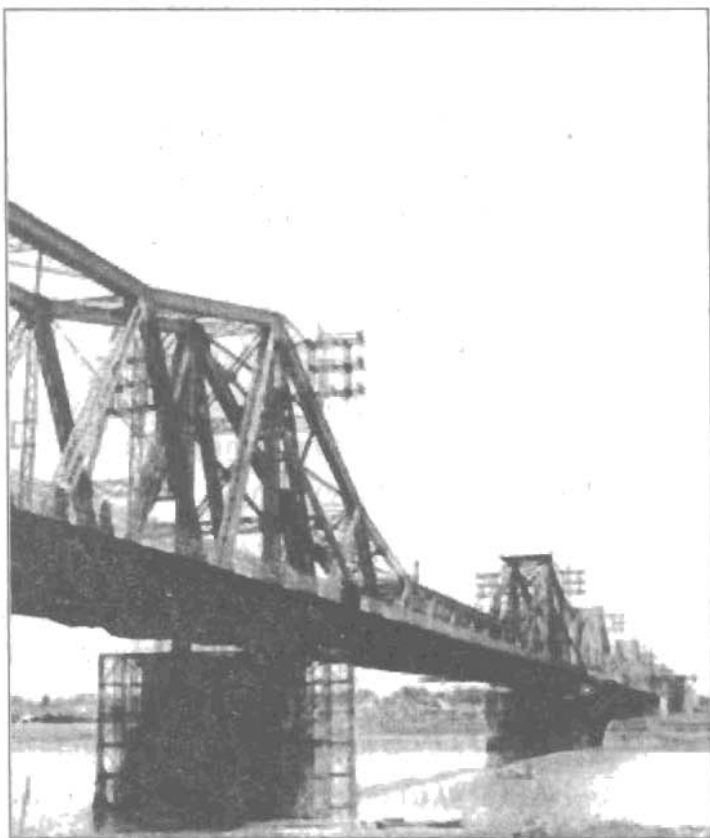
Kết quả cần đạt

- Bước đầu nắm được khái niệm **văn bản nhật dụng** và ý nghĩa của việc học tập loại văn bản đó.
- Hiểu được ý nghĩa làm "chứng nhân lịch sử" của câu Long Biên qua một bài bút kí có nhiều yếu tố hồi kí, từ đó nâng cao, làm phong phú thêm tâm hồn, tình cảm đối với quê hương đất nước, đối với các di tích lịch sử.
- Nhận ra và biết cách khắc phục các lỗi đặt câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ.
- Biết viết đơn đúng quy cách (theo mẫu hoặc không theo mẫu).

CẦU LONG BIÊN – CHỨNG NHÂN⁽¹⁾ LỊCH SỬ^(★)

Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng, Hà Nội, được khởi công⁽²⁾ xây dựng vào năm 1898 và hoàn thành sau bốn năm, do kiến trúc sư nổi tiếng người Pháp Épphen⁽³⁾ thiết kế⁽⁴⁾. Một thế kỉ qua, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng⁽⁵⁾. Giờ đây bắc ngang sông Hồng đã có thêm cầu Thăng Long, cầu Chương Dương hiện đại hơn, cầu Long Biên trong thời bình đã rút về vị trí khiêm nhường⁽⁶⁾, nhưng nó đã trở thành chứng nhân lịch sử. Cầu Long Biên như một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội.

[...] Cầu Long Biên khi mới khánh thành, mang tên Toàn quyền⁽⁷⁾ Pháp ở Đông Dương lúc bấy giờ là Đu-me và người dân thường gọi là cầu Đu-me... Chiều dài của cầu là 2290m (kể cả phần cầu dẫn với chín nhịp dài và mười nhịp ngắn). Nhìn từ xa, cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng, nhưng thực ra "dải lụa" ấy nặng tới 17 nghìn tấn ! Cầu Long Biên là một trong những kết quả của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất⁽⁸⁾ của thực dân Pháp ở Việt Nam. Xét về mặt kĩ thuật thì cầu Long Biên được coi là một thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt. Nó được xây dựng không chỉ



bằng mồ hôi mà còn bằng xương máu của bao con người. Người ta còn ghi lại những cảnh ăn ở khổ cực của dân phu Việt Nam với những cảnh đối xử tàn nhẫn của các ông chủ người Pháp đã khiến cho hàng nghìn người Việt Nam bị chết trong quá trình làm cầu.

Năm 1945, cầu được đổi tên thành cầu Long Biên.

Cầu Long Biên có một tuyến đường sắt chạy giữa. Hai bên là đường ô tô và hành lang⁽⁹⁾ ngoài cùng là tuyến dành cho người đi bộ. Nhưng kích thước ấy chỉ hợp với thời kì mà phương tiện đi lại còn ít, chủ yếu là các loại xe thô sơ. Những năm tháng hoà bình trước đây, cầu Long Biên từng được đưa vào sách giáo khoa. Tôi vẫn nhớ như in hình ảnh chiếc cầu được vẽ trang trọng giữa trang sách với bài thơ đã được bao thế hệ học thuộc lòng. Dù chưa đến lớp nhưng nghe các anh, các chị đọc, những câu thơ ấy đã nằm sâu trong trí óc tôi :

*Hà Nội có cầu Long Biên
Vừa dài vừa rộng bắc trên sông Hồng
Tàu xe đi lại thông dong
Người người tấp nập gánh gồng ngược xuôi...*

Mỗi lần có dịp đứng trên cầu Long Biên, tôi lại say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối phía Gia Lâm không bao giờ chán mắt. Cái màu xanh cần lao ấy gợi bao yêu thương và yên tĩnh trong tâm hồn. Khi chiều xuống, nhìn về phía Hà Nội, thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gợi lên bao quyến rũ và khát khao. Nhìn xuống dưới chân cầu, tôi nhớ những ngày đầu năm 1947, cái ngày người dân thủ đô cùng Trung đoàn yêu dấu của mình ra đi bí mật... Những ngày ấy đã được nhà thơ Chính Hữu và nhạc sĩ tài hoa Lương Ngọc Trác ghi lại thành công trong ca khúc *Ngày về* với những lời bi thương và hùng tráng :

*Nhớ đêm ra đi đất trời bốc lửa
Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng
Nhưng chàng trai chưa trắng nợ anh hùng
Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm
Rách tả rời đôi giày vạn dặm
Bụi trường chinh⁽¹⁰⁾ phai bạc áo hào hoa⁽¹¹⁾...*

Và cứ mỗi lần ngẩng lên nhìn bầu trời Hà Nội trong xanh, lòng tôi lại nhớ những năm tháng chống đế quốc Mỹ oanh liệt và oai hùng. Chiếc cầu thân thương ngày ấy trở thành mục tiêu ném bom dữ dội nhất của không lực⁽¹²⁾ Hoa Kỳ. Trong đợt đánh phá miền Bắc lần thứ nhất, cầu bị đánh mười lần, hỏng bảy nhịp và bốn trụ lớn. Đợt thứ hai, cầu bị bắn phá bốn lần với 1000m bị hỏng và hai trụ lớn bị cắt đứt. Những ngày ấy từ phía Cầu Đất⁽¹³⁾ nhìn lên, tôi thấy chiếc cầu rách nát giữa trời. Những nhịp cầu tả tơi như ứa máu nhưng cả cây cầu vẫn sừng sững⁽¹⁴⁾ giữa mệnh mông trời nước. Chúng ta hàn. Bom Mỹ lại cắt đứt. Lần cuối cùng vào năm 1972, chiếc cầu bị không quân Mỹ ném bom la-de⁽¹⁵⁾. Tôi chạy lên cầu ngay khi tiếng bom vừa dứt. Những cảnh vệ⁽¹⁶⁾ đầu cầu đã ngăn không cho tôi lên. Nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột.

Rồi những ngày nước lên cao, gần mấp mé thân cầu. Đứng trên cầu, nhìn dòng sông Hồng đỏ rực nước cuốn cuộn chảy với sức mạnh không gì ngăn nổi, nhấn chìm bao màu xanh thân thương, bao làng mạc trù phú⁽¹⁷⁾ đôi bờ, tôi cảm thấy chiếc cầu như chiếc vòng đung đưa, nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc.

Bây giờ cầu Long Biên đã rút về vị trí khiêm nhường. Ngang sông Hồng đã có cầu Thăng Long, cầu Chương Dương sừng sững. Rồi sẽ còn có những chiếc cầu khác hiện đại hơn nữa vượt sông Hồng. Nhưng tôi vẫn thường đưa những đoàn khách du lịch nước ngoài đến thăm cầu Long Biên. Họ trầm ngâm⁽¹⁸⁾ nện từng bước chân xuống mặt cầu. Họ đứng ở nhiều góc độ, ghi lại hình ảnh chiếc cầu lịch sử. Còn tôi, cố gắng truyền tình yêu cây cầu của mình vào trái tim họ, đặt bắc một nhịp cầu vô hình nơi du khách để du khách ngày càng xích lại gần với đất nước Việt Nam.

(Theo Thuý Lan, báo *Người Hà Nội*)

Chú thích

(★) *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử* cùng với bài *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* và bài *Động Phong Nha* được coi là những "văn bản nhật dụng". "Văn bản nhật dụng" không phải là một khái niệm chỉ *thể loại*, hoặc chỉ *kiểu văn bản*. Nói đến "văn bản nhật dụng" trước hết là nói đến *tính chất của nội dung* văn bản. Đó là những bài viết có nội dung *gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống* trước mắt của

con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như : *thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy, ...* Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản.

Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử là một bài bút kí mang nhiều yếu tố hồi kí. Bút kí là một loại kí ghi lại những sự việc, cảnh vật mà nhà văn đã mắt thấy tai nghe cùng những cảm nghĩ của mình, được trình bày không chặt chẽ về mặt cốt truyện như trong kí sự nhưng cũng không phóng túng như trong tuỳ bút.

(1) *Chúng nhân* (hay *nhân chúng*) : người làm chứng, người chứng kiến (*chúng* : bằng cứ, bằng chứng).

(2) *Khởi công* : bắt đầu xây dựng công trình (*khởi* : bắt đầu).

(3) *Ép-phen* : kĩ sư người Pháp, người đã xây dựng tháp Ép-phen nổi tiếng ở thủ đô Pa-ri, nước Pháp. Theo một tài liệu đáng tin cậy mới công bố gần đây thì Ép-phen không phải là người đã thiết kế cầu Long Biên mà là hai kĩ sư người Pháp khác.

(4) *Thiết kế* : xây dựng đồ án, làm bản vẽ kèm theo các tính toán cần thiết để dựa vào đó mà xây dựng.

(5) *Bi tráng* : vừa buồn bã vừa hùng tráng.

(6) *Khiêm nhường* : khiêm tốn, biết nhường nhịn trong ứng xử ; ở đây chỉ vị trí của cầu Long Biên không còn như trước mà đã kém xa các cầu bắc qua sông Hồng vừa được xây dựng về nhiều mặt.

(7) *Toàn quyền* : chức quan đứng đầu bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương trước đây.

(8) *Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất* : chỉ giai đoạn từ năm 1897 đến năm 1914 (lần thứ hai từ năm 1919 đến năm 1930).

(9) *Hành lang* : lối đi ; ở đây là tuyến đường.

(10) *Trường chinh* : cuộc chiến đấu lâu dài ; ở đây chỉ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1946 đến 1954.

(11) *Hào hoa* : sang trọng, lịch sự, rộng rãi ; ở đây chỉ tính cách của những chàng trai Hà Nội.

(12) *Không lực* : lực lượng không quân (*không* : bầu trời, trên không ; *lực* : sức, lực lượng).

(13) *Cầu Đất* : tên một xóm, nay là một phố thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, cách cầu Long Biên không xa về phía hạ lưu.

(14) *Sừng sững* : cao, to, dựng đứng như che hết tầm mắt.

(15) *La-de* (laser – từ mượn) : một loại ánh sáng đặc biệt ; *bom la-de* : bom được điều khiển bằng loại ánh sáng đó.

(16) *Cảnh vệ* : người thuộc lực lượng vũ trang, chuyên làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ.

(17) *Trù phú* : đông người ở và giàu có.

(18) *Trầm ngâm* : chỉ dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì đó.

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Bài văn có thể chia làm mấy đoạn ? Nêu nội dung, ý nghĩa của mỗi đoạn.

2. Em biết được những điều gì về cầu Long Biên qua đoạn văn từ *Cầu Long Biên khi mới khánh thành đến bị chết trong quá trình làm cầu* ? So sánh với tư liệu được cung cấp qua hai đoạn *Đọc thêm* (dưới đây) về cầu Thăng Long và Chương Dương, em có thể nhận xét gì thêm về quy mô và tính chất của cầu Long Biên ?

3. Đọc đoạn văn từ *Năm 1945 đến nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc*.

a) Hãy nêu lên những cảnh vật và sự việc đã được ghi lại. Cảnh vật và sự việc đó đã cho ta biết những điều gì về lịch sử ?

b) Việc trích dẫn một bài thơ và lời một bản nhạc trong đoạn văn đã có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật ý nghĩa "chứng nhân" của cầu Long Biên ?

c) So sánh cách kể của đoạn này với đoạn đã phân tích ở câu 2. Vì sao ở đây tình cảm của tác giả bộc lộ rõ ràng và tha thiết hơn ở đoạn trên ?

(Gợi ý : so sánh về ngôi kể, về phương thức biểu đạt, về cách sử dụng từ ngữ, ...).

4. Đọc đoạn đầu và đoạn cuối của bài văn.

a) Vì sao tác giả lại đặt tên cho bài văn là *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử* ? Có thể thay từ *chứng nhân* bằng *chứng tích* (dấu tích, hiện vật có giá trị làm

chứng cho sự việc đã qua) được không ? Hãy tóm tắt những sự kiện lịch sử mà cầu Long Biên đã chứng kiến và nêu lên ý nghĩa của các tính từ : *sống động, đau thương, anh dũng*.

b) Hãy so sánh giá trị nghệ thuật của câu cuối bài văn và câu rút gọn sau đây :
Còn tôi, tôi cố gắng truyền tình yêu cây cầu của mình vào trái tim họ, để du khách ngày càng xích lại gần với đất nước Việt Nam.

– Vì sao nhịp cầu bằng thép của cầu Long Biên lại có thể trở thành nhịp cầu vô hình nối những con tim ?

Ghi nhớ

- Hơn một thế kỉ qua, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng của Hà Nội. Hiện nay, tuy đã rút về vị trí khiêm nhường nhưng cầu Long Biên vẫn mãi mãi trở thành một chứng nhân lịch sử, không chỉ riêng của Hà Nội mà của cả nước.
- Phép nhân hoá được dùng để gọi cầu Long Biên cùng lối viết giàu cảm xúc bắt nguồn từ những hiểu biết và kỉ niệm về cầu đã tạo nên sức hấp dẫn của bài văn.

LUYỆN TẬP

Tìm hiểu ở địa phương em (phạm vi có thể là xã, huyện, tỉnh) những di tích nào có thể gọi là *chứng nhân lịch sử* của địa phương.

ĐỌC THÊM

• **Cầu Thăng Long** : cầu vượt sông Hồng, cách cầu Long Biên 11 km về thượng lưu. Cầu Thăng Long có hai tầng. Tầng dưới ở giữa là hai tuyến đường sắt (thiết kế theo khổ 1435mm), hai bên là đường xe thô sơ 3,5m (có thể chạy ô tô 10 tấn). Tầng trên là đường ô tô rộng 15m, hai bên là đường dành cho người đi bộ rộng 1,5m. Chiều dài toàn bộ tính theo đường sắt (tầng dưới) là 5503m, tính theo đường ô tô (tầng trên) là 3115m, tính theo đường xe thô sơ là 2658m. Cầu khởi công xây dựng năm 1974, hoàn thành cuối năm 1985.

• *Cầu Chương Dương* : cầu đường bộ vượt sông Hồng tại Hà Nội, cách cầu Long Biên 800m về phía hạ lưu. Chiều dài toàn cầu 1210,96m, gồm 11 nhịp, dầm thép và các nhịp trên bãi ven sông đều là dầm liên hợp thép – bê tông cốt thép. Cầu khởi công đầu năm 1983, hoàn thành ngày 30 - 6 - 1985. Cầu hoàn toàn do kỹ sư và công nhân Việt Nam thiết kế và thi công.

(Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập I)

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

I – CÂU THIẾU CHỦ NGỮ

1. Tìm chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu sau :

- a) Qua truyện "Đế Mèn phiêu lưu kí" cho thấy Đế Mèn biết phục thiện.
- b) Qua truyện "Đế Mèn phiêu lưu kí", em thấy Đế Mèn biết phục thiện.

2. Chữa lại câu viết sai cho đúng.

II – CÂU THIẾU VỊ NGỮ

1. Tìm chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu dưới đây :

- a) Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.
- b) Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.
- c) Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.
- d) Bạn Lan là người học giỏi nhất lớp 6A.

2. Chữa lại câu viết sai cho đúng.

III – LUYỆN TẬP

1. Hãy đặt câu hỏi để kiểm tra xem những câu dưới đây có thiếu chủ ngữ hoặc vị ngữ không.

- a) Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa.

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

b) Lát sau, hổ để được.

(Vũ Trinh)

c) Hơn mười năm sau, bác tiểu già rồi chết.

(Vũ Trinh)

2. Trong số những câu dưới đây, câu nào viết sai ? Vì sao ?

a) Kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở đã động viên em rất nhiều.

b) Với kết quả của năm học đầu tiên ở trường Trung học cơ sở đã động viên em rất nhiều.

c) Những câu chuyện dân gian mà chúng tôi thích nghe kể.

d) Chúng tôi thích nghe kể những câu chuyện dân gian.

3. Điền những chủ ngữ thích hợp vào chỗ trống :

a) ... bắt đầu học hát.

b) ... hót líu lo.

c) ... đua nhau nở rộ.

d) ... cười đùa vui vẻ.

4. Điền những vị ngữ thích hợp vào chỗ trống :

a) Khi học lớp 5, Hải ...

b) Lúc Đế Choắt chết, Đế Mèn ...

c) Buổi sáng, mặt trời ...

d) Trong thời gian nghỉ hè, chúng tôi ...

5. Hãy chuyển mỗi câu ghép dưới đây thành hai câu đơn :

a) Hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con, còn hổ cái thì nằm phục xuống, đáng mỏi mệt lắm.

(Vũ Trinh)

b) Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông.

(Tô Hoài)

c) *Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.*

(Đoàn Giỏi)

VIẾT ĐƠN

I – KHI NÀO CẦN VIẾT ĐƠN ?

1. Từ những ví dụ cụ thể sau đây, em hãy rút ra nhận xét khái quát khi nào thì cần viết đơn, hoặc vì sao cần viết đơn ?

Ví dụ 1 : Khi em có nguyện vọng gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, em viết đơn gửi Ban Chấp hành Đoàn trường.

Ví dụ 2 : Chẳng may bị ốm, không đến lớp được, em viết đơn gửi cô giáo chủ nhiệm xin phép nghỉ học.

Ví dụ 3 : Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, em viết đơn gửi Ban Giám hiệu nhà trường xin được miễn giảm học phí.

Ví dụ 4 : Do sơ suất, em bị mất giấy chứng nhận tốt nghiệp Tiểu học. Em viết đơn xin cấp lại.

2. Trong những trường hợp sau, trường hợp nào phải viết đơn, viết gửi ai ?

– Chiều nay các bạn đến học nhóm tại nhà em, do sơ suất, kẻ gian đã lấy mất chiếc xe đạp của em.

– Trong trường mới mở một lớp học nhạc và họa, em rất muốn theo học.

– Trong giờ học toán, em đã gây mất trật tự làm thầy giáo không hài lòng.

– Gia đình chuyển chỗ ở, em muốn được học tiếp lớp 6 ở chỗ mới đến.

II – CÁC LOẠI ĐƠN VÀ NHỮNG NỘI DUNG KHÔNG THỂ THIẾU TRONG ĐƠN

1. Căn cứ vào hình thức và nội dung trình bày trong đơn, người ta chia ra hai loại đơn :

a) Đơn theo mẫu (thường là in sẵn)

b) Đơn không theo mẫu

Ví dụ : **Đơn theo mẫu**

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN XIN HỌC NGHỀ

Kính gửi :

Họ và tên :

Năm sinh :

Nơi sinh :

Nơi ở hiện nay :

Dân tộc :

Trình độ văn hoá :

Trình độ ngoại ngữ :

Nguyên vọng :

.....

Lời cam đoan :

Xác nhận của nhà trường
hoặc địa phương nơi cư trú

Người viết đơn
(kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ : **Đơn không theo mẫu**

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN XIN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

Kính gửi : Thầy Hiệu trưởng Trường THCS Kim Đồng...

Thưa thầy !

Em tên là Nguyễn Văn A, 12 tuổi, học sinh lớp 6B Trường THCS Kim Đồng, huyện P, tỉnh Thanh Hoá, xin được trình bày với thầy một việc như sau :

Vừa qua cơn bão số 7, tiếp theo là trận lũ quét đã gây nhiều tác hại cho toàn huyện. Bão và lũ đã làm hỏng nhà cửa và đồ dùng sinh hoạt, gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của gia đình em. Sau cơn lũ, bố mẹ em lại bị ốm, kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn.

Vì vậy, em viết đơn xin nhà trường cho em được miễn học phí trong năm học này.

Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật, nếu có gì sai em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Em chân thành cảm ơn thầy.

Học sinh

(kí tên)

Nguyễn Văn A

2. Hãy đọc hai mẫu đơn ở trên và cho biết các mục trong đơn được trình bày theo thứ tự như thế nào. Theo em, cả hai mẫu đơn có những điểm gì giống và khác nhau ? Những phần nào là quan trọng, không thể thiếu trong cả hai mẫu đơn ? (Muốn xác định được, cần trả lời các câu hỏi : Ai gửi đơn ? Gửi cho ai ? Vì sao gửi đơn ? Gửi để làm gì ?)

III – CÁCH THỨC VIẾT ĐƠN

1. Viết theo mẫu

Người viết chỉ cần điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết. Chú ý đọc kĩ để trả lời cho đúng yêu cầu của từng mục trong đơn.

2. Viết không theo mẫu

Viết không theo mẫu vẫn phải trình bày theo một thứ tự nhất định. Người ta thường viết đơn theo các mục sau đây :

- Quốc hiệu, tiêu ngữ : Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
- Địa điểm làm đơn và ngày ... tháng ... năm ...
- Tên đơn : Đơn xin...
- Nơi gửi : Kính gửi : ...
- Họ tên, nơi công tác hoặc nơi ở của người viết đơn.
- Trình bày sự việc, lí do và nguyện vọng (đề nghị).
- Cam đoan và cảm ơn.
- Kí tên.

Ghi nhớ

- Đơn được viết ra giấy (theo mẫu hoặc không theo mẫu) để đề đạt một nguyện vọng với một người hay một cơ quan, tổ chức có quyền hạn giải quyết nguyện vọng đó.
- Phải trình bày trang trọng, ngắn gọn và sáng sủa theo một số mục nhất định. Những nội dung bắt buộc trong đơn là : Đơn gửi ai ? Ai gửi đơn ? Gửi để đề đạt nguyện vọng gì ?

Một số lưu ý :

- Đơn từ không theo mẫu thường phải viết bằng tay, không nên dùng bản in.
- Tên đơn bao giờ cũng viết hoặc in bằng khổ chữ to.
- Khi viết đơn cần chú ý trình bày cho sáng sủa, cân đối : các phần quốc hiệu – tiêu ngữ, tên đơn, kính gửi, nội dung đơn, mỗi phần cách nhau 2 – 3 dòng, không viết sát lề giấy, không để phần trên hoặc phần dưới trang giấy khoảng trống quá lớn.

– Tên người (hoặc cơ quan, tổ chức) nhận đơn, tên người viết đơn, mục đích, lí do và nguyện vọng là phần quan trọng nhất của đơn ; cần trình bày sự việc một cách rõ ràng, thành thực, lí do và nguyện vọng phải chính đáng.

– Đơn theo mẫu hay không theo mẫu đều có chung một số mục ở phần mở đầu và phần kết thúc đơn.

BÀI 30

Kết quả cần đạt

- *Thấy được Bức thư của thủ lĩnh da đỏ đã đặt ra được một vấn đề bức xúc, có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống hiện nay là bảo vệ môi trường ; thấy được tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật đã tạo nên sự hấp dẫn mạnh mẽ của bức thư ấy.*
- *Nhận ra và biết cách khắc phục các lỗi đặt câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ và không phản ánh đúng mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận câu.*
- *Biết nhận ra các lỗi và cách sửa chữa lỗi khi viết đơn.*

VĂN BẢN

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH⁽¹⁾ DA ĐỎ^(★)

[...] Đối với đồng bào tôi, mỗi tác đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức⁽²⁾ và kinh nghiệm của đồng bào tôi. Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang trong đó kí ức của người da đỏ⁽³⁾.

Khi người da trắng⁽⁴⁾ chết đi, họ thường dạo chơi giữa các vì sao⁽⁵⁾ và quên đi đất nước họ sinh ra. Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất

tươi đẹp này. Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những móm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình.

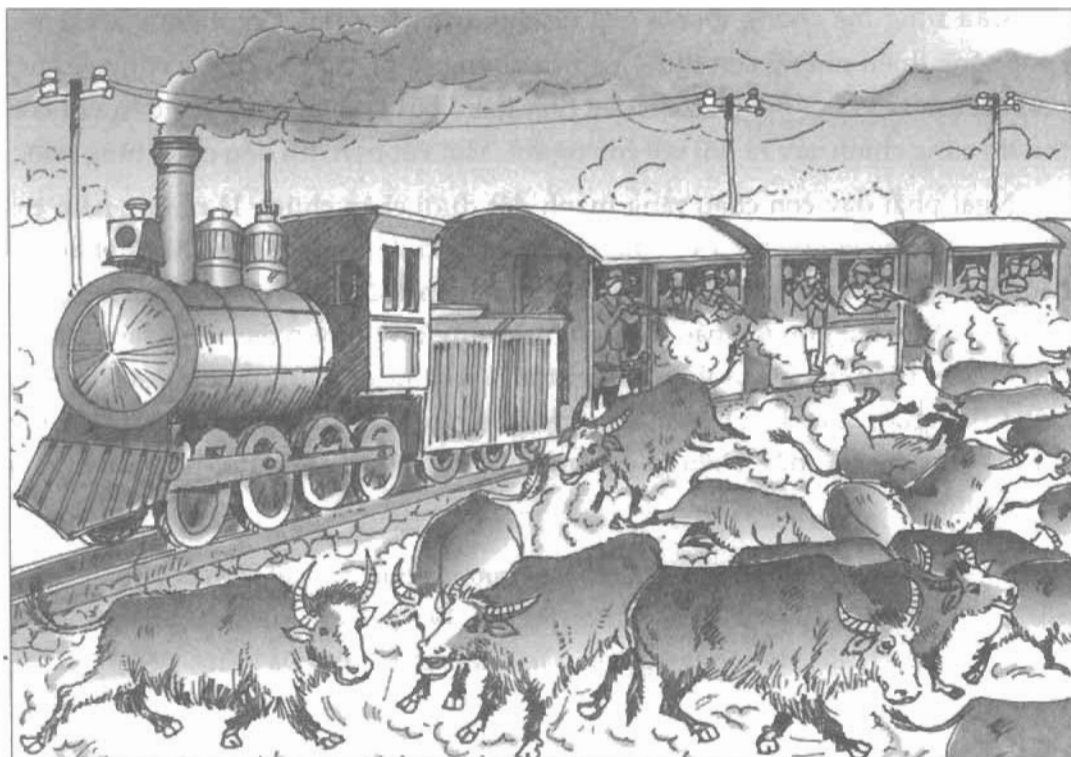
[...] Dòng nước óng ánh, êm ả trôi dưới những dòng sông, con suối đầu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi. Nếu chúng tôi bán mảnh đất này cho Ngài, Ngài phải nhớ rằng, Ngài phải dạy bảo con cháu rằng, mảnh đất này là thiêng liêng và những tia sáng chói chang phản chiếu từ mặt hồ trong vắt sẽ nói lên cái gì đó về kí ức của người da đỏ. Tiếng thì thầm của dòng nước chính là tiếng nói của cha ông chúng tôi.

[...] Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi. Đối với họ, mảnh đất này cũng như mảnh đất khác, bởi lẽ họ là kẻ xa lạ, và trong đêm tối, họ lầy đi từ lòng đất những gì họ cần. Mảnh đất này đâu phải là những người anh em của họ, mảnh đất này là kẻ thù của họ và khi đã chinh phục⁽⁶⁾ được, thì họ sẽ lấn tới. Mồ mả tổ tiên của họ, họ còn quên và họ cũng chẳng cần tới dòng tộc của họ. Họ cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được, rồi bán đi như những con cừu và những hạt kim cương sáng ngời. Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai, rồi để lại đằng sau những bãi hoang mạc⁽⁷⁾.

Tôi biết, cách sống của chúng tôi khác với cách sống của Ngài. Cảnh đẹp nơi thành phố của Ngài làm nhức nhối con mắt người da đỏ. Có lẽ, người da đỏ hoang dã⁽⁸⁾ và tăm tối chẳng ?

Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào yên tĩnh cả, chẳng có nơi nào là nghe được tiếng lá cây lay động vào mùa xuân hay tiếng vỗ cánh của côn trùng. Nếu có nghe thấy thì đó cũng chỉ là những tiếng ồn ào lảng mạn⁽⁹⁾ trong tai. Và cái gì sẽ xảy ra đối với cuộc sống, nếu con người không nghe được âm thanh lẻ loi của chú chim đớp mồi hay tiếng tranh cãi của những chú ếch ban đêm bên hồ ? Tôi là người da đỏ, tôi thật không hiểu nổi điều đó. Người Anh-diêng chúng tôi ưa những âm thanh êm ái của những cơn gió thoảng qua trên mặt hồ, được nước mưa gội rửa và thấm đượm hương thơm của phấn thông.

Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như người da trắng chẳng để



ý gì đến nó. Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí đối với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho. Ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ. Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ.

Như vậy, chúng tôi mới cân nhắc những ý muốn mua mảnh đất này của Ngài. Nếu có quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện – đó là, người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em.

Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng⁽¹⁰⁾ bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói⁽¹¹⁾ lại quan trọng hơn nhiều

con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú ? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

Ngài phải dạy con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình : Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của Đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình...

(Theo tài liệu *Quản lí môi trường phục vụ phát triển bền vững*
[Dự án VIETPRO – 2020, Hà Nội, 1995], có đối chiếu và chỉnh lại
theo bản in trong cuốn *Chào năm 2000*, NXB Đà Nẵng, 1999)

Chú thích

(★) Năm 1854, Tổng thống thứ 14 của nước Mỹ là Phreng-kin Pi-ơ-xơ tỏ ý muốn mua đất của người da đỏ. Thủ lĩnh Xi-át-tơn đã gửi bức thư này trả lời. Đây là một bức thư rất nổi tiếng, từng được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường. Văn bản trên đây có lược bớt một số câu khó hiểu đối với học sinh THCS.

(1) *Thủ lĩnh* : người đứng đầu lãnh đạo một tập đoàn người, một tổ chức, một đảng phái, ... ; ở đây chỉ thủ lĩnh Xi-át-tơn.

(2) *Kí ức* : trí nhớ, hình ảnh, sự việc được giữ lại trong tâm trí. Trong bức thư, chữ trên lần lượt được dùng với cả hai nghĩa (*kí* : ghi, nhớ ; *ức* : nhớ).

(3) *Người da đỏ* : ở đây chỉ dân cư sống lâu đời trên lục địa châu Mỹ thuộc chủng tộc Anh-diêng. Cuối thế kỉ XVIII, trên lãnh thổ Mỹ có chừng 2,5 triệu người. Trải qua mấy trăm năm bị tàn sát và bị dồn vào những nơi hoang vắng, cần cỗi, nay người da đỏ còn lại không nhiều.

(4) *Người da trắng* : ở đây chỉ người châu Âu lúc mới sang xâm chiếm, khai khẩn đất đai ở châu Mỹ.

(5) Ý nói dạo chơi nơi *Thiên đường*, nơi an nghỉ của những linh hồn siêu thoát theo quan niệm của đa số "người da trắng" đương thời.

(6) *Chinh phục* : dùng sức mạnh để bắt phải phục tùng ; ở đây có nghĩa là xâm chiếm, tước đoạt.

(7) *Hoang mạc* : vùng đất không có cây cối, hoặc cây cối cằn cỗi, có khí hậu rất khô, nhiệt độ rất cao suốt mùa hè hoặc cả năm.

(8) *Hoang dã* : nơi đất đai hoang, ít người qua lại ; có tính chất tự nhiên, kém văn minh. Trong bức thư, từ *hoang dã* được dùng với nghĩa thứ hai, bề ngoài vẻ khiêm nhường song hàm ý châm biếm sâu sắc.

(9) *Lặng mạp* : chửi mắng, nói năng làm xúc phạm đến người khác.

(10) *Trâu rừng* : một loại động vật hoang dã có kích cỡ rất lớn (cao khoảng 1,8m ; trọng lượng khoảng 900kg), vốn tồn tại rất nhiều ở lục địa châu Mỹ. Chỉ riêng trên lãnh thổ nước Mỹ, đầu thế kỉ XIX có đến khoảng 60 triệu con. Nay người ta chỉ có thể thấy một số ít trong công viên quốc gia Đá Vàng.

(11) *Ngựa sắt nhả khói* : chỉ tàu hoả. Lãnh thổ Mỹ rộng lớn đòi hỏi sự phát triển mạnh mẽ mạng lưới giao thông, đặc biệt là đường sắt. Nửa sau thế kỉ XIX, nhà cầm quyền Mỹ đã phóng tay cho các công ti đường sắt những khoảng đất rộng lớn ở hai bên đường (2423000 dặm vuông, rộng hơn lãnh thổ của Pháp và Đức cộng lại) và số tiền trợ cấp kénh sù (khoảng 700 triệu đô la Mỹ).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc đoạn đầu bức thư : từ *Đối với đồng bào tôi đến tiếng nói của cha ông chúng tôi*.

a) Hãy chỉ ra những phép so sánh và nhân hoá đã được dùng.

b) Hãy nêu lên tác dụng của phép so sánh và nhân hoá đó, đặc biệt là trong việc làm nổi bật quan hệ giữa người da đỏ với "Đất", với thiên nhiên.

2. Đọc đoạn giữa của bức thư : từ *Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống đến Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc*.

a) Đoạn văn đã nói lên sự khác biệt, sự đối lập trong "cách sống", trong thái độ đối với "Đất", đối với thiên nhiên giữa người da đỏ và "người da trắng" trên những vấn đề gì ?

b) Tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để nêu bật sự khác biệt, sự đối lập ấy và để thể hiện thái độ, tình cảm của mình ?

(Gợi ý : cách dùng phép so sánh, phép nhân hoá, phép lặp, phép đối lập ; cách sử dụng các kiểu câu ; cách sử dụng từ ngữ, ...)

3. Đọc đoạn còn lại của bức thư.

a) Hãy nêu các ý chính của đoạn này.

b) Cách hành văn, giọng điệu của đoạn này có gì giống, có gì khác với hai đoạn trên ?

c) Nén hiểu thế nào về câu : *Đất là Mẹ*.

4. Bức thư đã sử dụng rất nhiều yếu tố của phép lặp (*lặp ý, lặp từ ngữ, lặp kiểu câu*). Hãy lập bảng thống kê một số hoặc toàn bộ những yếu tố lặp ấy và chỉ ra tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm của chúng.

5*. Hãy giải thích vì sao một bức thư nói về chuyện mua bán đất đai cách đây một thế kỉ rưỡi nay vẫn được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất nói về thiên nhiên và môi trường ?

(Gợi ý : Vận dụng tổng hợp kết quả việc đọc – hiểu ở trên và kết hợp với việc làm bài *Luyện tập* dưới đây)

Ghi nhớ

Qua bức thư trả lời yêu cầu mua đất của Tổng thống Mĩ Phrăng-klin, thủ lĩnh người da đỏ Xi-át-ton, bằng một giọng văn đầy sức truyền cảm, bằng lối sử dụng phép so sánh, nhân hoá, điệp ngữ phong phú đa dạng, đã đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại : Con người phải sống hoà hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.

LUYỆN TẬP

Chọn một số câu hay trong các đoạn của bức thư trên nói về không khí, ánh sáng, đất, nước, thực vật, thú vật và học thuộc lòng.

CHỮA LỖI VỀ CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ (tiếp theo)

I – CÂU THIẾU CẢ CHỦ NGỮ LẦN VỊ NGỮ

Chỉ ra chỗ sai trong những câu dưới đây và nêu lên cách chữa :

- a) *Mỗi khi đi qua cầu Long Biên.*
- b) *Bằng khối óc sáng tạo và bàn tay lao động của mình, chỉ trong vòng sáu tháng.*

II – CÂU SAI VỀ QUAN HỆ NGỮ NGHĨA GIỮA CÁC THÀNH PHẦN CÂU

1. Cho biết mỗi bộ phận in đậm trong câu sau nói về ai.

Hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa, ta thấy dương Hương Thư ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ.

2. Câu trên sai như thế nào ? Nêu cách chữa lỗi.

III – LUYỆN TẬP

1. Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau :

- a) *Năm 1945, cầu được đổi tên thành cầu Long Biên.*

(Theo Thuý Lan)

b) *[...] Cứ mỗi lần ngẩng lên nhìn bầu trời Hà Nội trong xanh, lòng tôi lại nhớ những năm tháng chống đế quốc Mĩ oanh liệt và oai hùng.*

(Theo Thuý Lan)

c) *Đứng trên cầu, nhìn dòng sông Hồng đỏ rực nước cuốn cuộn chảy với sức mạnh không gì ngăn nổi, nhấn chìm bao màu xanh thân thương, bao làng mạc trù phú đôi bờ, tôi cảm thấy chiếc cầu như chiếc võng đung đưa, nhưng vẫn dẻo dai, vững chắc.*

(Theo Thuý Lan)

2. Hãy viết thêm chủ ngữ và vị ngữ phù hợp vào những chỗ trống dưới đây để tạo thành những câu hoàn chỉnh :

- a) *Mỗi khi tan trường, ...*
- b) *Ngoài cánh đồng, ...*
- c) *Giữa cánh đồng lúa chín, ...*
- d) *Khi chiếc ô tô về đến đầu làng, ...*

3. Hãy chỉ ra chỗ sai và nêu cách chữa các câu sau đây :

- a) *Giữa hồ, nơi có một toà tháp cổ kính.*
- b) *Trải qua mấy nghìn năm đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta, một dân tộc anh hùng.*
- c) *Nhằm ghi lại những chiến công lịch sử của quân và dân Hà Nội bảo vệ cây cầu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt.*

4. Các câu sau sai ở chỗ nào ? Nên chữa như thế nào ?

- a) *Cây cầu đưa những chiếc xe vận tải nặng nề vượt qua sông và bóp còi rộn vang cả dòng sông yên tĩnh.*
- b) *Vừa đi học về, mẹ đã bảo Thuý sang đón em. Thuý cất vội cặp sách rồi đi ngay.*
- c) *Khi em đến cổng trường thì Tuấn gọi em và được bạn ấy cho một cây bút mới.*

LUYỆN TẬP CÁCH VIẾT ĐƠN VÀ SỬA LỖI

I – CÁC LỖI THƯỜNG MẮC KHI VIẾT ĐƠN

1. Đơn sau đây có những lỗi gì và nếu sửa chữa, em sẽ sửa như thế nào ?

ĐƠN XIN NGHỈ HỌC

Kính gửi : Cô giáo chủ nhiệm

Hôm qua em đi học về chẳng may bị ngã xe đạp, chân đau không thể đi đến lớp học được, vì vậy em viết đơn này xin cô cho phép em nghỉ học, khi nào khỏi em sẽ tiếp tục đi học.

Em xin chân thành cảm ơn cô.

2. Phát hiện lỗi và nêu cách sửa lỗi ở đơn sau đây :

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THEO HỌC LỚP NHẠC HOẠ

Kính gửi : Thầy giáo chủ nhiệm lớp nhạc hoạ

Tên em là : Trần Thị Thanh.

Quê quán : Vĩnh Bảo – Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay : phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp của bố : Công nhân Cảng. Nghề nghiệp của mẹ : buôn bán nhỏ. Hiện nay em là học sinh lớp 6A trường THCS Nguyễn Văn Trỗi. Vừa qua em thấy rất nhiều bạn theo học lớp nhạc hoạ của nhà trường mới mở vì thế em cũng viết đơn này xin thầy cho em được theo học lớp học này.

Em xin cảm ơn thầy.

Trần Thị Thanh

3. Đơn sau đây sai ở chỗ nào ? Vì sao ?

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÉP NGHỈ HỌC

Kính gửi : Cô giáo chủ nhiệm lớp 6C, Trường THCS Trần Phú.

Tên em là : Lê Văn X, học sinh lớp 6C

Hôm qua đi lao động cùng các bạn, trên đường về nhà em gặp mưa và bị cảm lạnh, người sốt cao, bố mẹ đã đưa em vào bệnh viện. Hiện tại em vẫn bị sốt li bì, đầu đau nhức, không thể ngồi dậy được, vì vậy em không đến trường được. Em viết đơn này xin cô cho em nghỉ học, khi nào khỏi em sẽ tiếp tục đi học.

Em xin cảm ơn cô.

Thị xã H, ngày ...

Học sinh

(kí tên)

Lê Văn X

II – LUYỆN TẬP

1. Quê em mới có điện. Em hãy thay bố mẹ viết đơn gửi Ban quản lí điện của địa phương xin bán điện cho gia đình mình.

2. Trường em đang thành lập Đội tình nguyện tuyên truyền và bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. Em hãy viết đơn xin được tham gia đội tình nguyện ấy.

BÀI 31

Kết quả cần đạt

- *Hình dung được vẻ đẹp kì ảo của động Phong Nha và hiểu được vị trí của nó trong cuộc sống Việt Nam hôm nay và mãi mãi về sau. Từ đó, có ý thức tham gia bảo vệ những danh lam thắng cảnh của đất nước.*
- *Củng cố và tiếp tục hoàn thiện kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than đã học ở bậc Tiểu học.*
- *Thấy được những ưu điểm và nhược điểm của bài tập làm văn số 7.*

VĂN BẢN

ĐỘNG PHONG NHA

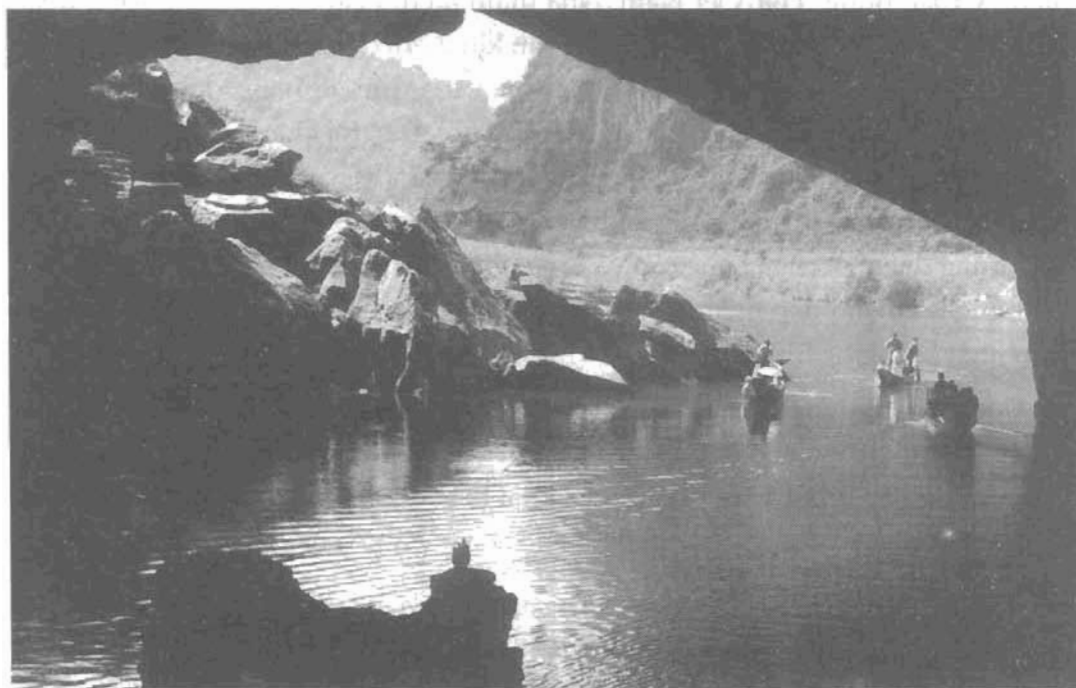
"Đệ nhất kì quan Phong Nha"⁽¹⁾ nằm trong một quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây Quảng Bình. Có thể tới Phong Nha rất dễ dàng bằng hai con đường : Đường thủy ngược dòng sông Gianh đến đoạn sông Gianh gặp sông Son rồi cứ theo sông Son mà vào. Đường bộ theo tỉnh lộ số 2 đến bến sông Son (đường dài chừng 20 cây số). Từ bến sông này đi thuyền máy độ ba mươi phút là tới cửa hang Phong Nha. Sông mang tiếng là "Son" nhưng nước lại một màu xanh thẳm và rất trong. Ngồi trên thuyền chạy ngược sông, nhìn ra hai bên bờ, ta thấy những khối núi đá vôi trùng điệp, những xóm làng, nương ngô, bãi mía nằm rải rác. Phong Nha gồm hai bộ phận : *Động khô* và *Động nước*. Động

khô ở độ cao 200m, theo các nhà địa lí học, thuở xưa vốn là một dòng sông ngầm, nay đã kiệt nước, chỉ còn những vòm đá trắng vân nhũ⁽²⁾ và vô số cột đá màu xanh ngọc bích⁽³⁾ óng ánh.

Trái với Động khô, Động nước hiện thời vẫn đang có một con sông dài chảy suốt ngày đêm... Sông khá sâu và nước rất trong. Hấp dẫn và được khách du lịch⁽⁴⁾ lui tới nhiều nhất chính là Động nước.

Vào Động nước phải đi bằng thuyền và mang theo đèn đuốc, bởi càng đi sâu vào trong thì hang càng tối. Hiện nay, ở một số nơi trong hang đã mắc điện nhưng muốn đi suốt 1500m hang vẫn phải cần tới đuốc, đèn.

Động chính Phong Nha gồm mười bốn buồng⁽⁵⁾, nối với nhau bởi một hành lang dài hơn ngàn rưỡi mét cùng nhiều hành lang phụ dài vài trăm mét. Ở các buồng ngoài, trần hơi thấp, chỉ cách mặt nước độ 10m. Từ buồng thứ tư trở đi vòm hang đã cao tới 25 – 40m. Đến hang thứ mười bốn, có thể theo các hành lang hẹp để đến các hang to ở phía trong sâu, nơi mới chỉ có một vài đoàn thám hiểm⁽⁶⁾ với đầy đủ các trang thiết bị⁽⁷⁾ (máy móc, đèn, quần áo, thuốc men,...) cần thiết đặt chân tới. Tuy nhiên, hang động Phong Nha phía sâu bên trong, cùng các dòng sông ngầm dưới khối núi đá vôi Kẻ Bàng và khu rừng nguyên sinh⁽⁸⁾ 40000ha vẫn còn cất giữ bao điều huyền bí⁽⁹⁾ thú vị, hấp dẫn mà con người vẫn chưa biết hết.



Đi thuyền thăm động Phong Nha, chúng ta sẽ vô cùng kinh ngạc và thích thú trước vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo⁽¹⁰⁾ của nó. Dưới ánh sáng lung linh của đèn đuốc, các khối thạch nhũ⁽¹¹⁾ hiện lên đủ hình khối, màu sắc. Có khối hình con gà, con cóc, có khối xếp thành đốt trúc dựng đứng trên mặt nước... Lại có khối mang hình mâm xôi, cái khánh⁽¹²⁾, hoặc hình các tiên ông đang ngồi đánh cờ, v.v... Bàn tay tài hoa của tạo hoá khéo tạo cho các khối thạch nhũ không những chỉ đẹp về đường nét mà còn rất huyền ảo về sắc màu, một sắc màu lóng lánh như kim cương⁽¹³⁾ không bút nào lột tả hết. Đây đó, trên vách động còn rủ xuống những nhánh phong lan xanh biếc. Trong hang cũng có một số bãi cát, bãi đá để thuyền ghé lại cho khách đi thuyền dừng chân mặc sức leo trèo, luồn lách qua các bậc đá, các ngõ ngách để thăm thú đây đó, chụp ảnh, ghi hình hoặc thắp hương lên các bàn thờ do người Chăm, người Việt dựng nên tự thuở nào.

Đi suốt chiều dài hơn ngàn mét ở phần ngoài của động Phong Nha, du khách⁽¹⁴⁾ đã có cảm giác như lạc vào một thế giới khác lạ – thế giới của tiên cảnh⁽¹⁵⁾. Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm ; lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ. Một tiếng nước gõ long tong, một tiếng nói trong hang động đều có âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt⁽¹⁶⁾.

Với một vẻ đẹp đặc sắc, độc đáo riêng, động Phong Nha được xem là "Kỳ quan đệ nhất động" của Việt Nam. Nhà thám hiểm Hao-ớt Lim-be trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh⁽¹⁷⁾ sau khi thăm động Phong Nha về đã phát biểu : "Với kinh nghiệm của mười sáu năm thám hiểm hang động ở tổ chức nghiên cứu hang động mạnh nhất của Hoàng gia Anh, tôi khẳng định Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới". Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh gần đây, động Phong Nha có bảy cái nhất : hang động dài nhất ; cửa hang cao và rộng nhất ; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất ; có những hồ ngầm đẹp nhất ; hang khô rộng và đẹp nhất ; thạch nhũ trắng lè và kì ảo nhất ; sông ngầm dài nhất.

Động Phong Nha đã và đang thu hút sự quan tâm lớn của nhiều nhà khoa học, nhà thám hiểm và khách du lịch trong và ngoài nước. Phong Nha cũng đang được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác để sớm trở thành một địa điểm du lịch, thám hiểm và nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh của đất nước.

(Trần Hoàng, *Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ*,
NXB Giáo dục, 1998)

Chú thích

(1) *Đệ nhất kì quan Phong Nha* : Phong Nha nằm trong quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng, nên có chỗ gọi là Phong Nha – Kẻ Bàng, thuộc địa phận xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, được xem là "Đệ nhất kì quan", có nghĩa là cảnh đẹp nhất. Động Phong Nha lại ở gần con đường mòn Hồ Chí Minh xuyên Trường Sơn. Điều đó càng làm cho kì quan Phong Nha mang thêm nhiều giá trị và ý nghĩa.

(2) *Vân nhũ* : (*nhũ* : bầu vú, ở đây chỉ hiện tượng chất đá vôi đọng trong các hang động hình búp măng, hình bầu vú ; *vân* : mây) chỉ những nhũ đá có hình dáng trông như mây.

(3) *Ngọc bích* : ngọc quý có màu xanh biếc.

(4) *Du lịch* : đi xa cho biết nơi khác nơi mình ở (*du* : đi chơi ; *lịch* : trải qua). Hiện nay du lịch đã trở thành ngành kinh doanh ở nước ta và trên thế giới. *Khách du lịch* : người đi du lịch.

(5) *Buồng* : ở đây chính là hang, tức khoảng trống trong các núi có hang động, xung quanh có vách ngăn như tường.

(6) *Thám hiểm* : đi vào những vùng xa lạ, ít ai đặt chân tới để xem xét, khảo sát (*thám* : thăm dò).

(7) *Trang thiết bị* : trang bị và thiết bị, những thứ (máy móc, dụng cụ, phụ tùng) cần thiết cho một hoạt động nào đó.

(8) *Nguyên sinh* : trạng thái sống ở thời gian đầu tiên. *Rừng nguyên sinh* : rừng chưa từng bị khai thác, còn giữ được cây cối của thuở ban đầu ; ví dụ : rừng quốc gia Cúc Phương ở Ninh Bình.

(9) *Huyền bí* : bí ẩn, mầu nhiệm đến không thể hiểu nổi.

(10) *Kì ảo* : (*kì* : lạ ; *ảo* : chỗ kín, sâu kín) ở đây có nghĩa là vẻ đẹp kì lạ đến mức như chỉ có trong trí tưởng tượng.

(11) *Thạch nhũ* : nhũ đá (xem thêm chú thích 2).

(12) *Khánh* : nhạc khí gõ làm bằng phiến đá.

(13) *Kim cương* : loại khoáng chất rất rắn, cấu tạo từ các bon nguyên chất kết tinh, làm hàng mĩ nghệ quý ; ở đây chỉ vẻ đẹp của thạch nhũ.

(14) *Du khách* : khách du lịch.

(15) *Tiên cảnh* : cảnh tượng nơi các vị tiên ở.

(16) *Bụt* : gọi tắt từ Bút-đa (Buddha), tên đức Phật.

(17) *Hội địa lí Hoàng gia Anh* : một hội trong tổ chức Hội đồng khoa học của Hoàng gia Anh (nước Anh vẫn còn theo chế độ quân chủ lập hiến do một nữ hoàng đứng đầu).

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kĩ bài văn và phần *Chú thích*, từ đó cố gắng hình dung ra vẻ đẹp kì ảo của động Phong Nha, nơi được coi là "Đệ nhất kì quan".

2. Bài văn có thể chia thành mấy đoạn (hai hay ba) ? Nếu là hai thì cách chia và nội dung cụ thể của từng đoạn là gì ? Nếu là ba thì cách chia và nội dung cụ thể của từng đoạn là gì ?

3. Cảnh sắc của động Phong Nha đã được tác giả miêu tả theo trình tự nào ? Vẻ đẹp của Động khô và Động nước đã được miêu tả bằng những chi tiết nào ? (Để trả lời câu hỏi này, em hãy liệt kê đầy đủ các chi tiết được miêu tả, các từ ngữ được dùng để nói về vẻ đẹp của động Phong Nha).

4. Hãy đọc lại lời phát biểu của ông trưởng đoàn thám hiểm Hội địa lí Hoàng gia Anh và trả lời các câu hỏi sau :

a) Nhà thám hiểm đó nhận xét và đánh giá động Phong Nha như thế nào ?

b) Em có cảm nghĩ gì trước lời đánh giá đó ?

5. Động Phong Nha đã và đang mở ra những triển vọng gì ? (Đặc biệt là về phương diện kinh tế du lịch).

Ghi nhớ

Động Phong Nha ở miền tây tỉnh Quảng Bình được xem là kì quan thứ nhất ("Đệ nhất kì quan"). Động Phong Nha đã và đang thu hút khách tham quan trong và ngoài nước. Chúng ta tự hào vì đất nước có động Phong Nha cũng như những thắng cảnh khác.

LUYỆN TẬP

Sau khi đọc bài văn, giả dụ được làm người hướng dẫn khách du lịch đi tham quan động Phong Nha, em sẽ giới thiệu như thế nào về "Đệ nhất kì quan" này ?

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI, DẤU CHẤM THAN)

I – CÒNG DỤNG

1. Đặt các dấu chấm (.), dấu chấm hỏi (?), dấu chấm than (!) vào chỗ thích hợp có dấu ngoặc đơn. Giải thích vì sao em lại đặt các dấu câu như vậy.

a) *Òi thôi, chú mày ơi () Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.*

(Theo Tô Hoài)

b) *Con có nhận ra con không ()*

(Theo Tạ Duy Anh)

c) *Cá ơi, giúp tôi với () Thương tôi với ()*

(Theo Ông lão đánh cá và con cá vàng)

d) *Giời chớm hè () Cây cối um tùm () Cả làng thơm ()*

(Theo Duy Khan)

2. Cách dùng các dấu chấm, dấu chấm hỏi và dấu chấm than trong những câu sau có gì đặc biệt ?

a) *Tôi phải bảo :*

– *Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.*

[...] *Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng :*

– [...] *Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.*

(Tô Hoài)

b) AFP đưa tin theo cách ốm ở : "Họ là 80 người sức lực khá tốt nhưng hơi gầy" (! ?).

(Theo Nguyễn Tuấn)

Ghi nhớ

- Thông thường, **dấu chấm** được đặt ở cuối câu trần thuật, **dấu chấm hỏi** đặt cuối câu nghi vấn và **dấu chấm than** đặt cuối câu cầu khiến, câu cảm thán.
- Tuy vậy, cũng có lúc người ta dùng dấu chấm ở cuối câu cầu khiến và đặt các dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong ngoặc đơn vào sau một ý hay một từ ngữ nhất định để biểu thị thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với ý đó hay nội dung của từ ngữ đó.

II – CHỮA MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP

1. So sánh cách dùng dấu câu trong từng cặp câu dưới đây.

a)

– "Đệ nhất kì quan Phong Nha" nằm trong một quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây Quảng Bình. Có thể tới Phong Nha rất dễ dàng bằng hai con đường [...].

(Trần Hoàng)

– "Đệ nhất kì quan Phong Nha" nằm trong một quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây Quảng Bình, có thể tới Phong Nha rất dễ dàng bằng hai con đường.

b)

– Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm. Lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.

– Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm ; lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.

(Trần Hoàng)

2. Cách dùng dấu chấm hỏi và dấu chấm than trong các câu dưới đây vì sao không đúng ? Hãy chữa lại các dấu câu ấy cho đúng.

a) Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì ? Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa ? Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.

b) Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên !

(Tạ Duy Anh)

III – LUYỆN TẬP

1. Đặt dấu chấm vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn sau đây:

Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương mùa xuân đã điểm các chùm hoa gạo đỏ mọng lên những cành cây gạo chót vót giữa trời và trải màu lúa non sáng dịu lên khắp mặt đất mới cách ít ngày còn trần trụi đen xám trên những bãi đất phù sa mịn hồng mơn mớn, các vòm cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển màu lốm đốm, như được rắc thêm một lớp bụi phấn hung vàng : các vườn nhãn, vườn vải đang trở hoa [...] Mùa xuân đã đến những buổi chiều hừng ấm, từng đàn chim én từ dãy núi biếc đằng xa bay tới, lượn vòng trên những bến đò, đuổi nhau xập xè bên những mái nhà toả khói những ngày mưa phùn, người ta thấy trên mấy bãi soi dài nổi lên đây đó ở giữa sông, những con giang, con sếu cao gần bằng người, không biết từ đâu về, theo nhau lững thững bước thấp thoáng trong bụi mưa trắng xoá có những buổi, cả một quãng sông phía gần chân núi bỗng rợp đi vì hàng nghìn đôi cánh của những đàn sâm cầm tới tập sà xuống, chẳng khác nào từng đám mây bông rụng xuống, tan biến trong các đầm bãi rậm rạp lau sậy.

(Theo Nguyễn Đình Thi)

2. Đoạn đối thoại dưới đây có dấu chấm hỏi nào dùng chưa đúng không ? Vì sao ?

– Bạn đã đến thăm động Phong Nha chưa ?

– Chưa ? Thế còn bạn đã đến chưa ?

– Mình đến rồi. Nếu tới đó, bạn mới hiểu vì sao mọi người lại thích đến thăm động như vậy ?

3. Hãy đặt dấu chấm than vào cuối câu thích hợp :

- Động Phong Nha thật đúng là "Đệ nhất kì quan" của nước ta
- Chúng tôi xin mời các bạn hãy đến thăm động Phong Nha quê tôi
- Động Phong Nha còn cất giữ bao điều huyền bí, thú vị, hấp dẫn mà con người vẫn chưa biết hết

4. Đặt dấu câu thích hợp vào chỗ có dấu ngoặc đơn dưới đây :

Chị Cốc liền quát lớn :

– Mà nói gì ()

– Lay chi, em nói gì đâu ()

Rồi Đế Choắt lùi vào ()

– Chối hả () Chối này () Chối này ()

Mỗi câu "Chối này" chị Cốc lại giáng một mả xuống ()

(Theo Tô Hoài)

5. Chính tả (nghe – viết) : *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* (từ *Đối với đồng bào tôi* đến *kỉ ức của người da đỏ*).

KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

1. Đọc lại bài văn của mình, xem kĩ lời nhận xét và những sửa chữa của thầy, có giao để thấy được các sai sót của bài viết. Liệt kê ra vở những lỗi mà em còn mắc phải :

- Nội dung còn thiếu những gì ?
- Bố cục của bài có đủ ba phần không ? Sự sắp xếp các ý có gì chưa hợp lí ?
- Lỗi về chính tả ;
- Lỗi về ngữ pháp ;
- Lỗi về diễn đạt.

2. Bài viết của em tả cảnh hay tả người, hay vừa tả cảnh vừa tả người ? Khi miêu tả, em đã lựa chọn được các hình ảnh và chi tiết tiêu biểu, đặc sắc cho cảnh và người ấy chưa ? Nếu cần bổ sung thì em sẽ bổ sung thêm những hình ảnh và chi tiết nào ?

3. Hãy dẫn ra trong bài của em một câu, trong đó em có dùng so sánh làm cho sự miêu tả sinh động hơn.

4. Tìm cách sửa chữa những lỗi trong bài của mình (nếu có).

BÀI 32

TỔNG KẾT PHẦN VĂN VÀ TẬP LÀM VĂN ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (DẤU PHẨY)

Kết quả cần đạt

- *Nắm được hệ thống văn bản với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của các văn bản đó trong sách giáo khoa Ngữ văn 6.*
- *Hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của một số hình tượng văn học tiêu biểu, tư tưởng yêu nước và truyền thống nhân ái trong các văn bản đã học.*
- *Nắm được các phương thức biểu đạt đã được sử dụng trong các văn bản đã học.*
- *Nắm được đặc điểm nổi bật của các phương thức biểu đạt và sự thâm nhập lẫn nhau của các phương thức trong một văn bản.*
- *Biết vận dụng các phương thức biểu đạt phù hợp khi xây dựng một văn bản hoàn chỉnh nhằm đạt được mục đích giao tiếp.*
- *Củng cố và tiếp tục hoàn thiện kiến thức, kĩ năng sử dụng dấu phẩy đã học ở bậc Tiểu học.*

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

1. Em hãy nhớ và ghi lại tất cả tên các văn bản đã được đọc – hiểu trong cả năm học. Sau đó tự kiểm tra và bổ sung những chỗ còn thiếu, điều chỉnh những chỗ sai và viết vào vở học một cách đầy đủ, chính xác danh mục các văn bản đã học.

2. Em hãy đọc lại các chú thích có đánh dấu sao (★) ở các bài 1, 5, 10, 12, 14, 29 và trả lời các câu hỏi sau đây :

- Thế nào là truyền thuyết ?
- Thế nào là truyện cổ tích ?
- Thế nào là truyện ngụ ngôn ?
- Thế nào là truyện cười ?
- Thế nào là truyện trung đại ?
- Thế nào là văn bản nhật dụng ?

3. Riêng về các văn bản là truyện, hãy lập bảng kê theo mẫu sau đây :

STT	Tên văn bản	Nhân vật chính	Tính cách, vị trí, ý nghĩa của nhân vật chính

4. Trong các nhân vật chính – kê ở trên, hãy chọn ba nhân vật mà em thích nhất. Vì sao em lại thích các nhân vật đó ?

5. Về phương thức biểu đạt thì truyện dân gian, truyện trung đại và truyện hiện đại có điểm gì giống nhau ?

6. Hãy liệt kê từ *Ngữ văn 6*, tập hai những văn bản thể hiện truyền thống yêu nước và những văn bản thể hiện lòng nhân ái của dân tộc ta.

7. Đọc kĩ bảng tra cứu các yếu tố Hán Việt ở cuối sách *Ngữ văn 6*, tập hai. Ghi vào sổ tay những từ (mở rộng) khó hiểu và tra nghĩa trong từ điển.

TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN

I – CÁC LOẠI VĂN BẢN VÀ NHỮNG PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT ĐÃ HỌC

1. Em hãy dẫn ra một số bài văn (văn bản) đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, từ đó phân loại những bài văn đã học theo các phương thức biểu đạt chính : *tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận*, ... Thống kê ra vở theo bảng sau :

STT	Các phương thức biểu đạt	Thể hiện qua các bài văn đã học
1	Tự sự	
2	Miêu tả	
3	Biểu cảm	
4	Nghị luận	

2. Hãy xác định và ghi ra vở phương thức biểu đạt chính trong các văn bản sau :

STT	Tên văn bản	Phương thức biểu đạt chính
1	<i>Thạch Sanh</i>	
2	<i>Lượm</i>	
3	<i>Mưa</i>	
4	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>	
5	<i>Cây tre Việt Nam</i>	

3. Trong sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, em đã được luyện tập làm các loại văn bản theo những phương thức nào ? Thống kê ra vở theo bảng sau :

STT	Phương thức biểu đạt	Đã tập làm
1	Tự sự	
2	Miêu tả	
3	Biểu cảm	
4	Nghị luận	

II – ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁCH LÀM

1. Theo em, các văn bản *miêu tả*, *tự sự* (kể chuyện) và *đơn từ* khác nhau ở chỗ nào ? So sánh *mục đích*, *nội dung*, *hình thức trình bày* (các phần trong một văn bản) của ba loại văn bản này. Ghi vào vở theo bảng sau :

STT	Văn bản	Mục đích	Nội dung	Hình thức
1	Tự sự			
2	Miêu tả			
3	Đơn từ			

2. Mỗi bài văn *miêu tả* hay *tự sự* đều có ba phần : *Mở bài*, *Thân bài* và *Kết bài*. Hãy nêu nội dung và những lưu ý trong cách thể hiện của từng phần. Tổng kết vào vở theo bảng sau :

STT	Các phần	Tự sự	Miêu tả
1	Mở bài		
2	Thân bài		
3	Kết bài		

3. Em hãy nêu mối quan hệ giữa sự việc, nhân vật và chủ đề trong văn bản tự sự. Cho ví dụ cụ thể.

4. Nhân vật trong tự sự thường được kể và miêu tả qua những yếu tố nào ? Hãy nêu dẫn chứng về một nhân vật trong truyện mà em đã học.

5. Thứ tự kể và ngôi kể có tác dụng làm cho cách kể thêm linh hoạt như thế nào ? Em hãy cho một ví dụ.

6. Vì sao miêu tả đòi hỏi phải quan sát sự vật, hiện tượng và con người ?

7. Hãy nêu lại các phương pháp miêu tả đã học.

III – LUYỆN TẬP

1. Từ bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ, em hãy tưởng tượng mình là anh bộ đội đã được chứng kiến câu chuyện cảm động đó và kể lại bằng một bài văn.

2. Từ bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa, em hãy viết bài văn miêu tả lại trận mưa theo quan sát và tưởng tượng của em.

3. Trong các nội dung của tờ đơn nêu sau đây còn thiếu mục nào ? Mục đó có thể thiếu được không ?

- Quốc hiệu và tiêu ngữ
- Nơi làm đơn và ngày ... tháng ... năm ...
- Tên đơn
- Nơi gửi
- Họ tên, nơi công tác hoặc nơi ở của người viết đơn
- Cam đoan và cảm ơn
- Kí tên

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU (DẤU PHẨY)

I – CÔNG DỤNG

1. Hãy đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp :

a) *Vừa lúc đó sứ giả đem ngựa sắt roi sắt áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ.*

(Theo Thánh Gióng)

b) Suốt một đời người từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay tre với mình sống chết có nhau chung thủy.

(Theo Thép Mới)

c) Nước bị cản văng bọt tứ tung thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống.

(Theo Võ Quảng)

2. Giải thích vì sao em lại đặt dấu phẩy vào những vị trí trên.

Ghi nhớ

Dấu phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu.

Cụ thể là :

- Giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ ;
- Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu ;
- Giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó ;
- Giữa các vế của một câu ghép.

II – CHỮA MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP

Dưới đây là những câu chép lại từ một số tác phẩm văn học, nhưng thiếu hoàn toàn các dấu phẩy. Em hãy đặt các dấu phẩy vào đúng chỗ của nó.

a) Chào mào sáo sậu sáo đen... Đàn đàn lũ lũ bay đi bay về lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau trò chuyện trêu ghẹo và tranh cãi nhau ồn mà vui không thể tưởng được.

(Theo Vũ Tú Nam)

b) Trên những ngọn cơ già nua cổ thụ những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cùng đang khua xào xạc trước khi từ già thân mẹ đơn sơ. Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông chúng vẫn còn nguyên những tàu lá vắt vẻo mềm mại như cái đuôi én.

(Theo Ma Văn Kháng)

III – LUYỆN TẬP

1. Hãy ghi những câu dưới đây vào vở và đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp :

a) *Từ xưa đến nay Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.*

b) *Buổi sáng sương muối phủ trắng cành cây bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi thung lũng làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà quán lấy người đi đường.*

(Theo Tập đọc lớp 5, 1980)

2. Với mỗi dấu ba chấm dưới đây, em hãy lựa chọn thêm một chủ ngữ thích hợp để tạo thành câu hoàn chỉnh :

a) *Vào giờ tan tầm, xe ô tô, ..., ... đi lại nườm nượp trên đường phố.*

b) *Trong vườn, ..., ... hoa hồng đua nhau nở rộ.*

c) *Dọc theo bờ sông, những vườn ổi, ..., ... xum xuê, trĩu quả.*

3. Với mỗi dấu ba chấm dưới đây, em hãy lựa chọn thêm một vị ngữ thích hợp để tạo thành câu hoàn chỉnh :

a) *Những chú chim bói cá ..., ...*

b) *Mỗi dịp về quê, tôi đều..., ...*

c) *Lá cọ dài, ..., ...*

d) *Dòng sông quê tôi ..., ...*

4*. Trong bài *Cây tre Việt Nam*, nhà văn Thép Mới có viết :

Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

Cách dùng dấu phẩy của tác giả trong câu trên tạo ra nhịp điệu như thế nào cho câu văn ? Nhịp điệu ấy góp phần diễn tả điều gì ?

ĐỌC THÊM

CÁC DẤU CÂU

Có người đánh mất dấu phẩy, trở nên sợ những gì phức tạp, cố tìm những câu đơn giản. Đằng sau những câu đơn giản là những ý nghĩ đơn giản.

Sau đó, anh ta đánh mất dấu chấm than và bắt đầu nói khe khẽ, không có ngữ điệu. Chẳng còn gì làm anh ta sung sướng hay phần nộ. Anh ta thờ ơ với mọi chuyện.

Kể đó, anh ta đánh mất dấu chấm hỏi và chẳng bao giờ hỏi gì nữa. Mọi sự kiện bất kì xảy ra ở đâu, dù trong vũ trụ, trên mặt đất hay ngay chính trong nhà anh ta, cũng không làm anh ta quan tâm.

Một vài năm sau, anh ta quên mất dấu hai chấm và không còn giải thích hành vi của mình nữa.

Cuối đời, anh ta chỉ còn lại dấu ngoặc kép mà thôi. Anh ta không còn phát biểu được một ý kiến nào của riêng mình nữa, mà luôn luôn trích dẫn người khác.

Thế là anh ta hoàn toàn quên mất cách tư duy.

Cứ như vậy, anh ta đi đến dấu chấm hết.

Xin hãy giữ những dấu câu của mình !

(Trang Huyền)

BÀI 33

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Văn và Tập làm văn)

Kết quả cần đạt

- *Biết được một số danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử hay chương trình kế hoạch bảo vệ môi trường nơi địa phương mình đang sinh sống.*
- *Biết liên hệ với phần văn bản nhật dụng đã học trong Ngữ văn 6, tập hai để làm phong phú thêm nhận thức của mình về các chủ đề đã học.*

I – CHUẨN BỊ Ở NHÀ

1. Em đã học những bài văn nào giới thiệu về những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử hoặc vấn đề bảo vệ, gìn giữ môi trường, ... trong sách giáo khoa Ngữ văn 6.

2. Hãy tìm hiểu (qua sách báo hoặc hỏi cha mẹ, anh chị, ...) xem quê hương (thôn, xã, huyện, tỉnh, thành phố) em có những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử nào. Nếu có, hãy ghi chép lại và nắm chắc nội dung của các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh đó, cụ thể là :

- Tên di tích hoặc danh lam thắng cảnh. Ở đâu ? (vị trí địa lí – phương hướng)
- Di tích, danh lam thắng cảnh có từ bao giờ, hoặc được phát hiện khi nào (đời nào, năm nào...) ? Do ai, nhân tạo hay cảnh tự nhiên ? ...
- Vẻ đẹp và sức hấp dẫn của di tích hoặc danh lam thắng cảnh.
- Ý nghĩa lịch sử.
- Giá trị kinh tế du lịch của di tích và danh lam thắng cảnh.

3. Tìm hiểu vấn đề môi trường và việc bảo vệ, gìn giữ môi trường ở quê hương em :

- Môi trường xung quanh của địa phương em có xanh, sạch, đẹp hay không ? (ao hồ, biển cả, rừng núi, sông ngòi, đường phố, xóm làng, nếp sống, thói quen, ...).
- Có những yếu tố nào về môi trường đang bị vi phạm ?
- Địa phương và trường em đã có những chủ trương, chính sách gì nhằm bảo vệ và gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp ?

4. Tập giới thiệu bằng miệng văn bản đã sưu tầm hay viết thành bài văn miêu tả cảnh đẹp của di tích hoặc danh lam thắng cảnh của quê hương em.

II – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Trao đổi trong nhóm những nội dung mà em đã chuẩn bị ở nhà.
2. Cùng nhóm trao đổi và lựa chọn nội dung độc đáo nhất mà em sẽ trình bày trước lớp.

3. Trình bày trước lớp :

- Giới thiệu về di tích hoặc danh lam thắng cảnh đã xác định.
- Trình bày văn bản đã sưu tầm hoặc đọc bài văn đã viết về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

4. Cùng thầy giáo, cô giáo tổng kết, đánh giá phần Chương trình địa phương này ; rút ra bài học chung và bài học cho bản thân em.

ÔN TẬP TỔNG HỢP CHUẨN BỊ CHO BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

I – NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN CHÚ Ý

Bài kiểm tra cuối năm nhằm tập trung đánh giá một cách toàn diện những kiến thức và kỹ năng của môn Ngữ văn theo tinh thần tích hợp cả ba phân môn : Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn trong một bài viết. Tuy chú ý hơn vào các nội dung của kiến thức học kì II, nhưng học sinh vẫn phải liên hệ và vận dụng những kiến thức đã học ở học kì I.

1. Về phần *Đọc – hiểu văn bản*

Trọng tâm sách giáo khoa Ngữ văn 6 là đọc – hiểu tác phẩm tự sự. Học kì I tập trung đọc – hiểu các tác phẩm truyện dân gian và truyện trung đại. Học kì II đọc – hiểu truyện, kí hiện đại và những bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả dưới các hình thức thể loại khác nhau. Vì thế khi học ôn chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối năm, học sinh cần nắm được một số kiến thức cơ bản sau đây :

- Nắm được đặc điểm thể loại của các văn bản đã học.
- Nắm được nội dung và hình thức cụ thể của các văn bản tác phẩm đã học trong chương trình : nhân vật, cốt truyện, một số chi tiết tiêu biểu ; vẻ đẹp của các trang văn miêu tả ; bút pháp miêu tả, kể chuyện của các tác giả ; cách dùng và tác dụng của các biện pháp tu từ cũng như ý nghĩa của văn bản.
- Nắm được sự biểu hiện cụ thể của các đặc điểm thể loại ở những văn bản đã học.
- Nắm được nội dung và ý nghĩa của một số văn bản nhật dụng.

2. Về phần *Tiếng Việt*

Phần Tiếng Việt ở *Ngữ văn 6*, tập một, tập trung vào các vấn đề về từ như : Từ mượn ; Nghĩa của từ và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ; Danh từ và cụm danh từ ; Tính từ và cụm tính từ ; Động từ và cụm động từ ; Số từ, lượng từ, chỉ từ, ...

Phần Tiếng Việt ở *Ngữ văn 6*, tập hai, ngoài tiết học về phó từ, tập trung chủ yếu vào các vấn đề về câu và các biện pháp tu từ. Cụ thể :

a) Các vấn đề về câu :

- Các thành phần chính của câu ;
- Câu trần thuật đơn và các kiểu câu trần thuật đơn ;
- Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ.

b) Các biện pháp tu từ :

- So sánh ;
- Nhân hoá ;
- Ẩn dụ ;
- Hoán dụ.

Học sinh cần có ý thức vận dụng các đơn vị kiến thức vào việc đọc – hiểu các văn bản chung ở phần Văn và tạo lập các kiểu văn bản ở phần Tập làm văn.

3. Về phần *Tập làm văn*

Phần Tập làm văn trong *Ngữ văn 6*, tập trung chính vào văn bản tự sự (văn kể chuyện) và văn miêu tả. Học sinh cần chú ý để nắm được các nội dung chính sau đây :

a) Ôn lại một số vấn đề về văn tự sự, cụ thể là :

- Dàn bài của một bài văn tự sự ;
- Ngôi kể khi viết bài văn tự sự ;
- Thứ tự kể trong văn tự sự ;
- Biết cách làm một bài văn tự sự (bài văn kể chuyện).

b) Nắm được một số vấn đề chung về văn miêu tả :

– Thế nào là văn miêu tả ; mục đích và tác dụng của văn miêu tả ;

– Các thao tác cơ bản của văn miêu tả : quan sát, tưởng tượng, liên tưởng, so sánh, ...

c) Cách làm bài văn miêu tả :

– Phương pháp tả cảnh ;

– Phương pháp tả người.

d) Biết cách viết đơn và nắm được các lỗi thường mắc khi viết đơn.

II – CÁCH ÔN TẬP VÀ HƯỚNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Học sinh xem lại sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, tập một (trang 158) và tham khảo đề kiểm tra sau đây :

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM – LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề bài (gồm hai phần)

Phần I : Trắc nghiệm

Đọc đoạn văn sau, chép lại các câu hỏi vào vở, rồi trả lời bằng cách khoanh tròn vào chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất.

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

Càng đổ dần về hướng Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối [...]. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước âm ỉ, đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chủ yếu nào ?

A – Biểu cảm

B – Miêu tả

C – Tự sự

D – Nghị luận

2. Tác giả đoạn văn trên là ai ?

A – Võ Quảng

B – Nguyễn Tuân

C – Tô Hoài

D – Đoàn Giỏi

3. Cảnh sông nước Cà Mau qua đoạn văn là một bức tranh như thế nào ?

A – Duyên dáng và yếu điệu

B – Ghê gớm và dữ dội

C – Mênh mông và hùng vĩ

D – Dịu dàng và mềm mại

4. Trong đoạn văn trên, tác giả đã dùng mấy lần phép so sánh ?

A – Một lần

B – Hai lần

C – Ba lần

D – Bốn lần

5. Trong các từ sau đây, từ nào là từ Hán Việt ?

A – *rì rào*

B – *chi chút*

C – *bất tận*

D – *cao ngất*

6. Nếu viết : "*Càng đổ dần về hướng Cà Mau càng bủa giăng chi chút như mạng nhện.*" thì câu văn mắc phải lỗi nào ?

A – Thiếu chủ ngữ

B – Thiếu vị ngữ

C – Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ

D – Sai về nghĩa

7. Từ nào dưới đây có thể điền vào chỗ dấu ngoặc đơn () để câu văn "Trông hai bên bờ, rừng được dựng lên () như hai dãy trường thành vô tận." trở thành câu đúng nghĩa ?

A – mênh mông

B – bao la

C – sừng sững

D – bát ngát

8. Thế nào là biện pháp nghệ thuật nhân hoá ?

A – Dùng từ ngữ hoặc cách diễn đạt để nhân lên gấp nhiều lần những đặc điểm của sự vật, sự việc, nhân vật được miêu tả.

B – Lấy tên sự vật, hiện tượng này để nhằm chỉ sự vật, hiện tượng kia.

C – Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật bằng những từ ngữ vốn được dùng để tả hoặc nói về con người.

D – Dùng những từ ngữ chỉ một bộ phận, một phần để chỉ toàn thể.

9. Các mục không thể thiếu trong đơn là những mục nào ?

A – Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, người gửi

B – Đơn gửi ai, ai gửi đơn, gửi để làm gì

C – Nơi gửi, nơi làm đơn, ngày tháng

D – Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, lí do gửi

Phần II : Tự luận

Đề văn : Có lần trong bữa cơm chiều của gia đình, em đã gây ra một việc khiến cha mẹ buồn. Em hãy viết bài văn kể và tả lại sự việc đó.

BÀI 34

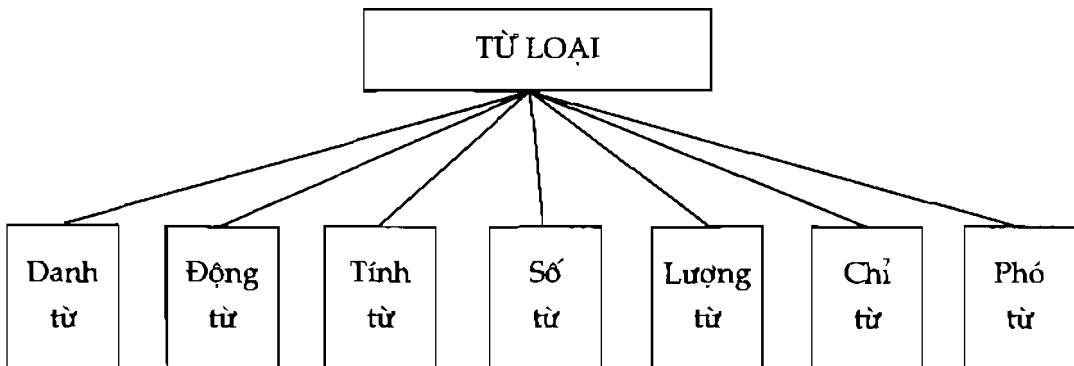
TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT VIẾT BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

Kết quả cần đạt

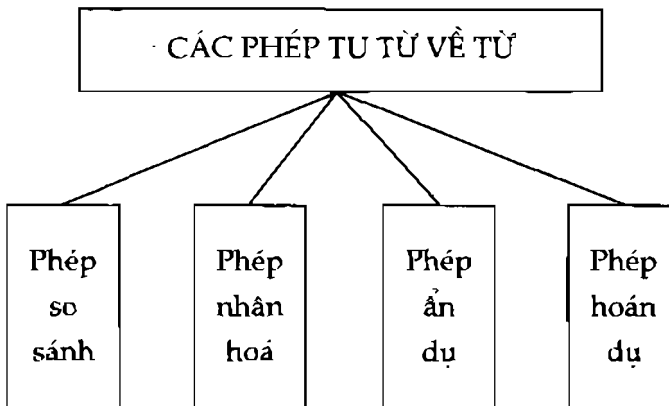
- *Củng cố và hệ thống hoá được kiến thức về tiếng Việt đã học trong năm.*
- *Vận dụng được các kiến thức đã học ở ba phần môn để viết bài kiểm tra cuối năm.*

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

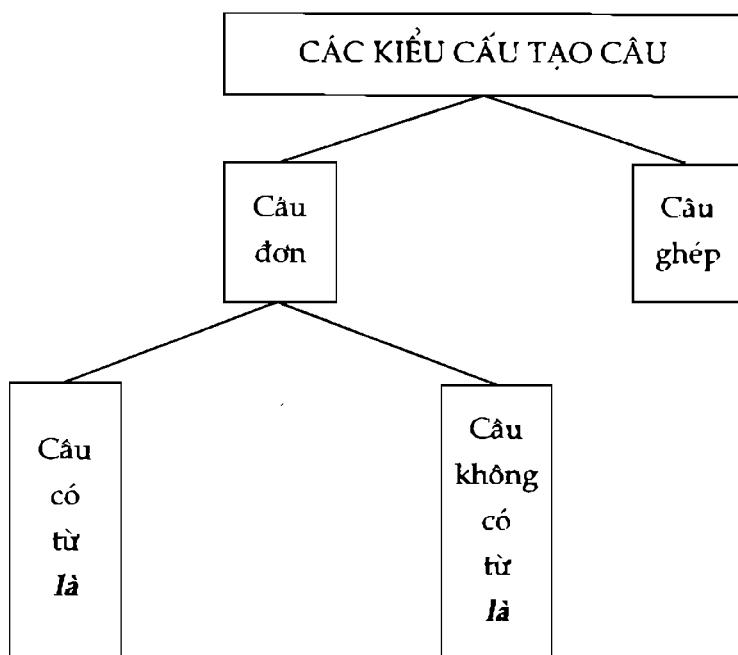
1. Các từ loại đã học



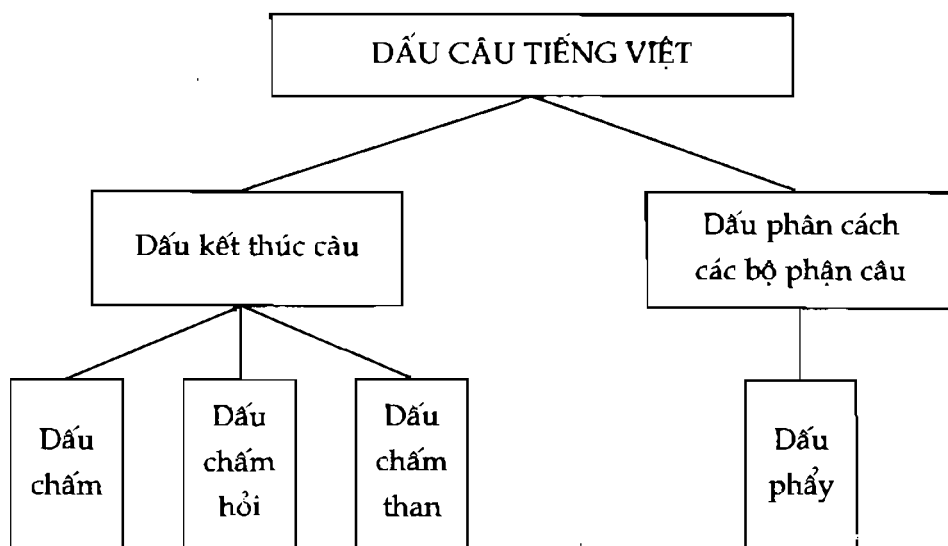
2. Các phép tu từ đã học



3. Các kiểu cấu tạo câu đã học



4. Các dấu câu đã học



VIẾT BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

PHỤ LỤC

BẢNG TRA CỬU YẾU TỔ HÁN VIỆT

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	biệt	22	xa cách nhau	tạm <i>biệt</i> , tiễn <i>biệt</i> (b.14), từ <i>biệt</i> (b.1), vĩnh <i>biệt</i> , ...
2	cần	15	siêng năng, chăm chỉ	<i>cần</i> cù, <i>cần</i> kiệm, <i>cần</i> lao, <i>cần</i> mẫn, chuyên <i>cần</i> , ...
3	cầu	3	tìm kiếm, xin	<i>cầu</i> an, <i>cầu</i> cứu, <i>cầu</i> hiền, <i>cầu</i> hôn, <i>cầu</i> khẩn, <i>cầu</i> nguyện, <i>cầu</i> toàn, ...
4	chí	10	nhất, rất, hết sức	<i>chí</i> công vô tư, <i>chí</i> hiếu, <i>chí</i> li, (lấy) <i>chí</i> nhân, <i>chí</i> tình, ...

Quy cách biên soạn bảng tra cứu

1. *Chữ in nghiêng*: yếu tố Hán Việt cần ghi nhớ.

2. *Kí hiệu viết tắt*:

- B : Bài
- b. : Văn bản bài
- đ.t : (phần) Đọc thêm
- g.n : (phần) Ghi nhớ
- t.l.v : Tập làm văn
- t.V : Tiếng Việt

3. *Phân Từ mở rộng* chủ yếu dựa vào cuốn *Từ điển từ Hán Việt* của Phan Văn Các,

-NXB Giáo dục, 1994.

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	<i>chiến</i>	27	đánh nhau	<i>chiến đấu</i> (b.26), <i>chiến lợi phẩm</i> , <i>chiến mã</i> (b.27), <i>chiến thắng</i> , <i>chiến tranh</i> (b.27), <i>kháng chiến</i> , ...
6	<i>chứng</i>	29	bằng cứ	<i>chứng cứ</i> , <i>chứng nhân</i> , <i>chứng từ</i> , <i>dẫn chứng</i> , <i>nhân chứng</i> (b.29), <i>tang chứng</i> , ...
7	<i>cổ</i>	21	xưa	<i>cổ đại</i> , <i>cổ kính</i> (b.26), <i>cổ thi</i> , <i>cổ thụ</i> , <i>cổ tích</i> (b.5 → b.8), <i>cổ truyền</i> , <i>cổ văn</i> , <i>khảo cổ</i> , ...
8	<i>cố</i>	22	cũ	<i>cố đồ</i> , <i>cố hương</i> , <i>cố nhân</i> , <i>cố tật</i> , <i>cố tri</i> , <i>ôn cố tri tân</i> (ôn cũ biết mới), ...
9	<i>cung</i>	1	nơi ở của vua chúa	<i>hoàng cung</i> (b.6, b.7), <i>thủy cung</i> , <i>cung điện</i> (b.8, b.9), <i>cung đình</i> , <i>cung nữ</i> , <i>cung phi</i> , ...
10	<i>dị</i>	5 đ.t	khác	<i>dị bản</i> (b.5, đ.t), <i>dị dạng</i> , <i>dị nghị</i> , <i>dị ứng</i> , <i>biến dị</i> , <i>đại đồng tiểu dị</i> (nét lớn thì giống nhau, chỉ khác ở chi tiết), ...
11	<i>du</i>	29	đi chơi	<i>du khách</i> (b.29), <i>du lịch</i> (b.29, b.31), <i>du ngoạn</i> , <i>ngao du</i> , ...
12	<i>địa</i>	15	đất	<i>địa bàn</i> , <i>địa chất</i> , <i>địa chủ</i> (b.8), <i>địa đạo</i> , <i>địa hình</i> , <i>địa lợi</i> (hình thế đất có lợi cho việc dùng binh), <i>địa phương</i> (b.19), <i>địa thế</i> , <i>nghĩa địa</i> , ...

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	đồng	20	cùng nhau ; giống nhau	đồng bào, đồng cảm, đồng chí (b.24), đồng dạng, đồng hoá, đồng khoa, đồng khởi, đồng nghiệp (b.20), đồng phục, đồng thanh (b.22), ...
14	gia	5	nhà	gia cảnh, gia cầm, gia chánh, gia giáo, gia nhân, gia phả, gia quyến, gia tài (b.6), gia truyền, ...
15	giả	2	kẻ, người	dịch giả, kí giả, sứ giả, tác giả, ...
16	giáo	15	dạy	giáo án, giáo dục, giáo khoa, giáo sư, ...
17	hoài	27	nhớ	hoài cổ, hoài hương, hoài niệm, hoài vọng, cảm hoài, ...
18	hoàng	6, 8	vua	hoàng cung, hoàng đế, hoàng gia (b.31), hoàng hậu, hoàng thượng, hoàng tộc, hoàng tử (b.6, b.8), nữ hoàng (b.9), ...
19	hôn	3	lấy vợ, lấy chồng	hôn lễ, hôn nhân (b.14), hôn thú, cầu hôn, kết hôn, tảo hôn, thành hôn, ...
20	hùng	18	mạnh	hùng cường, hùng dũng, hùng hồn, hùng tráng, hùng vĩ, ...

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
21	<i>khả</i>	27	đáng, có thể	<i>khả</i> ái, <i>khả</i> dĩ, <i>khả</i> nghi, <i>khả</i> ó, <i>khả</i> thi, ...
22	<i>khảo</i>	20	điều tra, tìm tòi nghiên cứu ; đánh giá hơn kém	chung <i>khảo</i> , giám <i>khảo</i> , phúc <i>khảo</i> , tra <i>khảo</i> (tài liệu), <i>khảo</i> cổ, <i>khảo</i> cứu, ...
23	<i>không</i>	29	bầu trời	<i>không</i> chiến, <i>không</i> gian, <i>không</i> khí (b.30), <i>không</i> lực, <i>không</i> phận, <i>không</i> vận, ...
24	<i>khởi</i>	29	bắt đầu	<i>khởi</i> binh (B.4, đ.t), <i>khởi</i> công, vận sự <i>khởi</i> đầu nan (mọi việc lúc bắt đầu làm đều khó), <i>khởi</i> điểm, <i>khởi</i> động, <i>khởi</i> hành, <i>khởi</i> xương, ...
25	<i>kì</i>	31	lạ	<i>kì</i> ảo, <i>kì</i> công, <i>kì</i> diệu, đệ nhất <i>kì</i> quan (b.31), <i>kì</i> tài, <i>kì</i> tích, <i>kì</i> vĩ, ...
26	<i>kí</i>	30	nhớ ; ghi	<i>kí</i> giả, <i>kí</i> hiệu, <i>kí</i> sự, <i>kí</i> ức, bút <i>kí</i> , hồi <i>kí</i> , nhật <i>kí</i> (b.27, g.n), phiếu lưu <i>kí</i> (B.18), ...
27	<i>mãnh</i>	21, 27	mạnh, dữ	<i>mãnh</i> hổ, <i>mãnh</i> liệt, <i>mãnh</i> lực, <i>mãnh</i> thú, dùng <i>mãnh</i> , ...
28	<i>mĩ</i>	14	đẹp	<i>mĩ</i> dục, <i>mĩ</i> lệ, <i>mĩ</i> nghệ, <i>mĩ</i> nhân, <i>mĩ</i> quan, <i>mĩ</i> thuật, <i>mĩ</i> tục, <i>mĩ</i> vị, <i>mĩ</i> viện, thăm <i>mĩ</i> , ...

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
29	<i>minh</i>	4	sáng	<i>minh</i> công, <i>minh</i> mẫn, <i>minh</i> quân, <i>minh</i> tinh (ngôi sao điện ảnh), ...
30	<i>nhân</i>	5	người	<i>nhân</i> cách, <i>nhân</i> hoà (sự hoà thuận trong lòng người), <i>nhân</i> hoá (B.24, t.V), <i>nhân</i> định thắng thiên (lòng người đã định thì có thể thắng được ý trời), <i>nhân</i> khẩu, <i>nhân</i> lực, <i>nhân</i> phẩm, <i>nhân</i> sinh quan, <i>nhân</i> tài (b.7), <i>nhân</i> tâm, <i>nhân</i> vật (B.3, t.l.v), gia <i>nhân</i> , ...
31	<i>nô</i>	4	đầy tớ	<i>nô</i> bộc, <i>nô</i> dịch, <i>nô</i> lệ, <i>nô</i> tì, chủ <i>nô</i> , nông <i>nô</i> , ...
32	<i>phú</i>	5	giàu	<i>phú</i> cường, <i>phú</i> nông, <i>phú</i> ông, <i>phú</i> quý, trù <i>phú</i> (b.19), ...
33	<i>sĩ</i>	2	người trí thức và người được tôn trọng (nói chung)	hiền <i>sĩ</i> (người trí thức có đức, có tài), nữ <i>sĩ</i> , thạc <i>sĩ</i> , thi <i>sĩ</i> , tiến <i>sĩ</i> , tráng <i>sĩ</i> , văn <i>sĩ</i> , võ <i>sĩ</i> , <i>sĩ</i> phu, ...
34	<i>sơn</i>	3	núi	<i>sơn</i> cước (miền rừng núi), <i>sơn</i> hà, <i>sơn</i> mạch, <i>sơn</i> thủy, giang <i>sơn</i> , <i>sơn</i> hào hải vị (món ăn đặc sản miền núi và miền biển, món ăn quý lạ nói chung), <i>sơn</i> lâm, <i>sơn</i> tinh, ...
35	<i>tài</i>	6	của cải	<i>tài</i> chính, <i>tài</i> nguyên, <i>tài</i> khoản, <i>tài</i> sản, gia <i>tài</i> , ...

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
36	<i>thám</i>	31	thăm dò	<i>thám báo, thám hiểm, thám thính, thám tử, mật thám, trình thám, ...</i>
37	<i>thẩm</i>	19	xét	<i>thẩm định, thẩm phán, thẩm tra, thẩm vấn, phúc thẩm, ...</i>
38	<i>thất</i>	22	mất, tổn thất	<i>thất bại, thất hiệu, thất học, thất lạc, thất lễ, thất nghiệp, thất sách, thất sắc, thất thanh, thất thế, thất thu, thất tín, thất trận, thất truyền, ...</i>
39	<i>thiên</i>	6	trời	<i>thiên hạ (b.1), thiên nhiên (b.18, b.25), thiên tai (B.30, đ.t), thiên thần, "thiên thời (điều kiện khí hậu, thường chỉ điều kiện thuận lợi) địa lợi nhân hoà", ...</i>
40	<i>thủy</i>	1	nước	<i>thủy chiến, thủy cung, thủy lợi, thủy nông, thủy sản, thủy triều, thủy văn, ...</i>
41	<i>tiên</i>	1	trước	<i>tiên đề, tiên đoán, tiên quyết, tiên tri, tiên ưu hậu lạc (lo trước mọi người, vui sau mọi người), tiên vương, ...</i>
42	<i>tri</i>	22	biết	<i>tri âm, tri giác, tri kỉ, tri thức, cố tri, ...</i>
43	<i>triều</i>	1	triều đình	<i>triều đại, triều đường (B.6, đ.t), triều kiến (vào chầu vua), triều phục, triều thần (b.7, b.8), ...</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ chứa yếu tố Hán Việt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
44	trung	11 t.V	giữa	trung bình (B.11, t.V), trung cấp, trung cổ, trung điểm, trung gian, trung hoà, trung lập, trung niên (B.11, t.V), trung tính, trung tuyến, (đường) trung trực, trung vệ, ...
45	trường	19	dài	trường ca, trường chinh (b.29), trường giang (b.27), trường sinh, trường thành, trường thọ (b.25), trường tồn, ...
46	tuần	5	tài giỏi hơn người	tuần kiệt, tuần tú, anh tuấn, ...
47	tứ	6	bốn	tứ chi, tứ cố vô thân, tứ đại đồng đường (bốn đời cha con cháu chết cùng chung sống), tứ giác, tứ phương, tứ tuần (bốn mươi tuổi), tứ tuyết, tứ xứ, ...
48	vô	6	không	vô biên, vô chính phủ, vô danh, vô đề, vô hiệu (b.7), vô lễ, vô tận (b.19), vô nghiệm, vô thủy vô chung (không có bắt đầu, cũng không có kết thúc), vô tư, vô ý thức, ...
49	vương	1	vua	vương hầu, vương miện (mũ của vua), vương quốc, vương triều, đế vương, quốc vương, tiên vương, ...
50	yếu	6 t.V	chính, cốt yếu, quan trọng	yếu điểm, yếu lược (B.6, t.V), yếu nhân (B.6, t.V), trích yếu, sơ yếu, ...

MỤC LỤC

Bài	Nội dung	Trang
18	• <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> • Phó từ • Tìm hiểu chung về văn miêu tả	3 12 15
19	• <i>Sông nước Cà Mau</i> • So sánh • Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả	18 24 27
20	• <i>Bức tranh của em gái tôi</i> • Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả	30 35
21	• <i>Vượt thác</i> • So sánh (tiếp theo) • Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt) Rèn luyện chính tả • Phương pháp tả cảnh • Viết bài tập làm văn số 5 – Văn tả cảnh (<i>làm ở nhà</i>)	37 41 43 45 49
22	• <i>Buổi học cuối cùng</i> • Nhân hoá • Phương pháp tả người	49 56 59
23	• <i>Đêm nay Bác không ngủ</i> • Ẩn dụ • Luyện nói về văn miêu tả	63 68 71

24	• <i>Lượm</i>	72
	• <i>Mưa</i> (Tự học có hướng dẫn)	78
	• Hoán dụ	82
	• Tập làm thơ bốn chữ	84
	• Trả bài tập làm văn số 5	87
25	• <i>Cô Tô</i>	88
	• Các thành phần chính của câu	92
	• Viết bài tập làm văn số 6 – Văn tả người (<i>làm tại lớp</i>)	94
26	• <i>Cây tre Việt Nam</i>	95
	• Câu trần thuật đơn	101
	• Hoạt động ngữ văn : Thi làm thơ năm chữ	103
27	• <i>Lòng yêu nước</i>	106
	• <i>Lao xao</i>	110
	• Câu trần thuật đơn có từ là	114
	• Trả bài tập làm văn số 6	116
28	• Ôn tập truyện và kí	117
	• Câu trần thuật đơn không có từ là	118
	• Ôn tập văn miêu tả	120
	• Viết bài tập làm văn số 7 – Văn miêu tả sáng tạo (<i>làm tại lớp</i>)	122
29	• <i>Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử</i>	123
	• Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ	129
	• Viết đơn	131
30	• <i>Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</i>	135
	• Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ (<i>tiếp theo</i>)	141
	• Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi	142
31	• <i>Động Phong Nha</i>	144
	• Ôn tập về dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than)	149
	• Kiểm tra Tiếng Việt	152
	• Trả bài tập làm văn số 7	152

32	• Tổng kết phần Văn • Tổng kết phần Tập làm văn • Ôn tập về dấu câu (Dấu phẩy)	154 155 157
33	• Chương trình địa phương (<i>phần Văn và Tập làm văn</i>) • Ôn tập tổng hợp chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối năm	160 162
34	• Tổng kết phần Tiếng Việt • Viết bài kiểm tra tổng hợp cuối năm	167 168
	Phụ lục – Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	169

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **VŨ THUYẾT ANH – VŨ THỊ KIM – HOÀNG PHÙNG**

Biên tập tái bản : **VŨ THUYẾT ANH**

Biên tập kỹ thuật : **KIỀU NGUYỆT VIÊN**

Bìa và minh họa : **TRẦN TIỂU LÂM**

Sửa bản in : **NGUYỄN THỊ HOA DUNG**

Chế bản : **CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

NGŨ VĂN 6 - TẬP HAI

Mã số : 2H609T1

In 120.000 cuốn (QĐ02), khổ 17 x 24 cm.

In tại Công ty cổ phần In Diên Hồng 187^B Giảng Võ - Hà Nội.

Số in : 155/10. Số XB : 01-2011/CXB/45 - 1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

1. Ngữ văn 6 (tập một, tập hai)
2. Lịch sử 6
3. Địa lí 6
4. Giáo dục công dân 6
5. Âm nhạc và Mỹ thuật 6
6. Toán 6 (tập một, tập hai)
7. Vật lí 6
8. Sinh học 6
9. Công nghệ 6
10. Tiếng nước ngoài :
 - Tiếng Anh 6
 - Tiếng Nga 6
 - Tiếng Pháp 6
 - Tiếng Trung Quốc 6
 - Tiếng Nhật 6

ISBN 978-604-0-00072-9



8 934994 019491

Giá : 8.500đ